RAP PUBLICATION 2011/15

Lồng ghép giới vào quản lý chu trình dự án trong ngành Thủy sản

Tài liệu Hướng dẫn Thực hành

MINISTERIO
DE ASUNTOS EXTERIORES
Y DE COOPERACIÓN

aecid

FAO
FIAT PANIS

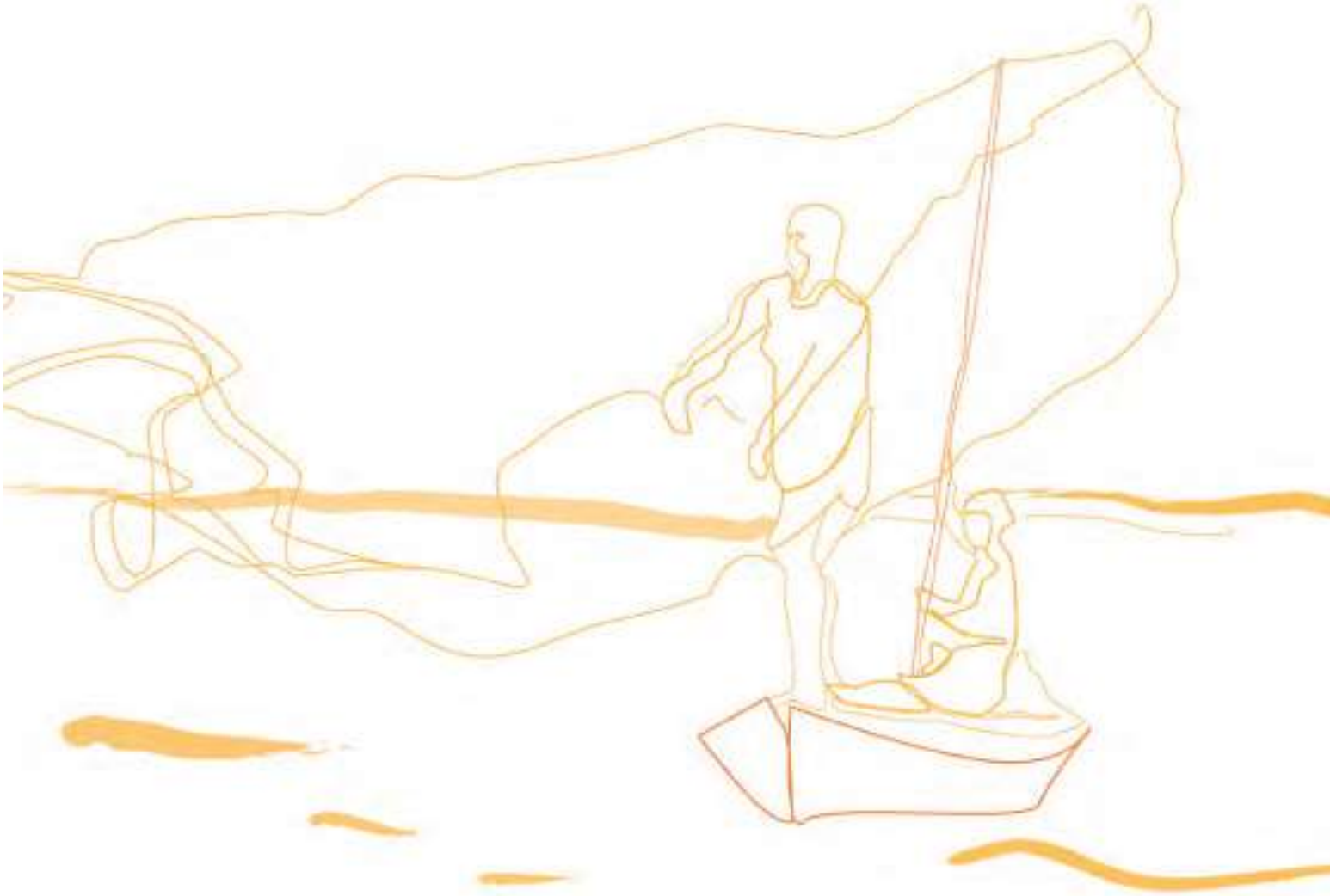

Lồng ghép giới vào quản lý chu trình dự án trong ngành Thủy sản

M.C. Arenas và A. Lentisco

TỔ CHỨC LƯƠNG THỰC VÀ NÔNG NGHIỆP LƯƠNG HIỆP QUỐC
VĂN PHÒNG KHU VỰC CHÂU Á VÀ THÁI BÌNH DƯƠNG

Bangkok, 2011

RAP PUBLICATION 2011/15

Tiêu đề và cách trình bày tài liệu trong ấn phẩm này không thể hiện quan điểm của Tổ chức Nông lương Liên hiệp quốc (FAO) hoặc của AECID về hiện trạng phát triển hay luật pháp của bất kỳ quốc gia, lãnh thổ, thành phố hoặc khu vực hay chính quyền nào có liên quan, hoặc đề cập đến sự phân định biên giới hoặc ranh giới. Việc đề cập đến những công ty cụ thể hay sản phẩm cụ thể của các nhà sản xuất, dù có hay chưa có bằng sáng chế không có hàm ý FAO hoặc AECID đánh giá cao họ hơn so với đơn vị những đối tượng khác.

ISBN 978-92-5-106934-9

Đây là một ấn phẩm có đăng ký bản quyền. Việc tái bản và phổ biến tài liệu ấn phẩm này vì mục đích giáo dục hay các mục đích phi thương mại khác được cho phép mà không cần các bên giữ bản quyền đồng ý bằng văn bản trước khi sử dụng, miễn là người sử dụng phải trích dẫn nguồn sử dụng đầy đủ. Việc tái bản tài liệu trong ấn phẩm thông tin này để bán lại hay phục vụ các mục đích thương mại khác bị nghiêm cấm nếu không có văn bản cho phép của những người giữ bản quyền.

Thư xin phép đó phải được gửi đến:
Trưởng
Ban Chính sách Xuất bản Điện tử và Hỗ trợ Truyền thông Chi nhánh
FAO
Viale delle Terme di Caracalla, 00153 Rome, Italy

or by e-mail to:
copyright@fao.org
© FAO 2011

Thiết kế Sonia Garcia Vaca

Để xin nhận ấn phẩm này, vui lòng liên lạc với: Steve Needham
FAO Regional Office for Asia and the Pacific
Maliwan Mansion, 39 Phra Atit Road
Bangkok 10200
THAILAND
Tel: (+66) 2 697 4000
Fax: (+66) 2 697 4445
E-mail: steve.needham@fao.org.

LỜI GIỚI THIỆU

Trên thế giới hiện nay đang có một sự đồng thuận về tầm quan trọng của việc giải quyết vấn đề giới trong phát triển. Tuy nhiên, vấn đề này thường bị lãng quên trong quá trình thiết kế và thực hiện dự án. Mặc dù, ngành thủy sản trong một thời gian dài đã được xem là một lĩnh vực dành cho nam giới, nhưng sự tham gia và đóng góp của nữ giới có một tầm quan trọng vượt xa suy nghĩ thông thường. Việc hiểu không đầy đủ đối với tính phức tạp của vấn đề giới trong ngành thủy sản có thể dẫn đến việc thất bại của các chính sách hay các chương trình trong việc tạo nên các sinh kế bền vững.

Hiện tại, có tương đối ít các tài liệu hướng dẫn hay các đề xuất cụ thể về cách thức giải quyết có hiệu quả vấn đề giới trong bối cảnh phát triển ngành thủy sản quy mô nhỏ. FAO nhận thức đầy đủ tầm quan trọng của các vấn đề Giới trong các dự án phát triển như là một cách để tăng cường bình đẳng giới và cải thiện kế sinh nhai ngành thủy sản. Hiện chưa có sự quan tâm đúng mức đối với các vấn đề giới mà có ảnh hưởng đến các cộng đồng ngư dân. Hiện cũng đang thiếu các công cụ và các tài liệu hướng dẫn đối với cách thức giải quyết các vấn đề giới trong các cộng đồng này.

Vì lý do này, Chương trình Sinh kế Thủy sản Vùng cho Nam và Đông Nam Á (RFLP) được tài trợ bởi Tây Ban Nha và được thực hiện bởi FAO xây dựng tập sách hướng dẫn này để giúp cho các cán bộ thực địa lồng ghép khía cạnh giới vào trong tất cả các giai đoạn của các dự án phát triển trong lĩnh vực thủy sản quy mô nhỏ.

Tôi tin tưởng rằng sổ tay hướng dẫn này sẽ là một đóng góp quan trọng giúp cho việc đảm bảo các vấn đề giớiđược ghi nhận rõ ràng và được giải quyết trong tất cả các hoạt động dự án ở khu vực các nước Nam Á và Đông Nam Á cũng như các vùng khác.

Hyroyuki Konuma
Trợ lý Tổng giám đốc – Đại diện của FAO ở Khu vực Châu Á và Thái Bình Dương

LỜI CẢM ƠN

Ấn phẩm này được xây dựng trên cơ sở các đóng góp có giá trị của nhiều cộng tác viên. Chúng tôi đặc biệt cảm ơn các đại biểu tham dự Hội thảo về Những hoạt động Tốt nhất cho Việc lồng ghép giới trong lĩnh vực thủy sản được tổ chức tại Siêm Riệp, Cam-pu-chia, ngày 2-5/11/2010. Xin chân thành cảm ơn các cộng đồng ngư dân tại Prek Sramoach, Kampong Pluk và Chong Khneas tại Hồ Tonle Sap, và Chum Pou Khov tại Preah Sihanouk, Cam-pu-chia, các cộng đồng ngư nghiệp của Thị trấn Phú Lộc, xã Lộc Trì, Thôn Hải Tiến tại tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam và các cộng đồng ngư dân tại Lautem và Baucau tại Đông Timor, đã tận tình hỗ trợ cho việc thử nghiệm cuốn cẩm nang hướng dẫn này.

MỤC LỤC

Lời giới thiệu iii
Lời cảm ơn iv
Mục lục v
Chương trình Sinh kế thủy sản khu vực Nam và Đông Nam Á (RFLP) vii
Danh mục từ viết tắt vii
Giới thiệu về tập Cẩm nang này viii

Chương 1: Bình đẳng giới trong hợp tác phát triển 1
1.1 Căn nguyên của vấn đề 2
1.1.1 Nghèo đói và giới 2
1.1.2 Nhân quyền và giới 2
1.2 Các khái niệm chính 3
1.3 Lồng ghép giới 9
1.3.1 Lồng ghép giới là gì? 9
1.3.2 Các phương pháp lồng ghép bình đẳng giới 10

Chương 2: Phụ nữ trong ngành thủy sản 15
2.1 Vai trò của phụ nữ trong ngành thủy sản 15
2.2 Phụ nữ trong ngành thủy sản ở Đông Nam Á 16
2.3 Những kiến nghị về sự trao quyền cho phụ nữ trong thủy sản 20

Chương 3: Các công cụ để lồng ghép bình đẳng giới trong các dự án hợp tác phát triển 28
3.1 Những nhận định chung 28
3.2 Phân tích hoạt động 31
3.3. Tiếp cận và kiểm soát các lợi ích và tiếp cận các nguồn lực 34
3.4 Nhu cầu Giới 38
3.5. Vạch ra các yếu tố ảnh hưởng đến động năng Giới 40
3.6. Chỉ số nhạy cảm Giới 42

Chương 4: Lồng ghép giới vào quản lý chu trình dự án 48
4.1 Quản lý chu trình dự án (PCM) 48
4.1.1 Dự án là gì 48
4.1.2 Quản lý chu trình dự án (PCM) 48
4.1.3 Cách tiếp cận Khung Logic (LFA) 50
4.1.4 Tiếp cận khung logic và PCM tổng hợp 51
4.1.5 Các giai đoạn trong quản lý dự án từ khung logic và PCM tổng hợp 52

4.2 Đánh giá bình đẳng giới ở tất cả các giai đoạn của dự án 61
4.2.1 Xác định và thiết kế dự án 61
4.2.1.1 Sự tham gia/phân tích các bên liên quan 63
4.2.1.2 Phân tích vấn đề 64
4.2.1.3 Phân tích các mục tiêu 66
4.2.1.4 Phân tích các giải pháp thay thế 66
4.2.1.5 Ma trận khung logic 66
4.2.2 Thực hiện và giám sát 70
4.2.3 Đánh giá 72

Phụ lục

CHƯƠNG TRÌNH SINH KẾ THỦY SẢN
KHU VỰC NAM VÀ ĐÔNG NAM Á (RFLP)

Chương trình Sinh kế thủy sản khu vực Nam và Đông Nam Á (RFLP) được thiết kế nhằm tăng cường năng lực cho các cộng đồng ngư dân quy mô nhỏ tham gia trong chương trình, đồng thời tăng cường năng lực cho các thể chế hỗ trợ cho các cộng đồng này tại Campuchia, Indonesia, Philipin, Sri Lanka, Đông Timo và Việt Nam. Với những mục tiêu này, RFLP tập trung vào việc cải thiện sinh kế của ngư dân và gia đình của họ khi thúc đẩy các hoạt động quản lý tài nguyên thủy sản một cách bền vững hơn. Giai đoạn bốn năm (2009-2013), một khoản ngân sách 19,55 USD của RFLP được tài trợ bởi Vương quốc Tây Ban Nha và được thực hiện bởi Tổ chức Nông Lương Liên hiệp quốc (FAO) trong sự phối hợp chặt chẽ với các cơ quan trung ương của các quốc gia tham gia dự án. Chương trình RFLP nhận thức rằng cần chú ý đến các vấn đề giới trong suốt toàn bộ quá trình dự án, bởi vì điều này có tính thiết yếu đối với việc cải thiện sinh kế và giảm thiểu tính yếu thế của các cộng đồng ngư dân.

Để hỗ trợ việc công nhận này và nâng cao sự đóng góp chia sẻ kiến thức trong khu vực về các vấn đề giới trong ngành ngư nghiệp ở cấp độ hiện trường, RFLP đã xây dựng tập sách cẩm nang hướng dẫn cách thức lồng ghép giới vào tất cả các giai đoạn của quá trình dự án, từ đó đảm bảo việc nâng cao bình đẳng giới và cải thiện sinh kế thủy sản.

Để biết thêm thông tin, xin xem trên trang web của RFLP www.rflp.org

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

ADB	Ngân hàng Phát triển Châu Á
AUSAID	Chương trình hỗ trợ quốc tế của Chính phủ Úc
CEDAW	Công ước về việc Loại bỏ tất cả các Hình thức Phân biệt Đối xử đối với Phụ nữ
EU	Liên minh châu Âu
FAO	Tổ chức Nông Lương của Liên hiệp quốc
FWCW	Hội nghị thế giới về phụ nữ lần thứ 4
GAD	Giới và Phát triển
LFA	Phương pháp Khung Logic
MDGs	Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ
NGOs	Các tổ chức phi chính phủ
OECD	Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế
OVI	Chỉ số xác định mục tiêu
PCM	Quản lý chu trình dự án
PFA	Chương trình Hành động Bắc Kinh
SEAGA	Chương trình phân tích giới và kinh tế xã hội
SOV	Nguồn xác nhận
UN	Liên hiệp quốc (LHQ)
UNDP	Chương trình phát triển Liên hiệp quốc
UNESCO	Tổ chức Văn hóa, Khoa học và Giáo dục Liên hiệp quốc
UNFPA	Quỹ dân số Liên hiệp quốc
UNICEF	Quỹ Trẻ em Liên hiệp quốc
UNIFEM	Quỹ Phát triển Liên hiệp quốc dành cho Phụ nữ
WID	Phụ nữ trong sự Phát triển

GIỚI THIỆU VỀ TẬP CẨM NANG NÀY

Cẩm nang thực hiện này được xây dựng nhằm hỗ trợ công tác phân tích giới và lập kế hoạch trong các dự án thủy sản. Mục đích của tài liệu là giúp người quản lý dư án và các đối tác thực hiện (ví dụ: khuyến nông viên, cán bộ nhà nước và các tổ chức phi chính phủ, các đơn vị tư vấn tư nhân hay thuộc nhà nước, các nhóm cộng đồng và lãnh tụ các nhóm địa phương) thúc dẩy lồng ghép các vấn đề giới và chu trình thực hiện dự án.

Tài liệu có cấu trúc như sau:

- Chương một: Giải thích căn nguyên, khái niệm và các phương pháp tiếp cận liên quan đến việc lồng ghép bình đẳng giới vào hợp tác phát triển.

- Chương hai: Trình bày tổng quan về vai trò của phụ nữ trong ngành thủy sản Đông Nam Á, những vấn đề họ phải đối mặt và những cơ hội tạo quyền cho họ.

- Chương ba: Cung cấp các công cụ để lồng ghép bình đẳng giới trong các dự án hợp tác phát triển.

- Chương bốn: Cung cấp các công cụ để lồng ghép giới ở các giai đoạn khác nhau của quá trình dự án. Tổng quan về Quản lý Chu trình Dự án được trình bày ở Mục 4.1

Một danh mục các bài viết cũng như trang web tham khảo có liên quan được trình bày ở cuối tài liệu.

Một công trình đang được tiếp tục hoàn thiện

Các nội dung của sổ tay này được phát triển trên cơ sở sử dụng nhiều nguồn khác nhau. Các công cụ đã được thử nghiệm trên hiện trường, đồng thời, các công cụ và sổ tay hướng dẫn đã nhận được các thông tin phản hồi từ các chuyên gia và các cán bộ thực địa. Tuy nhiên, Chương trình Sinh kế thủy sản khu vực nhận thức được tầm quan trọng của việc tiếp tục cập nhật ấn phẩm để thể hiện được các kinh nghiệm và đề xuất của người sử dụng. Vì vậy, chúng tôi rất mong người sử dụng cuốn sổ tay hướng dẫn này gửi các nhận xét và các thông tin phản hồi đến cho Steve Needham, cán bộ Thông tin của RFLP theo địa chỉ email: steve.needham@fao.org

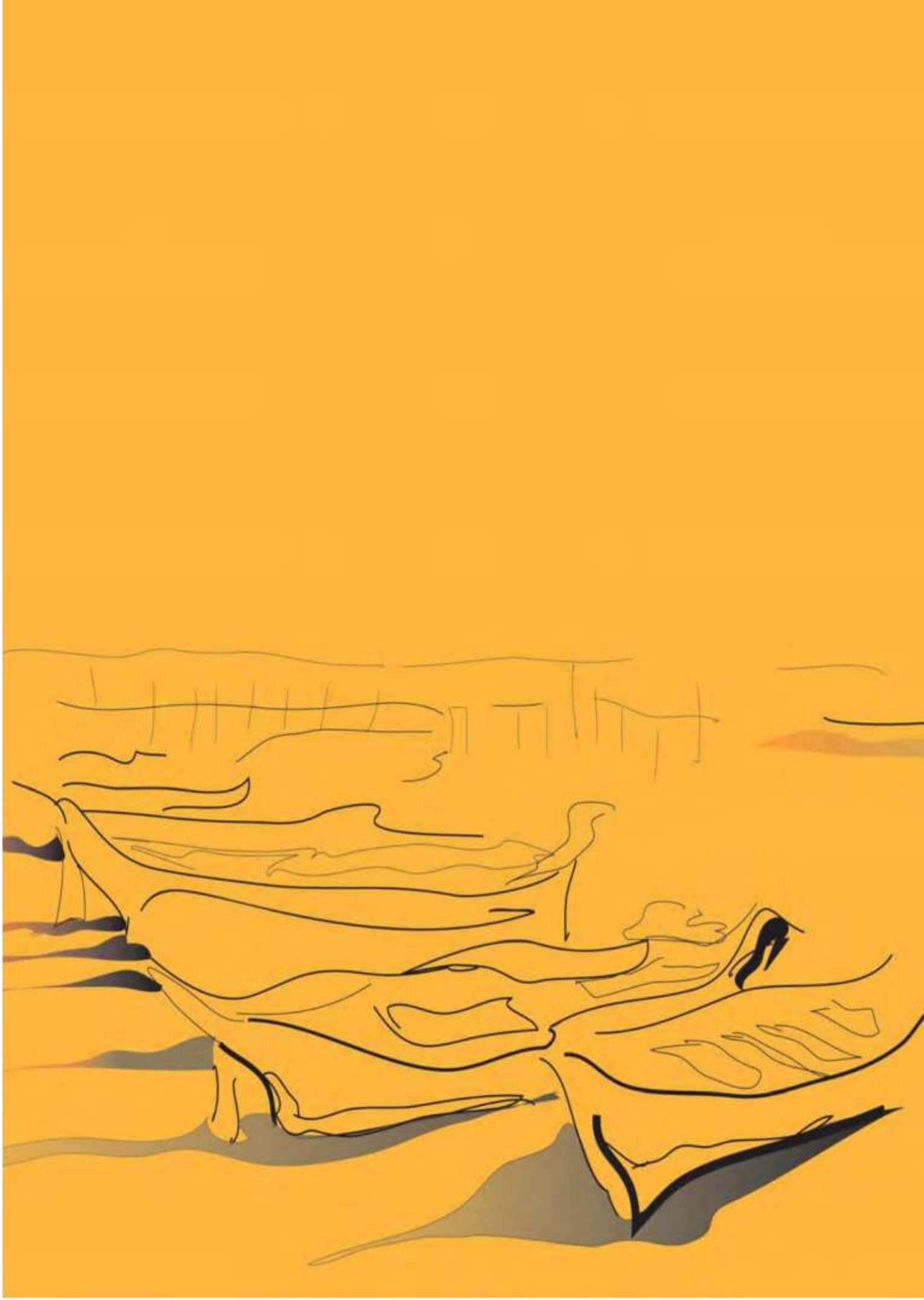

CHƯƠNG 1

BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG HỢP TÁC PHÁT TRIỂN

Bất bình đẳng giới gây ra và duy trì sự nghèo đói và tình trạng dễ bị tổn thương. Vì vậy, thực hiện tốt bình đẳng giới có thể giúp giảm bớt các nguyên nhân căn bản dẫn đến đói nghèo và tình trạng dễ bị tổn thương và góp phần vào tăng trưởng giảm nghèo một cách bền vững.

Hai hội nghị quốc tế ở Cairo (1994 ICPD) và Bắc Kinh (1995 FWCW), nơi các tuyên bố chính về chính sách bình đẳng giới trong hợp tác phát triển được thông qua, đã chứng tỏ là những điểm mốc quan trọng của quá trình thực hiện Tuyên ngôn Phát triển Thiên niên kỷ của Liên Hiệp Quốc và các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ (MDGs) trong việc công nhận các quyền sinh sản và quyền phụ nữ trọng việc tiếp cận bình đẳng và tham gia đầy đủ vào các cơ cấu quyền lực và ra quyết định. Các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ rất nhấn mạnh các nhu cầu của phụ nữ và trẻ em trong các lĩnh vực y tế và giáo dục.

Mục tiêu thứ ba cụ thể nhắm đến việc nâng cao bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ nhằm mục đích loại bỏ sự khác biệt về giới trong giáo dục tiểu học và trung học vào năm 2005, và ở tất cả các cấp giáo dục trước năm 2015.

Mục tiêu thứ năm tập trung vào vấn đề tử vong mẹ và từ năm 2005 vào việc tiếp cận phổ thông đối với sức khỏe sinh sản.
Báo cáo Phát triển con người năm 2003 của Chương trình Phát triển Liên Hiệp quốc (UNDP) đề xuất rằng nếu các nước giàu và nghèo cùng chung tay làm việc, họ có thể giúp hàng triệu người thoát khỏi tình trạng nghèo đói nghiêm trọng và đạt được các mục tiêu lớn vào năm 2015. Tuy nhiên, báo cáo công nhận, 'nếu năng lực của phụ nữ không được cải thiện và bình đẳng giới không được nâng cao thì sẽ không đạt đượccác Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ khác '.

Điều này đòi hỏi các hành động mạnh mẽ của cộng đồng tài trợ rộng lớn và các nhà tài trợ cá nhân để góp phần vào việc đạt được các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ và xây dựng mối quan hệ đối tác với các nước đang phát triển liên quan đến mục tiêu thứ ba.

Trên toàn thế giới, 24% bé gái ở độ tuổi tiểu học vẫn chưa đến trường. Con số này ở các bé trai là 16%
Ở các nước đang phát triển, tỷ lệ người lớn mù chữ của nam giới là 84% và của phụ nữ là 70%.

1.1 Căn nguyên của vấn đề

1.1.1 Nghèo đói và Giới

Mục tiêu ban đầu và tổng quát của hợp tác phát triển là xóa nghèo trong bối cảnh đòi hỏi cần phải phát triển bền vững. Tuy nhiên, nghèo đói không chỉ được hiểu đơn giản như là sự thiếu hụt về thu nhập và các nguồn tài chính mà còn bao hàm khái niệm về bất bình đẳng trong việc tiếp cận và quản lý các nguồn lực vật chất và phi vật chất của một cộng đồng cụ thể. Các lợi ích vật chất và phi vật chất bao gồm quyền, tiếng nói chính trị, việc làm, thông tin, các dịch vụ, cơ sở hạ tầng và tài nguyên thiên nhiên. Một yếu tố quyết định quan trọng dẫn đến bất bình đẳng trong tiếp cận và quản lý các nguồn lực xã hội và lợi ích là giới.

1.1.2 Nhân quyền và giới

Bình đẳng giới và đối xử không phân biệt trên cơ sở giới tính là các quyền cơ bản của con người được công nhận trong một số các văn bản pháp lý quốc tế và tuyên ngôn, và được công nhận tôn trọng ở hầu hết các bản hiến pháp của các quốc gia. Tuy nhiên, thông thường, các bộ luật quốc gia, phong tục tập quán hoặc cấu trúc xã hội gây ra những hình thức đối xử khác nhau đối với phụ nữ và nam giới, hoặc trẻ em nam và và trẻ em gáinữ. Hầu hết các văn bản về nhân quyền là 'có tính chất trung tính về giới' khi chỉ nêu tất cả các công dân phải được Nhà nước đối xử không phân biệt, nhưng chỉ sự đảm bảo đó không đủ để xử lý các vấn đề bất bình đẳng hiện.

Công ước về việc Loại bỏ tất cả các Hình thức Phân biệt Đối xử đối với Phụ nữ (CEDAW) tiến xa hơn những tuyên bố đảm bảo về bình đẳng và đưa ra các biện pháp nhằm đạt được sự bình đẳng bền vững trong tất cả các lĩnh vực và ở tất cả các ban ngành. Vì thế CEDAW cung cấp một khung cơ sở toàn cầu cho sự phát triển dựa trên quyền[1].

[1] Xem Tập tin về Công ước liên quan đến việc Loại bỏ tất cả các Hình thức Phân biệt Đối xử đối với Phụ nữ (1979) xây dựng bởi UNICEF/UNIFEM (1995).

1.2 Các khái niệm chính

giới tính chỉ những khác biệt sinh học và di truyền giữa nam giới và nữ giới có từ lúc sinh ra và không thể thay đổi một cách tự nhiên. Nó liên quan đến các đặc tính vật lý gắn với đường nét, đặc điểm, đặc tính sinh dục, hóc-môn, gien và cơ quan sinh sản của cơ thể một người.
Những khác biệt sinh học giữa nam giới và nữ giới:

Nữ giới	Nam giới
Có tử cung, có thể mang thai, sinh con	Không có tử cung, không thể mang thai, sinh con
Cơ quan sinh dục nữ	Cơ quan sinh dục nam
Có thể cho con bú	Không thể cho con bú
Không có râu	Có râu

Giới được định nghĩa là 'một khái niệm chỉ những khác biệt về mặt xã hội, trái với những khác biệt sinh học, giữa phụ nữ và nam giới, được tiếp thu và có thể thay đổi theo thời gian và có những dị bản khác nhau cả bên trong một nền văn hóa hoặc giữa các nền văn hóa[2].

Giới ảnh hưởng đến mối quan hệ giữa phụ nữ và nam giới trong gia đình và xã hội, liên quan đến việc phân chia quyền lực, vị trí, giai cấp và trách nhiệm, được quyết định bởi xã hội và cũng có thể được thay đổi bởi xã hội.
Những khác nhau giữa giới tính và giới[3]

GIỚI TÍNH	GIỚI
YẾU TỐ SINH HỌC, BẨM SINH	YẾU TỐ XÃ HỘI, KHÔNG MANG TÍNH BẨM SINH
KHÔNG THỂ THAY ĐỔI	CÓ THỂ THAY ĐỔI
Ví dụ: Chỉ phụ nữ có thể sinh con Chỉ nam giới có bộ phận sinh dục nam Chỉ phụ nữ có thể mang thai v.v..	Ví dụ: Nam giới và phụ nữ đều có thể làm việc nhà Nam giới và phụ nữ đều có thể trở thành giáo viên, kỹ sư, tài xếv.v. Nam giới và phụ nữ đều có thể trở thành nhà lãnh đạo và quản lý

[2] Một trăm từ vì sự bình đẳng: Một danh mục các thuật ngữ về bình đẳng giữa phụ nữ và nam giới (DG Employment and Social Affairs, 1998), http://europa.eu.int/comm/employment_social/equ_opp/glossary/glossary_en.pdf

[3] Trích từ "Module Giới thiệu: Khái niệm Giới dành cho quản lý cộng đồng ngư nghiệp". CBRMN. Tháng 7 năm 2009

Vai trò giới là những vai trò mà cả hai giới tính được mong đợi sẽ thực hiện trong xã hội với tư cách là phụ nữ hay nam giới. Ví dụ: vai trò của một người mẹ và người cha bao gồm quyền và nghĩa vụ chăm sóc con cái và nuôi sống gia đình.

Cả hai nhóm vai trò được hình thành bởi vô số yếu tố xã hội, kinh tế, chính trị, văn hóa và các yếu tố khác, và sẽ thay đổi cùng với những biến động trong các yếu tố ảnh hưởng mang tính hình thành này. Ví dụ, nếu nhiều người trong số các nam giới trong xã hội vắng mặt vì tham gia chiến đấu hay công tác trong một khoảng thời gian dài, các vai trò của người phụ nữ tất nhiên sẽ thay đổi.

Những thay đổi trong vai trò giới có thể mang tính tự phát hay là kết quả của những chính sách và biện pháp can thiệp được hoạch định, như là các chương trình phát triển. Bởi vì các chương trình phát triển tạo ra sự thay đổi (trong một hay nhiều chiều hướng), chúng tất yếu sẽ ảnh hưởng đến vai trò và các mối quan hệ giới, cho dù đó có phải là mục tiêu được đề ra của các chương trình đó hay không.

Những khác biệt giữa vai trò giới tính và vai trò giới[4]

Các vai trò về giới tính	Các vai trò Giới
Các vai trò giới tính giống nhau đối với tất cả các cộng đồng xã hội và mang tính thống nhất không thể thay đổi theo lịch sử	Khác biệt giữa các xã hội khác nhau
Không thay đổi theo lịch sử	Có thể thay đổi theo lịch sử
Chỉ có một vai trò cho mtính	Các vai trò dành cho cả hai giới tính
Được quyết định bởi yếu tố sinh học	Được quyết đinh bởi văn hóa và xã hội Không được quyết định bởi yếu tố sinh học

Các mối quan hệ giới được miêu tả như là 'mối quan hệ và sự phân chia quyền lực không bình đẳng giữa phụ nữ và nam giới, tạo nên đặc tính của tất cả các hệ thống giới[5].

Các vai trò giới tương ứng của phụ nữ và nam giới không chỉ khác nhau mà còn không bình đẳng về khối lượng, quyền lực và giá trị.

Bất bình đẳng giới biểu hiện dưới nhiều hình thức, nhưng có thể hiểu một cách đơn giản là sự tiếp cận và kiểm soát không bình đẳng đối với các nguồn lực và tài sản vật chất và phi vật chất trong xã hội. Trong tất cả các xã hội, vai trò của người phụ nữ luôn bị xem là thấp kém hơn trong quan hệ với nam giới. Không ở quốc gia nào trên thế giới, phụ nữ có thể tiếp cận bình đẳng đối với quyền lực và việc ra quyết định. Bất bình đẳng liên quan đến việc thiếu sự tiếp cận về quyền, tài sản và quá trình ra quyết định; và thiếu khả năng kiểm soát quản lý các khía cạnh khác nhau trong đời sống của con người.

---

[4] Trích từ "Module Giới thiệu: Khái niệm Giới dành cho quản lý nghề cá dựa vào cộng đồng. CBRMN. Tháng 7 năm 2009

[5] Một trăm từ vì sự bình đẳng: Op. Cit

Công bằng giới đề cập đến quá trình đối xử bình đẳng và công bằng với phụ nữ và nam giới để đạt được sự bình đẳng giới. Để đảm bảo sự công bằng và bình đẳng, cần có các biện pháp để bù đắp cho những thiệt thòi về mặt lịch sử và xã hội, ngăn cản phụ nữ và nam giới chia sẻ một sân chơi bình đẳng. Một ví dụ về các biện pháp là việc cung cấp đào tạo về quản lý cho phụ nữ hay đưa ra tỷ trọng dành cho phụ nữ trong các vị trí ra quyết định.

CÔNG BẰNG ĐƯA ĐẾN BÌNH ĐẲNG

Sự công bằng về kết quả không thể thực hiện nếu không áp dụng những nguyên tắc về bình đẳng giới

Bình đẳng giới không có nghĩa là phụ nữ và nam giới phải 'giống nhau' hay phải có số lượng phụ nữ và nam giới hoặc trẻ em nữ và nam bằng nhau trong tất cả các hoạt động. Bình đẳng có nghĩa là phụ nữ và nam giới có cùng một vị thế tương đương nhau trong một cộng đồng xã hội, được tự do phát triển năng lực cá nhân và có các chọn lựa không bị giới hạn bởi các vai trò giới[6].

Có thể nói rằng bình đẳng giới có nghĩa là đối xử công bằng với phụ nữ và nam giới trong các bộ luật và chính sách, và sự tham gia, tiếp cận bình đẳng đối với tài nguyên và dịch vụ trong gia đình, cộng đồng và xã hội nói chung.

[6] Một trăm từ vì sự bình đẳng: Op. Cit

Công bằng giới được định nghĩa theo nhiều cách. Một cách để tiếp cận khái niệm này là chia nhỏ ra thành năm thành phần chính[7]:

- Quyền
- Cơ hội
- Giá trị
- Hoàn cảnh và kết quả
- Năng lực chủ thể

Quyền

Bình đẳng giới có nghĩa là cả nam giới và phụ nữ phải có quyền như nhau, và bình đẳng trước pháp luật. (Điều này được hiểu như là "tính pháp lý của bình đẳng giới" hay là bình đẳng giới theo luật. Các quyền này được quy định trong các công ước quốc tế, như là Công ước về việc Loại bỏ tất cả các Hình thức Phân biệt Đối xử đối với Phụ nữ (CEDAW); trong hiến pháp của các quốc gia; và các văn bản pháp luật và quy phạm pháp luật khác. Quy định cho nam giới và phụ nữ các quyền pháp lý như nhau là viên đá đặt nền cho việc xây dựng một xã hội trong đó phụ nữ và nam giới đều bình đẳng.

Cơ hội

Trong khi việc trao quyền bình đẳng có thể thiết lập "theo luật" sự bình đẳng giữa nam giới và phụ nữ, bình đẳng giới thực sự cần nhiều hơn những đảm bảo mang tính pháp lý. Để đảm bảo sự bình đẳng "trong thực tế " giữa nam giới và phụ nữ, các luật này cần được áp dụng. Trong thực tế, có nhiều rào cản về mặt xã hội, văn hóa, kinh tế và các mặt khác ngăn cản phụ nữ, và cả nam giới được hưởng trọn vẹn các quyền pháp lý đối với sự bình đẳng của họ.

[7] UNDP. Thực hành Lồng ghép Giới: Bộ công cụ 2007

Vì lý do này, bình đẳng giới cũng phải bao gồm bình đẳng về cơ hội. Nói cách khác, cả nam giới và phụ nữ không nên phải đối đầu với bất kỳ rào cản nào trong học tập, làm việc hoặc tham gia chính trị, cộng đồng và giả định chỉ vì giới tính của họ. Cả hai giới tính đều phải có cùng các cơ hội tiếp cận việc làm, tài nguyên, kiến thức và thông tin, và các dịch vụ, để sống lành mạnh và hạnh phúc. Tương tự, nam giới và phụ nữ phải được ở vị thế có thể có những lựa chọn thực sự công việc và phúc lợi của bản thân và phải có cơ hội bình đẳng để đưa ra hoặc ảnh hưởng đến những quyết định về bản thân, gia đình và cộng đồng của họ.

Thậm chí ở những trường hợp mà các cơ hội bình đẳng được đảm bảo chính thức bằng pháp luật và chính sách, nam giới và phụ nữ vẫn có khả năng gặp phải những rào cản trong việc có những cơ hội bình đẳng thực sự. Khả năng thực hiện của các thể chế (từ hộ gia đình đến nhà nước), thái độ và định kiến về các vai trò và quan hệ giới cũng như các thói quen văn hóa và truyền thống đều có ảnh hưởng lớn đến sự tồn tại của các cơ hội này

Giá tri

Thứ ba, bình đẳng giới còn có nghĩa là sự đóng góp của phụ nữ và nam giới đối với gia đình, xã hội và cộng đồng phải được đánh giá công bằng, mặc dù những đóng góp đó có thể không giống nhau. Những đóng góp này bao gồm công việc của nam giới và nữ giới (được trả lương hay không) và những đóng góp không thể quy thành tiền hay những nguồn lực phi vật chất như thời gian, sự chăm sóc và kiến thức. Việc quy giá trị cho các nguồn lực đóng góp của phụ nữ và nam giới đôi khi có thể đạt được thông qua luật pháp và chính sách, nhưng nó cũng đòi hỏi chúng ta phải thay đổi thái độ và cách hành động.

Hoàn cảnh và kết quả

Một số nhà phê bình các sáng kiến bình đẳng giới đã chỉ ra rằng các nỗ lực mang lại bình đẳng về điều kiện và kết quả đạt được đồng nghĩa với việc giới hạn các chọn lựa của phụ nữ và nam giới. Lập luận của họ là thậm chí nếu cả nam giới và phụ nữ có quyền lợi và cơ hội giống nhau, họ có thể có những lựa chọn khác nhau và do đó, việc mong đợi kết quả cuối cùng của nam giới và phụ nữ giống nhau là không đúng.

Ý kiến phê phán này làm nảy sinh một nội dung quan trọng: một phần của bình đẳng giới là phải nâng cao số lượng các lựa chọn của nam giới và nữ giới và tất nhiên là không được hạn chế các chọn lựa này dưới bất kỳ hình thức nào. Và, đúng vậy, sự thật là nam giới và phụ nữ có thể và thực tế đã có những lựa chọn khác nhau. Tuy nhiên, ý kiến phê phán này đã không chú ý đến các yếu tố bối cảnh quyết định cách thức các cá nhân đưa ra các lựa chọn của mình. Trong đa số trường hợp, nam giới và phụ nữ không thể có những lựa chọn giống nhau bởi vì những bối cảnh pháp luật, văn hóa, kinh tế và xã hội đã ăn sâu vào cuộc sống và công việc của họ.

Ví dụ, trong những xã hội mà bạo lực đối với phụ nữ được dung thứ một cách ngấm ngầm hoặc công khai (điều này thật không may lại quá phổ biến trên toàn thế giới), phụ nữ không thể có những lựa chọn đúng nghĩa. Những đe dọa của bạo lực sẽ luôn khống chế họ.

Năng lực chủ thể (quyền lực của cá nhân)

Thành phần cuối cùng nhưng không kém phần quan trọng trong bình đẳng giới là năng lực chủ thể. Trong khi bốn thành phần trước hầu như đều được xem là các hoàn cảnh pháp luật, văn hóa, kinh tế, xã hội và hoàn cảnh khác trong đó nam giới và phụ nữ sống, chúng có thể tạo ấn tượng là bình đẳng giới là điều gì đó mà nhà nước hay xã hội "mang lại " chúng ta. Mặc dù quyền, cơ hội và giá trị có thể được tạo ra thông qua thể chế và các nhà ra quyết định, chúng ta cũng cần nhấn mạnh rằng bình đẳng giới là điều mà nam giới và phụ nữ có thể đạt được thông qua hành động và tiếng nói của họ.

Tóm lại: "Bình đẳng giới" không phải lài hiện tượng một chiều. Thực ra, đây là một chuỗi phức tạp các quyền, cơ hội, giá trị, hoàn cảnh và năng lực. Mỗi một khía cạnh gắn kết chặt chẽ với những khía cạnh còn lại.

1.3 Lồng ghép giới

1.3.1 Lồng ghép giới là gì?

Vào năm 1997, Hội đồng Kinh tế và Xã hội của Đại hội đồng Liên hiệp quốc (ECOSOC) thông qua việc lồng ghép giới như là phương pháp để toàn bộ hệ thống Liên hiệp quốc hoạt động vì sự tiến bộ của phụ nữ và các mục tiêu bình đẳng giới:

"Lồng ghép giới là quy trình đánh giá các tác động đối với phụ nữ và nam giới của mọi can thiệp, bao gồm pháp luật, các chính sách hoặc chương trình, trong tất cả các lĩnh vực ở tất cả các cấp. Đây là một chiến lược nhằm đưa các mối quan tâm và trải nghiệm của phụ nữ cũng như nam giới trở thành một khía cạnh không thể thiếu trong việc thiết kế, thực hiện, giám sát và đánh giá các chính sách và chương trình trong tất cả các phạm vi chính trị, kinh tế và xã hội để phụ nữ và nam giới có thể hưởng lợi một cách bình đẳng và sự bất bình đẳng không thể tồn tại mãi. Mục tiêu duy nhất của lồng ghép là đạt đến bình đẳng giới".

"Lồng ghép giới là quy trình đánh giá các tác động đối với phụ nữ và nam giới của mọi can thiệp, bao gồm pháp luật, các chính sách hoặc chương trình, trong tất cả các lĩnh vực ở tất cả các cấp. Đây là một chiến lược nhằm đưa các mối quan tâm và trải nghiệm của phụ nữ cũng như nam giới trở thành một khía cạnh không thể thiếu trong việc thiết kế, thực hiện, giám sát và đánh giá các chính sách và chương trình trong tất cả các phạm vi chính trị, kinh tế và xã hội để phụ nữ và nam giới có thể hưởng lợi một cách bình đẳng và sự bất bình đẳng không thể tồn tại mãi. Mục tiêu duy nhất của lồng ghép là đạt đến bình đẳng giới"[8].

Lồng ghép giới không chỉ là một câu hỏi về công lý xã hội mà còn cần thiết để đảm bảo sự phát triển con người bền vững và công bằng. Kết quả lâu dài của lồng ghép giới sẽ mang lại sự phát triển con người ở cấp độ cao hơn và bền vững hơn.

Những điểm quan trọng cần chú ý là:

- Thứ nhất, cần công nhận nam giới và phụ nữ có các vai trò bổ sung và phụ thuộc lẫn nhau vì thế không thể thay đổi nhóm này mà không ảnh hưởng đến nhóm kia;
- Thứ hai, các vấn đề giới không chỉ giới hạn trong một lĩnh vực mà phải được xem xét trên toàn bộ các lĩnh vực;
- Thứ ba, các vấn đề giới không chỉ bó gọn cho số lượng người thuộc "đối tượng hưởng lợi" của chương trình mà phải được giải quyết ở các cấp vĩ mô (chính sách) và trung gian (hệ thống thể chế/thực thi chính sách);
- Thứ tư, các vấn đề này cần được ghi nhận ở mọi giai đoạn của chu trình chương trình, bắt đầu với việc xác định và thiết kế dự án, và tiếp tục ở các bước tiến hành, giám sát và đánh giá.

[8] Báo cáo của Hội đồng Xã hội và Kinh tế của năm 1997. Liên hiệp quốc, 1997.

1.3.2 Các phương pháp lồng ghép bình đẳng giới

Từ Phụ nữ trong sự Phát triển(WID) đến giới và Phát triển (GAD)[9]

Các tiếp cận hiện nay đối với vấn đề giới và phát triển đã dần dần thay đổi từ những năm 1970. Năm Quốc tế Phụ nữ LHQ (1975) và Thập niên Quốc tế Phụ nữ (1976-85) đã chứng kiến sự ra đời của các Bộ phụ nữ ở nhiều quốc gia và việc áp dụng các chính sách về Phụ nữ trong sự phát triển(WID) ở các cơ quan tài trợ, chính phủ và tổ chức phi chính phủ. Mục đích chính của WID là đưa phụ nữ tham gia phát triển kinh tế bằng cách tập trung vào các dự án tạo thu nhập cho phụ nữ.

Đa số các dự án này đạt được thành công khá hạn chế bởi vì chúng không chú trọng giải quyết những bất bình đẳng về hệ thống nằm ẩn dưới trong các hình thức quyền sở hữu đất, tiếp cận thị trường, tín dụng và thông tin.

Phương pháp tiếp cận giới và Phát triển (GAD) được các nhà nghiên cứu và cán bộ thực hiện dự án đưa ra vào khoảng giữa thập niên 70 và tập trung vào các hình thức mà sự phát triển tác động đến các mối quan hệ giới giữa phụ nữ và nam giới và ngược lại. Người ủng hộ GAD phê phán phương pháp WID đã xem tất cả phụ nữ là như nhau và nhấn mạnh những khác biệt về các giai cấp, độ tuổi, tình trạng hôn nhân, tôn giáo và dân tộc cũng như giới sẽ ảnh hưởng đến kết quả của các dự án phát triển. Những người đề xuất phương pháp GAD phân biệt giữa các nhu cầu giới thực tế, như là nhu cầu về các hạng mục có thể cải thiện cuộc sống của phụ nữ trong phạm vi các vai trò sẵn có của họ (như là, có nhiều lò nấu hiệu quả hơn), và các nhu cầu giới mang tính chiến lược cần phải được thỏa mãn để phụ nữ được có cơ hội đảm nhận các vai trò mới và được trao quyền (như là tăng cường khả năng tiếp cận giáo dục và thông tin, các thay đổi về thể chế, tỉ lệ tham gia các cơ quan ra quyết định).

Hội nghị Thế giới lần thứ 4 về Phụ nữ (FWCW), tổ chức ở Bắc Kinh vào tháng 9 năm 1995 "đã có bước đột phá khi chuyển diễn ngôn từ Phụ nữ trong sự Phát triển (WID) sang giới và Phát triển (GAD)". Thuật ngữ "lồng ghép giới" cũng được sử dụng phổ biến với việc thông qua Chương trình Hành động Bắc Kinh (PFA) tại phiên bế mạc hội nghị.

[9] Điều chỉnh từ Janet Henshall Momsen, Giới và Phát triển (Routledge, 2004).

Các bước quan trọng trong việc lồng ghép giới

Để lồng ghép bình đẳng giới vào các chương trình hợp tác phát triển và các hoạt động có liên quan, cần thiết có các bước:

- Số liệu thống kê phân tách theo giới tính và các thông tin định lượng về hoàn cảnh của phụ nữ và nam giới phải được thu thập về nhóm dân số theo câu hỏi. Thông tin này cần thiết không chỉ ở cấp đối tượng hưởng lợi của dự án/chương trình mà còn ở các cấp vĩ mô và cấp thể chế.

- Một phân tích giới cần được thực hiện nhằm tìm hiểu sự phân chia trên cơ sở giới về lao động, sự tiếp cận và kiểm soát các nguồn lực vật chất và phi vật chất, các cơ sở pháp lý của sự bình đẳng/bất bình đẳng giới, các cam kết chính trị liên quan đến bình đẳng giới và văn hóa, thái độ và định kiến ảnh hưởng đến tất cả các vấn đề trên. Phân tích giới cần được thực hiện ở các cấp vi mô, thể chế và vĩ mô.

- Phân tích giới của một khái niệm chương trình hay dự án phải xem xét liệu các mục tiêu bình đẳng giới có được nêu rõ trong ý tưởng ban đầu của dự án không, hoặc các can thiệp được lập kế hoạch có góp phần vào hay thách thức làm thay đổi các vấn đề bất bình đẳng giới hay không và liệu có vấn đề giới nào chưa được đặt ra hay không.

- Trong các giai đoạn xác định và xây dựng hoạt động, phân tích giới góp phần xác định các xuất phát điểm của các can thiệp cần thiết để đạt các mục tiêu bình đẳng giới.

- Một hệ thống giám sát và đánh giá nhạy cảm về giới cũng cần được xây dựng từ giai đoạn thiết kế trở đi, bao gồm việc hình thành các chỉ số để đo lường mức độ đạt được các mục tiêu bình đẳng giới và những thay đổi có được trong các quan hệ giới.

Phân tích giới

Phân tích giới là hoạt động mang tính hệ thống để xác định các vấn đề quan trọng góp phần gây ra bất bình đẳng giới để các vấn đề đó có thể được đánh giá thích hợp. Phân tích giới cung cấp cơ sở cho việc lồng ghép Giới và được miêu tả như là 'sự nghiên cứu những khác biệt về hoàn cảnh, nhu cầu, tỷ lệ tham gia, tiếp cận các tài nguyên và phát triển, sự quản lý tài sản, quyền lực ra quyết định, v.v. giữa phụ nữ và nam giới trong các vai trò giới được gắn cho họ'[10].

Phân tích giới cũng cần thiết để xác định xem liệu các hành động cụ thể nào cần cho phụ nữ hoặc nam giới, bên cạnh các hoạt động lồng ghép.

Phân tích giới phải được thực hiện ở tất cả các cấp, từ cấp cơ sở đến các cấp trung gian như là các hệ thống cung cấp dịch vụ, đến các cấp chính trị cao nhất, và xuyên suốt tất cả các ban ngành và các chương trình hợp tác phát triển.

Một số các khung và công cụ phân tích dành cho việc phân tích giới được cung cấp trong Chương Ba.

[10] Một trăm từ vì sự bình đẳng: Phân tích Giới đòi hỏi một cấp độ chuyên môn đa ngành cao và thường là thực hiện thuê chuyên viên ngoài.

Chương 2

PHỤ NỮ TRONG NGÀNH THỦY SẢN

2.1 Vai trò của phụ nữ trong ngành thủy sản

Cá và các sản phẩm từ cá là một phần không thể thiếu trong chế độ thực phẩm của rất nhiều nền văn hóa và là một ngành kinh tế quan trọng. Phụ nữ có vai trò tích cực trong các hoạt động thủy sản quy mô nhỏ và các ngành thủy sản thương mại. Hoạt động của họ đa dạng từ đánh bắt cá gần bờ ở các cộng đồng khai thác nhỏ đến lao động được trả lương trong ngành thủy sản thương mại. Với một số lượng hoạt động phong phú như thế, phụ nữ là những người đóng góp quan trọng vào an ninh lương thực của hộ gia đình cũng như quốc gia vì sức lao động của họ góp phần làm tăng thu nhập ngoại tệ của các quốc gia.

Mặc dù phụ nữ thường không tham gia trực tiếp vào việc đánh bắt (ngoại trừ đánh bắt nội địa và đầm phá), họ góp phần quan trọng vào các hoạt động trước và sau khi đánh bắt. Chuỗi đa dạng các hoạt động của phụ nữ trong ngành thủy sản, bên cạnh các hoạt động với vai trò là những người vợ, người mẹ và người nội trợ, (khiến cho họ bận bịu từ mờ sáng đến tối mịt) bao gồm: đánh bắt cá, bán cá, làm đại lý thu mua hoặc bán lẻ, làm và sửa chữa ngư cụ, phơi khô và muối cá, làm công nhân cho các công ty chế biến; và nuôi cá.

Ngành thủy sản ở các nước đang phát triển được xem như là một trong những hoạt động kinh tế nặng nhọc nhất trong xã hội. Phụ nữ (vợ hoặc con gái) của các hộ ngư dân ở Đông Nam Á, châu Phi và châu Mỹ Latinh thực tế cũng tham gia đánh bắt cũng như các hoạt động thủy sản khác, và thường:

- Làm việc quá mức nhưng sự đóng góp của họ không được công nhận, không được đánh giá hoặc đánh giá thấp;
- Bị trả lương thấp hoặc bị chủ lao động bóc lột;
- Không biết chữ;
- Thiếu ăn hoặc ốm yếu, năng suất làm việc kém;
- Thiếu cơ hội để nâng cao kỹ năng và tiếp cận đào tạo

Mặc dù có rất nhiều phụ nữ tham gia vào sản xuất nghề cá, số lượng phụ nữ có các vị trí quản lý và quyền ra quyết định lại rất thấp. Thường thì phụ nữ trong ngành này không có sự tự tin, điều này có thể phản ánh những giá trị xã hội xem trọng nam giới hơn.

Ở một số quốc gia, phụ nữ không được hưởng các quyền cơ bản (quyền bầu cử, chọn lựa nghề nghiệp và thậm chí trang phục) những quyền mà phụ nữ ở các nước phát triển đương nhiên được hưởng. Điều 14 của Công ước Loại bỏ tất cả các Hình thức Phân biệt đối xử đối với Phụ nữ (CEDAW) chỉ ra sự phân biệt đối xử mà phụ nữ ở các vùng nông thôn phải đối mặt, và yêu cầu Nhà nước, ở tất cả các cấp, có trách nhiệm áp dụng các biện pháp để loại bỏ tất cả các hình thức phân biệt đối xử đối với phụ nữ. Điều này đặc biệt quan trọng đối với phụ nữ trong các cộng đồng nông nghiệp, nơi mà thông thường việc phân biệt đối xử không thể nhận thấy ngay. Một trong những biểu hiện của tình trạng này là phụ nữ chọn không tham gia vào một số hoạt động nhất định. Điều khoản này nhấn mạnh quyền của phụ nữ trong việc tiếp cận cơ hội đào tạo, tín dụng và cơ sở hạ tầng.

2.2 Phụ nữ trong ngành thủy sản ở Đông Nam Á

Mức độ tham gia của phụ nữ trong ngành thủy sản là một sự phản ánh một cách tổng quát của nền văn hóa, pháp luật của một quốc gia và mức độ ưu tiên của nhà nước dành cho việc đảm bảo bình đẳng giới. Nhìn chung, phụ nữ ở Đông Nam Á, đặc biệt là những người thuộc các hộ ngư dân, tham gia tích cực vào rất nhiều hoạt động thủy sản (đặc biệt là các hoạt động sau khai thác và mua bán), kể cả nuôi trồng thủy sản. Tuy nhiên, vị thế thấp kém của phụ nữ ở rất nhiều nước châu Á đồng nghĩa với việc đóng góp của họ trong thủy sản bị đánh giá thấp không đúng mức và không được nhìn nhận.

Những vấn đề chính mà phụ nữ phải đối mặt

Phụ nữ ở các hộ ngư dân tham gia vào việc chế biến hải sản, nuôi trồng, đánh bắt quy mô nhỏ và buôn bán hải sản, nhưng ít tham gia hoạt động thủy sản quy mô lớn sử dụng các tàu thuyền lớn. Điều này có thể do một nhận thức định kiến cho rằng phụ nữ thường có thể chất yếu và vì thế không thích hợp với các yêu cầu về thể chất của việc đánh bắt cá. Rõ ràng là phụ nữ không có nhiều cơ hội tham gia ở các vị trí quản lý và ra quyết định. Tuy nhiên trong nhiều trường hợp, vấn đề chính duy nhất đối với họ là sự tự tin vào chính họ và cách họ tự nhìn nhận năng lực của bản thân trong việc đảm nhận vị trí đó cũng như việc dành thời gian cho những công việc đó. Hiện rất thiếu dữ liệu phân tích theo giới cần cho việc phân tích sâu ở các nước Đông Nam Á. Việc thu thập các dữ liệu này và thực hiện nghiên cứu về giới là rất cần thiết, để các biện pháp can thiệp phù hợp và các thay đổi về chính sách được thực hiện. Điều này sẽ giúp đảm bảo rằng phụ nữ không bị gạt ra ngoài xu hướng phát triển chủ đạo, và được gắn với những quyền cơ bản mà tất cả mọi người đều có quyền thụ hưởng.

Ngoài những vấn đề nói trên, phụ nữ thuộc cộng đồng thủy sản ở Đông Nam Á còn đối mặt với:

- **Nghèo đói**

Trong ngành thủy sản, tình trạng đói nghèo phổ biến là một trong những vấn đề nghiêm trọng nhất, đặc biệt là đối với những ngư dân truyền thống nỗ lực kiếm sống bằng việc đánh bắt nhỏ ở những vùng nước đã bị khai thác cùng kiệt. Đã có những lời đòi hỏi phải có những thay đổi về chính sách và sự quản lý tốt hơn để cái thiện tình trạng này. Một loạt các vấn đề, trong đó phần nhiều có liên quan đến các khía cạnh giới, đi đôi với tình trạng nghèo đói của các gia đình và cộng đồng hoạt động thủy sản[11].

Có nhiều chỉ số thực sự cho thấy sự nữ hóa tình trạng nghèo đói trong ngành thủy sản (ở các vùng nông thôn nói chung)

- So với nam giới, phụ nữ thường có xu hướng bị xem là thụ động về kinh tế hơn hoặc làm việc như những người giúp việc nhà không lương. Thậm chí trong số những phụ nữ có công việc trả lương, số phụ nữ làm những công việc được trả lương thấp lớn hơn so với số nam giới. Có rất nhiều nghiên cứu cho thấy phụ nữ tham gia sản xuất ít được tiếp cận tài nguyên hơn nam giới, từ đất đai đến tín dụng và công nghệ. Tất cả các yếu tố này cho thấy rằng có lẽ phụ nữ đã chiếm đa số trong các nhóm người nghèo. Đây là một bằng chứng mang tính định lượng có tính thuyết phục hiện tượng "nữ hóa tình trạng đói nghèo"[12].

- Sự nghèo đói của phụ nữ có khả năng kết hợp lại bằng các yếu tố và quá trình không ảnh hưởng đến nam giới. Do các yếu tố văn hóa, việc phân phối thực phẩm và nguồn lực trong gia đình vẫn còn lâu mới đạt đến bình đẳng. Trong việc phân phối thực phẩm, phụ nữ thường có xu hướng ưu tiên cho chồng và những nam giới khác, và cho con cái. Trong tình trạng nghèo đói và thiếu hụt lương thực, điều này gây nên mức độ suy dinh dưỡng, thiếu máu và các vấn đề sức khỏe nghiêm trọng hơn đối với phụ nữ nghèo, so với nam giới nghèo. Mặc dù các quy ước văn hóa đòi hỏi nam giới hoàn thành vai trò của người nuôi sống gia đình, thực tế là khi nam giới không thể cung cấp đủ thu nhập, phụ nữ là người duy nhất chịu trách nhiệm đảm bảo sự sinh tồn của con cái họ. Dù có hay không thu nhập mà người chồng được mong đợi cung cấp, phụ nữ chịu trách nhiệm cho ăn, mặc, nơi ở và giáo dục con cái.

---

[11] Binkley 1995; FAO 1995a; Neis 1996; Williams and Awoyomi 1998

[12] Whitehead, 2003

- **Khả năng dễ bị tổn thương đối với thiên tai và biến đổi khí hậu**[13]

Thiên tai tại các vùng thấp duyên hải cướp đi sinh mạng của phụ nữ nhiều hơn so với nam giới. Thiên tai sóng thần trong năm 2006 là một ví dụ. Tại Indonesia và Sri Lanka, nạn nhân nam sống sót nhiều hơn so với nữ theo tỉ lệ 3 hoặc 4 trên 1[14]. Phụ nữ có khả năng di chuyển kém hơn và có ít khả năng tiếp cận thông tin hơn. Phụ nữ có số lượng lớn hơn nam giới trong các công việc không chính thức và trong các doanh nghiệp quy mô nhỏ. Những ngành nghề này thường bị ảnh hưởng nặng nề nhất và ít có khả năng hồi phục nhất trước các tác động của thiên tai, do thiếu vốn và khả năng tiếp cận hạn chế đối với các kênh tín dụng và thông tin là một vài trong nhiều cản trở đối với phụ nữ. Các khối lượng công việc kể cả sản xuất và tái sản xuất tăng lên đáng kể sau mỗi đợt thiên tai. Việc thích nghi và khả năng dễ bị tổn thương đối với thiên tai là những vấn đề xã hội; và tính rủi ro đối với việc chịu ảnh hưởng của thiên tai và khả năng thích ứng phụ thuộc vào vốn tài chính, điều kiện vật chất, điều kiện tự nhiên và nguồn nhân lực của họ, cũng như cùng với các yếu tố chính trị, xã hội mà có sự khác biệt lớn giữa nam giới và nữ giới

NGHIÊN CỨU TÌNH HUỐNG ĐIỂN HÌNH

Tác động của các hiện tượng thời tiết cực đoan đối với phụ nữ.

Cộng đồng người dân ở vùng duyên hải Sorsogon (the Philippines) thường xuyên chịu tác động của bão, với những đợt mưa và lũ kéo dài. Đối với phụ nữ, hoàn cảnh này có nghĩa là các giai đoạn đảm bảo an ninh lương thực mà thường dẫn đến sự căng thẳng không chỉ trong gia đình mà còn xảy ra trong cả cộng đồng. Những tác động khác bao gồm việc mất mát tài sản do những hư hại gây ra từ những cơn bão lớn; thu nhập bị giảm sút do lượng cá đánh bắt ít đi và việc mất đi vị trí kinh tế, xã hội do quá trình tái định cư đến những nơi an toàn nhưng có vị trí cách xa. Kết quả là, người dân bị đẩy đến gần hơn cận nghèo với hoàn cảnh là biến đổi khí hậu có thể tăng tầng xuất và chịu các tác động từ những hiện tượng thời tiết cực đoan nêu trên.

Nguồn: National Workshop on Women in Fisheries and Climate Change. Philippines, 2010.

[13] Courtesy of Minna Epps - Mangroves for the Future

[14] Davis, et al. 2005

- **Phân công Lao động hộ gia đình**

Các nghiên cứu về lao động hộ gia đình đã cho thấy phụ nữ với hai vai trò công việc (là người kiếm tiền và chăm sóc) hàng ngày thường xuyên làm việc nhiều hơn hai hoặc ba tiếng so với nam giới trong các hoạt động liên quan đến công việc[15]. Dinh dưỡng kém và những giờ làm việc dài có thể có những ảnh hưởng về xã hội, kinh tế và sức khỏe đối với phụ nữ[16].

- **Sức khỏe**

Một trong những thách thức lớn nhất về sức khỏe đe dọa ngư dân và gia đình của họ là HIV/AIDS. Ngư dân tỏ ra là nhóm có nguy cơ đặc biệt bởi sự thiếu kiến thức về căn bệnh và những khoảng thời gian họ phải xa gia đình. Nam ngư dân và vợ của họ rất cần các dịch vụ sức khỏe trong khả năng thanh toàn của họ và giáo dục về tình dục an toàn.. Đồng thời, những người vợ phải nhận thức được quyền của họ để tự bảo vệ bản thân mình.

- **Tiếp cận giáo dục**

Trẻ em ở các gia đình ngư dân thường không được đi học vì các em này chiếm một tỉ trọng lớn trong lực lượng lao động của cộng đồng ngư dân. Trẻ em làm việc như là thủy thủ trên các thuyền cá, là những người phân loại cá, làm việc trong các nhà máy chế biến hải sản, trong hoạt động buôn bán và tiếp thị cá, và trong các hộ gia đình sống nhờ vào thủy sản. Trẻ em nam được nhiều cơ hội tiếp cận giáo dục hơn trẻ em nữ bởi vì chúng được ưu tiên đi học.

- **Các quyền khác**

Khi pháp luật hay phong tục ngăn cản phụ nữ sở hữu đất hay các tài sản sinh lợi khác, ngăn cản họ nhận các khoản vay hay tín dụng hoặc có quyền thừa kế hay sở hữu mái ấm của họ, họ không có tài sản nào để tạo đòn bấy ổn định kinh tế và không thể đầu tư cho tương lai của chính bản thân hoặc con cái. Các vấn đề khác bao gồm bạo lực, được xem là nhân tố chính ngăn cản phụ nữ thực hiện quyền của bản thân[17].

---

[15] Levine et al. 2001.

[16] FAO 1990; FAO 1995b; IFPRI 1995; Tully 1990; Quisumbling et al. 1995

[17] AusAID, 1997

Tại sao cần phải xem xét các vấn đề giới trong thủy sản?[18]

Bên cạnh những mối quan tâm hiển nhiên về công bằng, cơ hội bình đẳng và phân biệt đối xử, có những lý do tích cực để sự phát triển hiệu quả của ngành thủy sản Đông Nam Á phải xem xét vai trò của phụ nữ trong ngành.

Việc liên kết mạng lưới giúp tận dụng được nguồn lực chuyên môn của các thành viên trong mạng lưới và chia sẻ những nguồn lực hiện có. Bằng cách này, các thành viên tạo ra ý nghĩa của mạng lưới. Kết quả tạo ra lớn hơn hẳn phần tổng đơn thuần của các thành phần riêng lẻ.

1. Phụ nữ có những đóng góp đáng kể vào các hoạt động liên quan đến thủy sản bên cạnh hoạt động đánh bắt. Họ đóng vai trò chính trong chế biến cá và sản phẩm thủy sản cũng như trong việc tiếp thị. Mặc dù nhưng công việc này thường khác với nam giới, chúng là những phần không thể thiếu trong ngành này; và việc bỏ qua những hoạt động này đồng nghĩa với việc bỏ qua một bộ phận lớn của ngành.

2. Công việc khác do phụ nữ thực hiện đem lại những loại kiến thức khác. Vì thế, lấy ví dụ, khi nam giới biết bãi nào có thể đánh bắt cá tốt nhất, phụ nữ biết giá thích hợp của các loại cá này ở chợ. Những loại kiến thức này thường bổ sung lẫn nhau - trong ví dụ này là biết nơi nào để có thể bắt những loại cá có giá trị cao nhất. Chỉ trong điều kiện có kiến thức về các ý kiến và sự tinh thông của cả nam giới và phụ nữ, chúng ta mơi hiểu được ngành thủy sản một cách trọn vẹn và quản lý sự phát triển của nó một cách thích hợp.

3. Việc thiếu đại diện của phụ nữ trong quá trình ra quyết định đã lấy đi một khối lượng lớn vốn kiến thức sẵn có - đối với cả chính quyền lẫn cộng đồng.

2.3 Những kiến nghị về sự trao quyền cho phụ nữ trong thủy sản

Chính quyền cần đưa ra những chính sách và chương trình đáp ứng nhu cầu của phụ nữ trong ngành thủy sản, công nhận và đánh giá vai trò của họ và trao quyền cho họ ở tất cả các cấp ra quyết định - từ hộ gia đình đến chính quyền.

Điều này có thể đạt được thông qua:

- **Nâng cao nhận thức, chia sẻ kiến thức**

Một trong những hành động trước tiên cần có để khắc phục những bất bình đẳng giới là nâng cao nhận thức về các vấn đề giới và xua tan những ý niệm cho rằng phụ nữ là yếu đuối và vô dụng. Việc kết nối mạng lưới cần tập trung vào việc xây dựng nhận thức thông qua truyền thông và trao đổi ý kiến, kinh nghiệm và các phương pháp tiếp cận để cải thiện

[18] Từ "Giới và Ngư nghiệp thuộc vùng hạ lưu sông Mekong". Cơ quan tư vấn kỹ thuật về quản lý ngư nghiệp Ủy ban sông Mekong. Tháng 6 năm 2006

chất lượng cuộc sống của phụ nữ trong thủy sản, khiến cuộc sống của họ hữu ích có ý nghĩa hơn.

- **Thu thập thông tin, xây dựng các chương trình nghiên cứu**

Việc thu thập thông tin về phụ nữ trong thủy sản là một trong những hoạt động quan trọng nhất cần được thực hiện. Công việc này cần được tiến hành khẩn cấp với một phương pháp toàn diện và có tính hệ thống để có thể xây dựng các chính sách và thực hiện các dự án nhằm xóa bỏ các khó khăn. Thông tin cần có để xác định các vấn đề này và thiết kế các chương trình thích hợp để đáp ứng các yêu cầu của phụ nữ.

Cần xây dựng các chương trình nghiên cứu giải quyết các vấn đề giới một cách hệ thống và có các cơ chế cho sự tham gia và lồng ghép của phụ nữ vào quá trình phát triển ngành thủy sản. Tuy nhiên, cơ sở dữ liệu phân tách theo giới tính cần được thu thập đều đặn để làm cơ sở cho việc hoạch định hiệu quả hơn. Việc thiếu dữ liệu không phân tích theo giới bản chất và vai trò của sự đóng góp của nam giới và phụ nữ, đặc biệt là ở các nước đang phát triển, có khả năng cản trở các hành động được thực hiện để chỉ ra những nội dung vấn đề nghiêm trọng được xác định trong Chương trình Hành động Bắc Kinh. Các lĩnh vực khác cần được nghiên cứu và phân tích bao gồm[19]:

- Tình trạng và mức độ đóng góp của phụ nữ trong nghề cá quy mô nhỏ và ở các cộng đồng ngư dânTác động của quá trình phát triển và các dự án bảo tồn đối với đời sống của phụ nữ, nam giới và trẻ em ở các cộng đồng ngư dân

- Tác động của các dự án bảo tồn và phát triển nghề cá đối với đời sống của nam giới, nữ giới và trẻ em trong các cộng đồng ngư nghiệp

- Tác động của các biện pháp bảo tồn và quản lý nghề cá đối với đời sống và sinh kế của các cộng đồng ngư dân.

- **Nâng cao tính nhạy cảm đối với các vấn đề giới**

Tính nhạy cảm đối với các vấn đề giới vẫn còn thấp, không chỉ trong các hộ gia đình và cộng đồng mà còn giữa các cán bộ khuyến nông làm việc với ngư dân. Mặc dù mối quan tâm về giới đã được lồng ghép vào các nỗ lực phát triển của chính quyền, các tổ chức phi chính phủ và của hệ thống thể chế sẵn có, vấn đề này vẫn chưa được đánh giá đúng mức.

Sự tham gia của phụ nữ trong các hoạt động tạo thu nhập và các nhiệm vụ phát triển khác bị hạn chế do gánh nặng từ việc mang thai và nuôi con. Nếu không có các điều khoản để giảm nhẹ trách nhiệm đối với hộ gia đình, như là việc chia sẻ bình đẳng hơn các công việc với người chồng và con cái, hoặc thông qua việc cung cấp các dịch vụ chăm sóc trẻ trong cộng đồng, sự tham gia bền vững của phụ nữ sẽ không thành hiện thực.

Kết quả học tập thấp và những trở ngại mang tính văn hóa-xã hội cản trở sự tham gia đầy đủ của phụ nữ trong các hoạt động phát triển của ngành. Điều này ảnh hưởng đến khả năng của họ trong việc xử lý, sử dụng và tiếp cận thông tin sẵn có.

[19] Trích từ hội thảo "Xây dựng lại Mạng lưới: Xác định một Khung chương trình Giới dành cho cuộc sống và Sinh kế bền vững trong các Cộng đồng Ngư dân" tổ chức tại Mahabalipuram, Ấn Độ, từ 7-10 tháng 7 năm 2010.

- **Đảm bảo an ninh lương thực, Phát triển tìm kiếm thị trường**

Cá có giá trị dinh dưỡng cao và được dùng làm thành phần bổ sung có giá trị trong các chế độ ăn thiếu vitamin và khoáng chất (như các chế độ ăn chủ yếu là lúa gạo). Ngư dân hoạt động thủ công cung cấp nguồn dinh dưỡng thiết yếu cho các cộng đồng nghèo.

Tầm quan trọng của vai trò của người phụ nữ quyết định và đảm bảo an ninh lương thực và sự tồn tại khỏe mạnh của toàn bộ gia đình ngày càng được nhìn nhận. Tuy nhiên, vẫn cần có thêm các hỗ trợ trong những lĩnh vực này.

Cải thiện khả năng tiếp cận của phụ nữ đối với thị trường và bảo quản cá thông qua việc cung cấp nước đá sẽ giúp người nghèo mua được cá.Cần có các cơ sở vật chất cho công tác tiếp thị và phù hợp ở những vùng mà ngư dân nữ có thể tiếp cận dễ dàng và không gặp trở ngại. Chính sách tín dụng cần được cải thiện để phụ nữ có thể tiếp cận các chương trình tín dụng vi mô mà không cấn có thế chấp. Điều quan trọng là sự cung cấp sẵn các nguồn đầu vào phải được đảm bảo và bố trí sẵn ở những nơi mà phụ nữ có thể tiếp cận dễ dàng. Điều khoản đặc biệt về thể chế đối với ngư dân nữ trong việc cho thuê các nguồn tài sản công để bên thuê (phụ nữ) có thể có quyền sở hữu đối với tài sản đó.

Cần giảm thiểu hơn nữa các thất thoát sau thu hoạch và tăng cường các phương pháp cải thiện chất lượng chế biến cá ngoài việc phơi khô và muối cá.. Bởi vì việc chế biến cá được nhìn nhận như là công việc của phụ nữ, sự tham gia của họ vào hoạt động này là rất cần thiết. Cần tổ chức tập huấn và hỗ trợ phụ nữ để họ có thể chế biến, cất trữ, đóng gói và phân phối cá và có khả năng quản lý doanh nghiệp.

- **Văn hóa Tổ chức**

Các cơ quan viện trợ phát triển,các tổ chức nghiên cứu, dự án phát triển và các hiệp hội nghề nghiệp phải cùng nhau phát triển để lồng ghép các khía cạnh giới vào chiến lược và chương trình làm việc của họ. Các tổ chức phải xem xét các chính sách về thành phần lực lượng lao động, văn hóa nội bộ, mối quan hệ đối tác và quản lý quan hệ.

Ngành thủy sản phải xây dựng các cách tiếp cận giới riêng của ngành và tìm kiếm những kết nối tốt nhất để lồng ghép các thành phần tham gia, như trong ngành y tế để giải quyết đe dọa về HIV/AIDS, trong giáo dục, hỗ trợ tài chính, nhà ở và vệ sinh. Bên cạnh đó, trong ngành thủy sản, các phương pháp dựa vào cộng đồng và gia đình có khả năng thành công hơn so với các hoạt động chỉ tập trung vào phụ nữ.

- **Nâng cao năng lực**

Thông qua hỗ trợ doanh nghiệp

Phụ nữ cần được giúp đỡ thêm để tiếp cận sự trợ giúp. Cần có các hoạt động mang tính sáng tạo để giúp phụ nữ tiếp cận các phương tiện để tự họ phát triển, bao gồm tiếp cận vốn, thiết bị và công nghệ, tín dụng và các khoản cho vay, đào tạo và giáo dục. Trong ngành thủy sản, sự tiếp cận của phụ nữ đối với tất cả các hình thức trợ giúp này hiện thấp hơn rất nhiều so với nam ở mọi xã hội.

Việc tạo điều kiện tiếp cận tín dụng cũng cần thiết để cải thiện năng lực của phụ nữ về lợi nhuận từ các hoạt động kinh tế trong ngành của họ. Phụ nữ có thể mở rộng doanh nghiệp về chế biến hay tiếp thị sản phẩm mà chồng đánh bắt được, có thể với hình thức hợp tác xã, nếu như họ có được các khoản vay hỗ trợ vốn. Tuy nhiên, các chương trình tín dụng thường hướng đến các hoạt động sản xuất, cung cấp thông qua các hợp tác xã do nam giới quản lý chính. Các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp khác bao gồm tập huấn về quản lý tài chính và trợ cấp cho doanh nghiệp của phụ nữ.

CÂU CHUYỆN ĐIỂN HÌNH:
Câu chuyện về các doanh nghiệp vượt qua khó khăn để sinh tồn và phát triển ở Campuchia

Một thách thức phổ biến đối với nhiều phụ nữ nghèo ở thôn Kampong Tralach ở tỉnh Kep của Campuchia là tình trạng thiếu khả năng tiếp cận các nguồn lực tài chính để thành lập và phát triển các doanh nghiệp nhỏ. Lựa chọn duy nhất của nhiều người là tìm đến những người cho vay với các ràng buộc khắc nghiệt. Vì thế, họ phải trả lãi suất rất cao và chỉ có thể bán các sản phẩm này cho những người cho vay với giá rất thấp.

Với sự trợ giúp của 2 dự án của ILO, Dự án Bình đẳng Giới và Phát triển Doanh nghiệp cho phụ nữ (WEDGE) và Chương trình Quốc tế xóa bỏ Lao động Trẻ em (IPEC), các nhóm Tự lực của phụ nữ (SHG) đã được thành lập.

Các thành viên được tập huấn các kỹ năng kinh doanh, cách xác định các mục tiêu tài chính và cách thức quản lý các ngân sách khác nhau đối với chi tiêu của gia đình và doanh nghiệp. Các vấn đề bình đẳng giới là một hợp phần cốt lõi trong các tài liệu tập huấn này và các vấn đề giới đã được thảo luận trong tất cả các khóa tập huấn liên quan đến doanh nghiệp.

Giúp những phụ nữ này tiếp cận được các nguồn lực tài chính không chỉ giúp họ cải thiện sinh kế của họ mà còn tạo ra những thái độ tích cực trong cộng đồng đối với năng lực và những đóng góp của phụ nữ đối với phát triển kinh tế và xã hội.

Nguồn: ILO (Tổ chức Lao động Quốc tế)

Bằng cách tạo điều kiện tiếp cận nguồn tài nguyên thủy sản và quá trình ra quyết định.

Quyền và tiếp cận các phương tiện quản lý tài nguyên, là cốt lõi của sự phát triển thủy sản thành công. Tuy nhiên, các quyền của phụ nữ thường xuyên bị bỏ qua. Tình hình này cần phải được giải quyết để những đóng góp của phụ nữ có thể được phát huy tác dụng đầy đủ.

Phụ nữ phải có vị trí trong việc quản lý tài nguyên. Phụ nữ phải được xem là đối tượng có vai trò trong quản lý nguồn lợi thủy sản để việc quản lý mang tính tham gia.

Sự tham gia của phụ nữ và nhóm phụ nữ trong quá trình ra quyết định phải được khuyến khích cả ở cấp cộng đồng (bằng cách củng cố các tổ chức phụ nữ) và chính quyền.

CÂU CHUYỆN ĐIỂN HÌNH
Thúc đẩy các nhóm phụ nữ để tăng cường Quản lý Nghề cá dựa vào Cộng đồng

Ở khu vực duyên hải tỉnh Sihanoukville, Campuchia, một bãi giống cho sò huyết đã được thiết lập và một nhóm phụ nữ đã được thành lập. Để có thể quản lý khu bảo tồn này, các quy định tự quản đã được xây dựng, bao gồm các quy định liên quan tới: quyền khai thác, các phương pháp đánh bắt, mùa và các khoảng thời gian trong ngày bị hạn chế khai thác cũng như kích cỡ tối thiểu của sò huyết có thể khai thác. Nhờ chương trình này, phụ nữ đã hiểu biết hơn về bảo tồn và các biên pháp thực hiện. Một điều rất tốt cho cộng đồng là tinh thần của phụ nữ được nâng cao hơn, số lượng sò huyết cũng tăng lên, giúp cải thiện sinh kế cho mọi người.

Nguồn: Trung tâm Phát triển Nghề cá (SEAFDEC/TD), Thái Lan

✓ **Điều cần nhớ…**

Một yếu tố then chốt liên quan đến tình trạng dễ bị tổn thương và tình trạng nghèo của cả nam giới và phụ nữ là người nghèo thường không được tham gia trong các quá trình ra quyết định. Khi người ta có thể đại diện cho những mối quan tâm và nhu cầu của họ, và làm được điều đó một cách hiệu quả, họ sẽ có khả năng tác động đến Nhà nước và các thể chế khác để nhận được những dịch vụ họ cần. Điều này rất quan trọng đối với người dân và những nguồn tài nguyên hiện không được Nhà nước chú trọng đúng mức.

Nguồn: Mark Dubois: The WorldFish Center

Thông qua các khóa tập huấn

Các hình thức hỗ trợ kỹ thuật, đào tạo và công tác khuyến nông thích hợp cũng phải được thiết kế hướng đến đối tượng phụ nữ trong ngành thủy sản.

Cần phát triển những những kỹ thuật phù hợp với khả năng tham gia của phụ nữ trong hoạt động thủy sản. Ví du: cần có các công cụ bảo quản và cơ sở kho bãi và tốt hơn mô hình cải tiến để vận chuyển sản phẩm đánh bắt do phụ nữ buôn bán.

Rất cần đảm bảo cho phụ nữ có thể tiếp cận cơ hội tập huấn để họ có thể cải thiện năng suất và chất lượng sản phẩm của họ. Các khóa học phải được thiết kế và tổ chức ở những nơi không gây khó khăn cho các bà mẹ. Cần sắp xếp các dịch vụ chăm sóc trẻ để tạo điều kiện cho những phụ nữ này tham dự những khóa tập huấn như vậy.

Những nhà làm luật và làm chính sách trong ngành thủy sản cũng cần được đào tạo về các vấn đề giới. Sự đào tạo này sẽ nâng cao nhận thức về các vấn đề giới và giúp họ xây dựng các hướng dẫn cho cơ quan và tổ chức của họ.

✓ **Những điều cần nhớ…**

Các nghiên cứu cần lưu ý:

- **Cần hiểu được cơ cấu xã hội: thế hệ, giới, giai cấp v.v…Hiện có những vách ngăn mang tính biểu tượng nào đang chia cắt xã hội? Xã hội hiện đang được tổ chức như thế nào? Mọi xã hội thường phân chia các nhóm theo những cách khác nhau. Phải cẩn thận để tránh tình trạng khái quát hóa các hệ thống và định chế xã hội vì làm như thế sẽ không hiểu được các mức độ linh động và thay đổi của xã hội.**
- **Cần hiểu phong tục và thế giới quan của người dân địa phương. Họ suy nghĩ như thế nào? Họ hiểu hiện thực như thế nào?**
- **Cần tìm hiểu thêm về các tập quán ở địa phương**
- **Hãy so sánh. Tình hình đã thay đổi chưa? Thay đổi từ khi nào? Tình hình như vậy có khác so với các khu vực xung quanh? Thông qua các so sánh này, chúng ta có thể hiểu các phân tích của mình trong một bối cảnh rộng hơn.**

Nguồn: Enrique Alonso & M Jesus Pena

Chương 3

CÁC CÔNG CỤ ĐỂ LỒNG GHÉP BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG CÁC DỰ ÁN HỢP TÁC PHÁT TRIỂN

3.1 Những nhận định chung

Việc lồng ghép bình đẳng giới trong các chương trình phát triển và các dự án phát triển, nói một cách đơn giản là, trong quá trình thiết kế, thực hiện và đánh giá những dự án này, cần phải luôn nhớ rằng tất cả các xã hội đặt ra những vai trò, trách nhiệm, giá trị và phân chia nguồn lực cho con người trên cơ sở giới tính của họ. Tương tự như thế, sự phân chia này tạo ra những điều kiện thuận lợi và những thiệt thòi do bị phân biệt đối xử. Vì thế, điều này dẫn đến những khác biệt trong quyền lực và sự cân bằng về quyền lực giữa nữ giới và nam giới.

Nhằm cân nhắc và ghi nhận những nhiệm vụ được phân công theo giới về các dấu hiệu, vai trò, trách nhiệm, giá trị và các tài nguyên, chúng ta cần phải thực hiện một số phân tích với trong đó nhấn mạnh những khác biệt liên quan đến giới, những khác biệt này không phải lúc nào cũng có thể thấy ngay được và có thể rất khó khăn để đánh giá một cách khách quan về góc độ ý thức hệ hoặc là các trải nghiệm thực tiễn của các bên liên quan.

Một phân tích giới chi tiết sẽ làm nổi bật

- Sự khác biệt giữa các nhu cầu,các ưu tiên, năng lực, trải nghiệm, các mối quan tâm và quan điểm của phụ nữ và nam giới
- Ai là người có quyền tiếp cận và/hoặc kiểm soát các nguồn tài nguyên, các cơ hội và các vị thế quyền lực.
- Ai làm gì, tại sao và khi nào
- Ai có khả năng hưởng lợi và/hoặc bị thiệt hại từ các dự án/hoạt động mới
- Các khác biệt về giới trong các quan hệ xã hội
- Những hình thức và mức độ tham gia khác nhau của phụ nữ và nam giới trong cơ cấu kinh tế, chính trị, xã hội và pháp lý.
- Cuộc sống của phụ nữ và nam giới là khác nhau và thường thay đổi không phải chỉ do giới tính của họ mà còn do các yếu tố khác như: tuổi tác, chủng tộc và địa vị kinh tế và các giả định do thực tiễn cuộc sống, giới tính và vai trò giới của chính chúng ta.
- Các giả định dựa trên trải nghiệm cuộc sống, giới tính, và vai trò giới.

Phân tích giới sẽ vạch ra những khác biệt về mặt vai trò xã hội của nam giới và nữ giới trong gia đình, trong nền kinh tế, và trong lĩnh vực chính trị và trong xã hội.

Phân tích giới giúp chúng ta

- Đo được mức độ các nhu cầu và ưu tiên của phụ nữ và nam giới đã được thể hiện trong các hoạt động của dự án
- Sắp xếp thông tin để xác định được các lỗ hổng liên quan đến bất bình đẳng giới và khả năng tiếp cận các thông tin phân tách theo giới tính.
- Xác định những thay đổi bổ sung và các sáng kiến cần thiết để làm cho phụ nữ có thể tham gia vào và được hưởng lợi từ dự án.
- Xác định các cơ hội hiện có để ngăn chặn các hình thức mất cân bằng giới do các can thiệp từ các dự án gây ra
- Tiên lượng trước các tác động tiềm tàng của các can thiệp đối với nam giới và phụ nữ tham gia vào dự án.

Việc phân tích giới phải là một phần thiết yếu của bất kỳ phân tích nào trước khi triển khai các sáng kiến phát triển. Nó có thể được triển khai bởi các cán bộ dự án, hoặc bởi chính những người tham gia vào dự án, những người mà cuối cùng sẽ là những thành viên chính thức hoặc những người hưởng lợi chính.

Phân tích giới được thực hiện ở ba cấp độ:

- Ở cấp độ vĩ mô: các vấn đề giới và kinh tế xã hội được đưa vào trong tiến trình chính sách thường là ở cấp quốc gia.
- Cấp độ trung gian: tập trung vào các thể chế, cấu trúc và các dịch vụ đóng vai trò là mối liên kết giữa các cấp độ vĩ mô và thực tiễn trên hiện trường.
- Cấp độ cơ sở hoặc là cấp vi mô: tập trung vào các cá nhân, các hộ gia đình và cộng đồng.

Trong lĩnh vực thủy sản, các bên liên quan được xác định như sau

- Cấp vĩ mô: các tổ chức hoạt động trong ngành thủy sản ở cấp quốc gia, các Bộ phụ trách thủy sản, tổ chức nghiên cứu thủy sản
- Cấp trung gian chính quyền cấp huyện, hội đồng thôn, các nhà cung cấp đầu vào (thuyền, lưới, máy móc), các đơn vị tiếp thị, những nhà cung ứng hàng sĩ, các đơn vị xuất khẩu, các dịch vụ chăm sóc sức khỏe.
- Cấp cơ sở: ngư dân (phụ nữ, nam giới và trẻ em), những hộ gia đình phi ngư nghiệp: các tổ chức dựa vào cộng đồng

Cẩm nang hướng dẫn này chủ yếu tập trung vào việc giải quyết những vấn đề ở cấp độ cơ sở.

✓ **Những điều cần nhớ …**

Cần phải hiểu những hiện thực đời sống khác nhau

Các từ ngữ, khái niệm và các phạm trù xã hội được hiểu một cách khác nhau trong các xã hội. giới, nguồn lực, lợi ích, nguyên nhân, hậu quả…là những khái niệm có ý nghĩa quan trọng đối một nhà nghiên cứu hay một thúc đẩy viên nhưng lại không nhât thiết phải có ý nghĩa đối với cộng đồng. Dịch một bất kỳ một công cụ đánh giá nào không chỉ là một bài tập về mặt ngôn ngữ; cần phải thể hiện khái niệm sao cho cộng đồng có thể hiểu được. Vì thế, một câu hỏi phải được xây dựng sao cho nó có nghĩa đối với cộng đồng. Đồng thời, nhà nghiên cứu cũng phải đảm bảo rằng các hệ thống giá trị của địa phương đã được thể hiện trong các công cụ đánh giá.

Nguồn: Mark Dubon: The WorldFish Centre

Sử dụng những công cụ này như thế nào?

Do các công cụ này định hướng cho nghiên cứu xã hội và hỗ trợ cho việc hình thành các hoạt động phát triển, chúng phải được sử dụng theo cách thức mở và có sự tham gia, trong khi cũng nhấn mạnh tầm quan trọng để đạt được những thông tin định tính.

Để có thể sử dụng các công cụ này:

- Cần trực tiếp liên hệ với cộng đồng hưởng lợi hay nhóm tham gia hoạt động
- Nên tiến hành các cuộc phỏng vấn cá nhân với các thành viên của cộng đồng những người thích hợp nhất cho việc đại diện cho những người trong cùng cộng đồng của họ.
- Cần đảm bảo rằng tất cả những cá nhân đóng vai trò then chốt trong các hoạt động được phỏng vấn đầy đủ, hoặc đóng một vai trò trực tiếp trong việc đảm bảo thông tin và sử dụng các công cụ phân tích;
- Các thông tin có thể được xác nhận thông qua các thảo luận nhóm với những bên tham gia khác nhau;
- Nên tiến hành tiến trình tham vấn với những nhóm toàn nam và toàn nữ và sau đó là các nhóm hỗn hợp;
- Điều quan trọng là có sự tham gia đầy đủ những người tham gia để phản ánh được sự đa dạng các hoàn cảnh kinh tế xã hội và các đặc tính tồn tại trong một cộng đồng.

Lưu ý:

Các công cụ này được dùng để giúp định hướng chứ không nên được xem như là khuôn mẫu để cộng đồng điền thông tin vào. Tránh tình trạng tổng hợp các bảng biểu ngay tại chỗ. Chỉ nên tập trung nghiên cứu và điền vào các bảng biểu này sau.
Việc sử dụng các công cụ cần phải được xem như là một phần của tiến trình xác định/nghiên cứu rộng lớn hơn. Bạn nên dành càng nhiều thời gian để tìm hiểu cộng đồng càng nhiều càng tốt.

3.2 Phân tích hoạt động

Công lao động của phụ nữ thông thường không được ghi nhận. Phụ nữ làm việc ở các trang trại và tham gia khai thác thủy sản cùng với chồng, họ nấu thức ăn cho gia đình, bán thức ăn ở chợ, tạo thêm thu nhập bằng cách may vá hay giặt ủi, đồng thời họ còn làm việc nhà và chăm sóc con cái.

Tuy nhiên, phụ nữ không những ghi nhận xứng đáng cho các nỗ lực của họ. Công sức của họ thậm chí không được xem là lao động.

Công cụ Phân tích hoạt động là một công cụ phân tích dựa vào giới có khả năng xác định các hoạt động thường do nam giới và nữ giới thực hiện trong cuộc sống thường nhật của họ. Việc này được dựa trên việc phân công lao động theo giới tính và quan tâm đến tần suất của hoạt động và lượng thời gian dành cho việc này.

Phân tích hoạt động khảo sát ai làm việc gì, phân biệt giữa các chức năng cộng đồng, gia đình và sản xuất.

Bước đầu tiên trong phân tích giới là xác định các hoạt động do nam giới và nữ giới thực hiện trong xã hội; để biết được ai làm việc gì, bằng cách nào, và khi nào.

- **Hoạt động sản xuất:** sản xuất hàng hóa và dịch vụ cho việc tiêu thụ trong gia đình và để bán. Việc này bao gồm việc thuê nhân công và tự kinh doanh ở cả các lĩnh vực chính thức và không chính thức. Cả nam giới và nữ giới có thể tham gia vào trong công việc sản xuất nhưng chuyên môn của họ, các hoạt động và các trách nhiệm thường thay đổi tùy theo việc phân chia lao động dựa vào giới.

- **Hoạt động tái sản xuất sức lao động:** liên quan đến việc chăm sóc và duy trì hộ gia đình và các thành viên. Phụ nữ có khuynh hướng tích cực nhất trong các hoạt động tái sản xuất, như là chuẩn bị thức ăn, lấy nước và chất đốt, sinh nở và chăm sóc cho trẻ em, chăm sóc cho những thành viên khác của gia đình, và giữ gìn nhà cửa. Nam giới có thể chịu trách nhiệm cho việc xây nhà, bảo vệ gia đình và ra quyết định.

- **Hoạt động cộng đồng**: liên quan đến các hoạt động quản lý và nhằm mang lại lợi ích ch cộng đồng. Các hoạt động này bao gồm những công việc được trả công và không được trả công.

Một bảng mô tả tóm tắt các hoạt động được xây dựng như thế nào?

Dưới đây là một mẫu Mô tả tóm tắt các hoạt động được thực hiện tại cộng đồng ngư nghiệp Thị trấn Phú Lộc (Việt Nam) vào ngày 19/08/2010, có thể được sử dụng như là hướng dẫn phỏng vấn

Mô tả sơ lược hoạt động			
Các nhiệm vụ trong gia đình	**Ai làm việc?**		**Tần suất**
	Phụ nữ	**Nam giới**	
Quét dọn nhà cửa	Có		Hàng ngày: 6-8h
Chuẩn bị ăn trưa/ăn sáng	Có		Hằng ngày 6-8h
Giặt giũ áo quần	Có		Hàng ngày: 6-8h
Chăm sóc trẻ em	Có		Hàng ngày: 9-12h
Đưa trẻ đi học	Có		Hằng ngày 6-8h
Lấy nước	Có		Hàng ngày: 7-8h
Mua sắm, thực phẩm, áo quần	Có		Hàng ngày
Xây dựng/ giữ gìn nhà cửa		Có	Khi có nhu cầu
Sản xuất hàng hóa và dịch vụ	**Ai làm việc?**		**Tần suất và thời gian của hoạt động**
	Phụ nữ	**Nam giới**	
Đánh bắt cá/tôm	Có	Có	Hằng ngày: Nam: 5-6h, Nữ: 6h–16h
Sửa chữa lưới	Có	Có	Hằng ngày: Nam: 12-16h, Nữ: 6h-16h chiều
Bán cá ở chợ	Có		Hàng ngày, Phụ nữ 6-7h
Muối cá	Có		Vài lần một tuần
Khai thác titan		Có	Thỉnh thoảng
Các nhiệm vụ cộng đồng	**Ai làm việc?**		**Tần suất và thời gian của hoạt động**
	Phụ nữ	**Nam giới**	
Chuẩn bị đám tang	Có	có	Thỉnh thoảng
Chuẩn bị đám cưới	Có	Có	Thỉnh thoảng
Ngày cầu ngư	Có	có	Một năm một lần
Xây dựng hố vệ sinh thôn	Có	Có	Một năm một lần
Ngày cộng đồng	Có	Có	
Tham gia các cuộc họp thôn	Có	Có	Ba lần một năm
Tham gia các cuộc họp của hội nghề cá		có	Thường xuyên: 2 ngày một lần

Nguồn: FAO – RFLP

GIỜ	HOẠT ĐỘNG	
	Phụ nữ	**Nam giới**
5-7	Giặt giũ và lau dọn Nấu bữa ăn sáng Là ủi Cho gia súc ăn (heo, gà, vịt) Chuẩn bị cho con đi học Chuẩn bị thức ăn cho chồng đi đánh cá	Chuẩn bị thức ăn cho gia súc Cho gia súc ăn Vệ sinh chuồng Chuẩn bị ngư cụ
7-9	Làm việc trên ruộng lúa Đi đánh bắt (2-3 lần/tuần)	Bán cá đánh bắt được cho người thu mua. Giúp phụ nữ làm ruộng hoặc đi đánh cá
9-11	Làm việc trên ruộng lúa Nấu bữa trưa vả nghỉ trưa Cho gia súc ăn	Giúp phụ nữ làm ruộng hoặc đi đánh cá
11-13	Làm việc trên ruộng lúa Đi đánh bắt (2-3 lần/tuần)	Nghỉ trưa và nghỉ ngơi
13-15	Bán cá đánh bắt được cho người thu mua Đi chợ mua thức ăn, áo quần,… Đi đánh bắt (2-3 lần/tuần)	Nghỉ ngơi
15-17	Tắm cho con Nấu bữa tối Cho con ăn Chuẩn bị bữa trưa cho chồng đi đánh cá	Nghỉ ngơi (cho đến 16.00-16.30) Chuẩn bị ngư cụ
17-19	Chuẩn bị giường ngủ Gặp gỡ, chuyện trò	Đi đánh cá
19-21	Gặp gỡ, chuyện trò	Đánh cá
21-24	Nghỉ ngơi	Đánh cá
24-2	Nghỉ ngơi	Thu gom ngư cụ và về nhà
2-5	Nghỉ ngơi	Nghỉ ngơi

Nguồn: FAO – RFLP

Với những kỹ thuật này, chúng ta có thể xác định thời gian và việc sử dụng nhân công trong gia đình và bên ngoài, và có thể chi ra những giai đoạn quan trọng đối với công việc và việc thực hiện các vai trò. Điều này cũng có thể được sử dụng để mô tả những cơ hội và khó khăn theo mùa.

Hiểu và chỉ ra được các bất bình đẳng giới là những yêu cầu hết sức quan trọng vì

- Cho phép chúng ta tiếp cận được rất nhiều công việc vốn không được xem là công việc lao động vì chúng không tạo ra các giá trị trao đổi, và thường được giao cho phụ nữ, ví dụ: việc nhà, chăm sóc người già và làm các công việc cộng đồng
- Cho phép chúng ta có thể phát hiện ra các hậu quả khác nhau do việc phân bố lao động dựa trên giới tính mang lại cho nam giới và phụ nữ, và giúp họ xác định những vấn đề khác nhau và các nhu cầu khác nhau xuất phát từ các trách nhiệm và nghĩa vụ.
- Nó nhấn mạnh sự phụ thuộc lẫn nhau và sự tương hỗ giữa công việc của phụ nữ và nam giới. Điều này là cần thiết để hiểu được các điều chỉnh đối với khối lượng công việc hằng ngày khi đối mặt với những thách thức trong môi trường làm việc hoặc xã hội (các khủng hoảng kinh tế, các hoạt động di cư,…)

3.3. Tiếp cận và kiểm soát các lợi ích và tiếp cận các nguồn lực

Các hoạt động sản xuất, tái sản xuất và cộng đồng đòi hỏi sử dụng nguồn lực. Lăng kính giới xem xét việc tiếp cận của con người đối với các nguồn lực mà họ cần cho công việc của mình; xem xét việc kiểm soát của họ đối với những tài nguyên này nhằm sử dụng chúng theo cách thức họ mong muốn và việc tiếp cận; và xem xét việc tiếp cận đối với các lợi ích được tạo ra bởi các công việc của gia đình và cá nhân.

Bởi vì phụ nữ thường có vị trí yếu thế hơn so với nam giới, việc tiếp cận và kiểm soát đối với các nguồn lực và các lợi ích có thể bị hạn chế. Trong một vài trường hợp, họ có thể tiếp cận được các nguồn lực (cơ hội để sử dụng chúng), nhưng không có quyền kiểm soát (không có cơ hội để ra quyết định về việc sử dụng và đích đến).

Khung Tiếp cận và Kiểm soát Nguồn lực và Lợi ích chỉ rõ việc tiếp cận thực tế của phụ nữ và nam giới đối với các nguồn lực và các lợi ích.

Cách xây dựng Khung Tiếp cận và Kiểm soát Nguồn lực và Lợi ích?

Tài nguyên bao gồm nhiều loại tài sản cần có để đáp ứng các nhu cầu, trong khi lợi ích là sản phẩm của các tài nguyên đó:

Các nguồn lực có thể bao gồm:

Tất cả các dự án đều sử dụng các nguồn lực và cố gắng tạo ra các lợi ích cụ thể cho người tham gia dự án, bao gồm cả nam giới và phụ nữ.

- **Kinh tế:** bao gồm cả các tài nguyên sản xuất như đất, thiết bị, vốn và những tài sản khác, tiền mặt, công trình và tài chính;
- **Xã hội:** bao gồm các mạng lưới xã hội, hỗ trợ lẫn nhau, quan hệ gia tộc, mạng lưới tổ chức hoạt động tái sản xuất, v.v.
- **Chính trị:** các tài nguyên bao gồm quyền lực chính trị, các tổ chức, hiệp hội đại diện, sự lãnh đạo tại địa phương, các cơ hội thông tin, thương thảo, và đồng thuận, các đánh giá liên quan đến vị thế, chỗ đứng trong xã hội, và sự tín nhiệm.
- **Thời gian:** tính sẵn có và việc kiểm soát thời gian của mỗi người, dù là giờ trong ngày hay là quãng thời gian trong năm sẵn sàng để sử dụng (giải trí, học tập, thời gian dành cho bản thân, v.v) là một nguồn chính cho phát triển.
- **Tính cơ động:** tính cơ động, như là một tài nguyên, yêu cầu chúng ta cần mở rộng phạm vi mà các hoạt động vật lý bị giới hạn bởi các quy chuẩn và phong tục, như các hạn chế đối với việc tiếp cận những hình thức giao thông nhất định và các địa điểm nhất định.
- **Thông tin/giáo dục:** những tài nguyên này bao gồm giáo dục, hoặc cơ hội để trao đổi kinh nghiệm và thông tin.
- **Nhân sự:** bao gồm, nhưng không hạn chế bởi sự tự tin, lòng tự trọng và năng lực thể hiện mối quan tâm của cá nhân trước công chúng và riêng tư.

Các lợi ích bao gồm

Thỏa mãn các nhu cầu cơ bản bao gồm lương thực, áo quần, và chỗ ở; tiền mặt và thu nhập tài chính; khả năng sở hữu tài sản và được giáo dục và đào tạo; quyền lực chính trị, uy tín, và vị thế, và cơ hội để theo đuổi các mối quan tâm mới.

Danh sách này không mang tính toàn diện và có thể được mở rộng với những loại nguồn lực khác đối với từng trường hợp cụ thể. Tương tự, không cần phải nhắc rõ từng loại tài nguyên hoặc lợi ích nếu xem ra không phù hợp.

Một số câu hỏi hướng dẫn cho hoạt động này như sau

- Ai là người có thể sử dụng nguồn lực?
- Theo đó, ai là người có thể đưa ra quyết định liên quan đến việc sử dụng?
- Ai là người được bán hoặc tùy nghi sử dụng nó?

Ghi chú:

Các nguồn lực được xác định không giới hạn đối với những gì mà nam giới hoặc nữ giới được tiếp cận. Thêm vào đó là những nguồn lực được tìm thấy trong cộng đồng.

Dưới đây là một ví dụ của công cụ dành cho Việc Tiếp cận và Kiểm soát Nguồn lực và Lợi ích, trình bày những phát hiện trong cộng đồng ngư nghiệp của Chumpu Khmao (Campuchia) vào ngày 24/08/2010.

Tiếp cận và kiểm soát các nguồn lực					
CÁC NGUỒN LỰC	**Ai tiếp cận được?**		**Ai có khả năng kiểm soát?**		
	Phụ nữ	**Nam giới**	**Phụ nữ**	**Nam giới**	**Khác**
Rừng ngập mặn					
Các tài nguyên ngư nghiệp	X	X	X	X	
Đồng lúa	Chủ hộ	Chủ hộ	Chủ hộ	Chủ hộ	
Nông trại gia đình	X	X	X	X	
Thuyền	X	X	X	X	
Mặt nước đánh bắt cộng đồng	Chủ thuyền	Chủ thuyền	Chủ thuyền	Chủ thuyền	
Ngư cụ đánh bắt	X	X		X	
Máy kéo		X		X	
Xe đạp và xe máy	X	X	X	X	
Xe lam		X			
Nước sạch					
Điện					
Nhà vệ sinh					
Củi đốt	X	X	X	X	
Giáo dục tiểu học cơ sở	Hạn chế	X			
Giáo dục phổ thông cơ sở					
Bảo quản xử lý trong thôn	X	X	X		
Tiếp cận tín dụng	X	X	X	X	
Bệnh viện và các dịch vụ y tế					
Thời gian	X	X	X	X	
Sự tự tin	X	X	X	X	

Nguồn: FAO RFLP

Tiếp cận và kiểm soát các lợi ích					
Các lợi ích	**Ai có thể tiếp cận**		**Ai có thể kiểm soát**		
	Phụ nữ	**Nam giới**	**Phụ nữ**	**Nam giới**	**Khác**
Cá đáp ứng nhu của hộ gia đình	Có	Có	Có	Có	
Thịt và trứng cho nhu cầu hộ gia đình	Có	Có	Có	Có	
Thu nhập từ bán cá	Có	Có	Có		
Thu nhập từ bán gia súc	Có	Có	Có		
Kiến thức từ tập huấn	Hạn chế	Có	Có		
Nhân lực	Có	Có	Có	Có	
Thời gian rỗi	Có	có	Có	có	

Nguồn: FAO-RFLP

Lưu ý:
Bằng cách sử dụng các biểu tượng đánh dấu có kích cỡ lớn nhỏ khác nhau vào bảng, chúng ta có thể thể hiện ai có khả năng tiếp cận/kiểm soát lớn hơn: nam giới hay phụ nữ

Khung phân tích này cho phép chúng ta

- Xác định và làm quen với những khác biệt do yếu tố Giới trong việc tiếp cận và kiểm soát một nhóm nguồn lực trong hộ gia đình và trong cộng đồng nói chung;
- Lập kế hoạch và đo các tác động mà một hoạt động có thể có đối với việc tiếp cận và kiểm soát đối với các nguồn lợi và các lợi ích cụ thể, và thông qua đó, vì vậy, các ảnh hưởng trao quyền tiềm năng mà điều này có thể mang lại;
- Tránh được lối suy nghĩ cho rằng một số dự án trao quyền cho phụ nữ chỉ đơn thuần là vì họ là những người hưởng lợi của dự án hoặc họ tham gia vào trong quá trình lập kế hoạch.

Vì thiếu thông tin về các khả năng tiếp cận và kiểm soát các nguồn lực và lợi ích, chúng ta có nguy cơ hiểu sai về những thành quả mà phụ nữ có thể tạo ra và những lợi ích mà họ thực hưởng từ các dự án phát triển.

Cách thức người ta quan niệm và sử dụng các nguồn lực có liên quan chặt chẽ tới tuổi tác, đẳng cấp xã hội và văn hóa. Vì thế, cần phải chú trọng nhiều đến các mối quan hệ này trong mỗi xã hội và bối cảnh nhất định.

3.4 Nhu cầu Giới

Rõ ràng phụ nữ và nam giới có thể có những nhu cầu khác nhau và các mối quan tâm khác nhau, xuất phát từ các bổn phận, trách nhiệm và các hoạt động mà họ được giao trong xã hội, và cũng xuất phát từ việc tiếp cận bình đẳng và việc kiểm soát không bình đẳng đối với các nguồn lực và lợi ích. Đây chính là là những nhu cầu giới.

Một nhu cầu được xem là thực tế hay chiến lược phụ thuộc vào bối cảnh văn hóa và xã hội của mỗi cộng đồng hay quốc gia. Các nhu cầu giới thường bị ảnh hưởng vào các yếu tố văn hóa

Làm thế nào để xây dựng Khung nhu cầu Giới?

Phải phân biệt rõ giữa các nhu cầu chiến lược và nhu cầu thực tiễn

- **Các nhu cầu thực tiễn:** là những nhu cầu nhằm cải thiện chất lượng cuộc sống và tập trung vào những nhu cầu cơ bản của con người.
- **Các nhu cầu chiến lược:** là những nhu cầu liên quan đến những câu hỏi về bình đẳng giới trong một xã hội và tập trung vào việc tạo ra việc phân bổ bình đẳng đối với các tài nguyên của xã hội giữa nam giới và phụ nữ.

Các nhu cầu Giới thực sự được xác định bởi phụ nữ tham gia trong các hoạt động, hoặc là thông qua các nhóm thảo luận, hoặc những cách tiếp cận có sự tham gia khác giúp cho phụ nữ có thể diễn đạt những mối quan tâm của họ. Vì thế, cần phải luôn lưu ý có các tổ chức và hiệp hội có khả năng nâng cao nhận thức và tiếp xúc được với những mối quan tâm này của phụ nữ. Hơn nữa, những tổ chức này phải có thể tạo nên sự tương tác với các bên liên quan khác trong cộng đồng, từ chính phủ, hoặc từ môi trường xã hội.

Kinh nghiệm thực tiễn dường như cho thấy trong nhiều trường hợp, cần xác định nhu cầu giới thông qua các nhóm thảo luận chỉ bao gồm phụ nữ, thay vì nhóm hỗn hợp gồm cả nam và nữ. Trong nhóm hỗn hợp, phụ nữ thường có khuynh hướng cảm thấy khó nói hay để nam giới nói thay họ.

Sau đây là một ví dụ Khung Phân tích Nhu cầu giới được thực hiện ở cộng đồng ngư dân ở xã Lộc Trì (Việt Nam) ngày 20/8/2010

Nhu cầu giới			
TÍNH THỰC TIỄN		**TÍNH CHIẾN LƯỢC**	
Phụ nữ	**Nam giới**	**Phụ nữ**	**Nam giới**
Vốn vay cho công việc (khoảng 20-30 triệu đồng) Mua lưới và thêm ngư cụ Muốn biết đọc, biết viết Cần cá và tôm nhỏ để nuôi cá và tôm sau khi sắp xếp lại khu vực đầm phá. Thay đổi nghề nghiệp từ đánh bắt tự nhiên sang nuôi cá và tôm, chính quyền địa phương sẽ thu hồi khu vực đầu phá và họ sẽ không còn khoảnh diện tích nào ở đầm phá để đánh bắt tôm cá tự nhiên. Cơ hội công việc: họ muốn được tuyển vào làm tại các công ty, xí nghiệp	Đào tạo việc làm mới, bởi vì chính quyền địa phương sẽ thu hồi diện tích đầm phá, họ cần có thêm các kỹ thuật mới, kiến thức mới về nghề nghiệp. Cần thêm sự hỗ trợ về nhiên liệu để đi đánh cá biển.	Tăng cường sự tham gia và lãnh đạo trong chính trị Tiếp cận giáo dục cơ sở: họ muốn được biết đọc và viết Tiếp cận tín dụng và các khoản vay từ các ngân hàng địa phương.	Tiếp cận các khoản vay từ các chương trình tín dụng để nâng cấp nhà cửa, làm lại lưới và mua thêm ngư cụ. Một số ngư dân đánh bắt trên biển mong có được các chương trình tín dụng lớn hơn để nâng cấp thuyền đánh cá của họ. Hỗ trợ từ chính quyền địa phương về các quyền lợi kinh tế xã hội hộ gia đình và cho con cái của họ.

Nguồn: FAO – RFLP

Thông tin này giúp chúng ta:

Khi đánh giá tác động của một dự án, cần chú ý xác định, và thậm chí là đo lường, mức độ lợi ích (hoặc tác hại) mà dự án mang lại đối với cuộc sống phụ nữ

- Làm bộc lộ rõ các nhu cầu và mối quan tâm cụ thể của phụ nữ. Thông thường, các vấn đề này không được xác định chính xác hay thường gắn liền với các nhu cầu hay mối quan tâm của chồng họ hay của các thành viên khác trong gia đình (con nhỏ…) hoặc của các thành viên khác trong cộng đồng.
- Thiết kế chiến lược các can thiệp của dự án dựa vào hoàn cảnh cụ thể của nam giới và phụ nữ
- Thiết kế dự án để không chỉ đạt được các nhu cầu cơ bản mà còn thúc đẩy được quá trình tạo quyền
- Đánh giá các tác động khác nhau của dự án đối với cuộc sống của nam giới và phụ nữ

Một hoạt động thú vị khác là xác định nguyện vọng của phụ nữ và nam giới liên quan đến khả năng cải thiện đời sống của họ và các điệu kiện sống của cộng đồng

Bằng cách nào?

Bằng cách đặt những câu hỏi mở để kích thích các cuộc thảo luận. Ví dụ một câu hỏi: "Bạn muốn làm gì để cải thiện cuộc sống của mình?" hoặc "Bạn có mơ ước gì đối với cộng đồng của bạn?"

3.5. Vạch ra các yếu tố ảnh hưởng đến động năng Giới

Các yếu tố ảnh hưởng các quan hệ Giới là những biến số ảnh hưởng trực tiếp đến các nhóm tương ứng về quyền, nghĩa vụ, cơ hội, hoạt động và địa vị của phụ nữ và nam giới trong xã hội và vì vậy, có thể ảnh hưởng đến các dự án phát triển. Những nhân tố này có thể ảnh hưởng ở cấp vĩ mô (bối cảnh chung của một quốc gia hoặc một lĩnh vực), cấp thể chế (liên quan đến thể chế, cấu trúc và dịch vụ) và có thể tạo nên các sự kiện, sự việc, giá trị, luật lệ, luật hoặc tập quán.

Việc phân tích các yếu tố gây ảnh hưởng này giúp chúng ta có thể

- Xác định các cấu trúc xã hội, các quy chuẩn pháp luật, các tiến trình và các mối quan hệ mà góp phần vào việc tăng mức độ thiệt thòi của một số nhóm nhất định trong một xã hội. Vì vậy, việc phân tích này được sử dụng để định hướng cho các dự án phát triển nhằm hướng đến mục tiêu thay đổi những cấu trúc, tiến trình và các mối quan hệ đó.
- Tiếp cận những yếu tố như vậy mà đã có tác động chuyển đổi đối với vị thế và các điều kiện của phụ nữ và nam giới và các mối liên hệ tương hỗ của họ.
- Đánh giá tính khả thi của dự án dựa trên những yếu tố bên ngoài mà có thể hoặc làm giảm hoặc là khuyến khích nhiệm vụ đạt được những mục tiêu của hoạt động can thiệp.

Làm thế nào chúng ta có thể tiến hành phân tích các yếu tố ảnh hưởng các quan hệ giới?

Có nhiều loại yếu tố gây ảnh hưởng có khả năng tác động đến tính năng động của giới

Những cách diễn dịch các truyền thống và phong tục có thể khiến phụ nữ không được hưởng quyền công dân và những quyền cơ bản khác. Đồng thời, chúng còn tạo ra và duy trì sự phụ thuộc, các thiệt thòi về mặt pháp lý và biện minh cho tình trạng bạo lực và lạm dụng đối với phụ nữ. Những điều này khiến họ trở thành công dân hạng hai trong xã hội.

- **Các yếu tố chính trị-luật pháp**: đề cập đến các ảnh hưởng của Nhà nước và các chính sách và pháp chế, pháp luật và các chính sách công, các chính sách ngân sách, các chính sách điều chỉnh cấu trúc và các chính sách toàn ngành có những tác động khác nhau lên phụ nữ và nam giới. Chúng ta cũng cần phân tích mức độ phụ nữ tham gia ở cấp Nhà nước và xã hội dân sự, bao gồm mức độ cam kết ở các cấp này để bảo vệ nhân quyền của phụ nữ.
- **Các yếu tố kinh tế xã hội:** xem xét những vai trò khác nhau mà nam giới và phụ nữ đảm nhận trong các hoạt động kinh tế, cả ở cấp vĩ mô (những cắt giảm trong chi tiêu xã hội, tư nhân hóa các dịch vụ công cộng, thất nghiệp, v.v.) và cấp vi mô (các cấp độ thu nhập gia đình, tiếp cận đối với việc vay, các loại hoạt động sản xuất, các loại cấu trúc gia đình, v.v.)
- **Các yếu tố tôn giáo và văn hóa - xã hội:** có xu hướng và có tầm quan trọng to lớn đối với các mối liên hệ về giới và về vị thế phụ nữ trong xã hội. Văn hóa quyết định đặc tính và vai trò được giao phó cho nam giới và nữ giới trong mỗi xã hội và cũng xác định giá trị đi kèm với những vai trò như vậy trong gia đình và trong cộng đồng hoặc toàn bộ xã hội.
- **Các yếu tố môi trường:** đề cập đến các môi liên hệ chi phối quyền sở hữu và kiểm soát các tài nguyên và các sản phẩm và quá trình ra quyết định liên quan đến môi trường có những phân tách đáng kể đối với động năng giới.
- **Các yếu tố công nghệ:** liên quan đến vấn đề bằng cách nào công nghệ tạo ra những tác động khác nhau đối với năng suất và năng lực tiềm năng của phụ nữ và nam giới. Các nhân tố này cũng bao gồm những khác biệt về giới trong việc tiếp cận và đạt được việc đào tạo trong các công nghệ mới.
- **Các yếu tố ngôn ngữ và giáo dục:** trong môi trường đa ngôn ngữ, thường thì phụ nữ nói tiếng mẹ đẻ của mình nhưng lại không quen với ngôn ngữ chính thức của quốc gia, hoặc ngôn ngữ thông dụng nhất của một khu vực. Điều này đã hạn chế khả năng tiếp cận của họ đối với thông tin về các tài nguyên sản xuất và đối với tất cả các hoạt động thực hiện bên ngoài khu vực cận kề vùng sinh sống của họ. Một vấn đề tương tự có thể phát sinh do các khóa tập huấn dành cho phụ nữ có chất lượng thập và do thường thì phụ nữ có có tỉ lệ mù chữ cao.

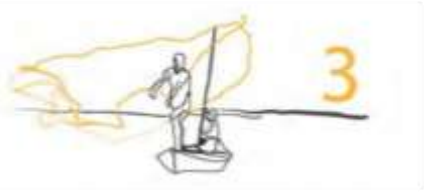

Sau khi các yếu tố gây ảnh hưởng chính đã được xác định, chúng ta phải đánh giá cách thức chúng ảnh hưởng đến động năng về giới trong mỗi tình huống cụ thể và liệu chúng có phải là các yếu tố có thể giúp cho việc tạo điều kiện cho các thay đổi hay cản trở sự thay đổi.

- Các yếu tố đạo điều kiện cho các thay đổi: những yếu tố có khả năng gây ảnh hưởng có thể giúp hoạt động phục vụ phát triển để xúc tiến hoặc thúc đẩy bình đẳng giới trong một cộng đồng.
- Những yếu tố cản trợ sự thay đổi: những yếu tố gây ảnh hưởng mà cản trở các tác động tích cực mà dự án phát triển có thể tạo ra đối với việc tiến bộ trong bình đẳng giới.

**Tất cả các dự án và hoạt động phát triển sẽ cố gắng tận dụng các yếu tố tạo điều kiện cho các thay đổi, đồng thời, trong chừng mực có thể,chống lại các yếu tố cản trở sự thay đổi thông qua các chiến lược thích hợp nhất.*

Các bước sau đây sẽ được tiến hành khi thực hiện phân tích đối với các yếu tố có khả năng gây ảnh hưởng

- Chỉ ra những thành tố đại diện cho các yếu tố tạo điệu kiện cho các sự thay đổi trong một cột và liên hệ chúng với các khía cạnh ảnh hưởng đến: hộ gia đình, cộng đồng, thị trường hoặc nhà nước.
- Liệt kê những yếu tố gây ảnh hưởng mà tạo nên những yếu tố cản trở sự thay đổi trong một cột và liên hệ chúng với các khía cạnh ảnh hưởng đến: hộ gia đình, cộng đồng, thị trường hoặc nhà nước.
- Đo cường độ của mỗi yếu tố từ 1 đến 5 với 1 là yếu nhất và 5 là mạnh nhất.
- Vẽ sơ đồ để minh họa tình trạng và căn cứ vào đó xây dựng chiến lược thích hợp.

3.6. Chỉ số nhạy cảm giới[20]

Các chỉ số là những mốc định lượng hoặc định tính được sử dụng để đo lường hoặc đánh giá việc đạt được các mục tiêu hay kết quả. Các chỉ số có thể áp dụng hình thức đo lường, con số, dữ kiện, quan điểm hoặc nhận định minh họa một điều kiện hay tình huống cụ thể đo lường các thay đổi trong tình huống hoặc điều kiện đó theo thời gian.

Các chỉ số đo lường cấp độ biểu hiện và có thể được miêu tả trong các nội dung về:

- **Số lượng** (bao nhiêu). Số lượng cần đạt được;
- **Chất lượng** (ra sao). Chất lượng cần đạt được;
- **Nhóm đối tượng** (ai). Nhóm đối tượng chịu ảnh hưởng bởi hay hưởng lợi từ chương trình hoặc dự án;
- **Thời gian/thời lượng**(khi nào và bao lâu). Khung thời gian vạch ra để đạt được các mục tiêu;
- **Địa điểm** (ở đâu)

[20] Trích từ *Các chỉ số nhạy cảm giới: Công cụ chính để lồng ghép giới, Kettel,B. FAO 2001.*

Có nhiều loại chỉ số, bao gồm

- **Chỉ số đầu vào** - miêu tả những gì được đưa vào chương trình hoặc dự án, như là số giờ đào tạo, số lượng tiền chi tiêu, số lượng các tài liệu thông tin được phân phối, v.v.
- **Chỉ số đầu ra** - miêu tả các hoạt động chương trình hoặc dự án, như là số người được đào tạo, số lượng các nhà làm chính sách có mặt trong một hội thảo báo cáo kết quả, số lượng phụ nữ và nam giới đã tiếp cận, v.v.
- **Chỉ số tác động** - miêu tả những thay đổi thực sự về điều kiện, như là thay đổi thái độ nhờ vào các khóa tập huấn, thay đổi hành vi nhờ vào kết quả hoạt động dự án hoặc chương trình, v.v. Loại chỉ số này khó đo lường hơn.

Tiêu chuẩn lựa chọn chỉ số

Có nhiều tiêu chuẩn khác nhau có thể được sử dụng để xác định các chỉ số thích hợp:

- Thích hợp với nhu cầu và năng lực của người sử dụng
- Dễ thu thập, dễ sử dụng và dễ hiểu
- Định nghĩa rõ ràng, không mơ hồ, chính xác và đáng tin cậy
- Nhạy bén để ghi lại các thay đổi do kết quả dự án
- Độc lập với nhau
- Càng ít càng tốt, tập trung vào đo lường các đặc tính dự án quan trọng trong khi tránh việc phân tách quá mức.

Xác định các chỉ số

Cần có các thành phần tham gia vào quá trình xác định các chỉ số phù hợp, đặc biệt đối với các dự án chú trọng phân tích định tính. Khía cạnh mà cộng đồng nhìn nhận về một sự cải thiện chất lượng cuộc sống của họ có thể khác so với cách nhìn nhận của bên ngoài. Cũng cần phân biệt các quan điểm của phụ nữ và nam giới.

Các chỉ số nhạy cảm giới là những chỉ số được phân tách theo giới tính, độ tuổi và hoàn cảnh kinh tế - xã hội. Chúng được xây dựng để thể hiện những thay đổi trong mối quan hệ giữa phụ nữ và nam giới trong một xã hội cụ thể qua một thời kỳ nào đó. Các chỉ số này có thể được sử dụng để đánh giá kết quả của các biện pháp và chính sách tập trung giới và lồng ghép, đánh giá những thách thức để đạt thành quả, và điều chỉnh các chương trình và hoạt động để đạt được các mục tiêu bình đẳng giới tốt hơn và giảm các tác động tiêu cực đối với phụ nữ và nam giới.

Các chỉ số ở cấp dự án cần có để đo lường các nội dung sau

Các khía cạnh kinh tế-xã hội của một dự án có thể được ghi nhận thông qua việc sử dụng các chỉ số nhạy cảm giới

- Sự tham gia của phụ nữ và nam giới vào các hoạt động dự án
- Tiếp cận việc ra quyết định, các nguồn lực từ dự án và dịch vụ dự án của phụ nữ và nam giới
- Các kết quả dự án mong đợi/không mong đợi đối với phụ nữ/nam giới (đối chiếu với mục tiêu dự án)
- Mức độ đạt được/không đạt được các nhu cầu thực tiễn và chiến lược của phụ nữ và nam giới (đối chiếu với các nhu cầu đã thể hiện)
- Những thay đổi trong việc phân bổ ngân sách của dự án dành cho vấn đề giới
- Những thay đổi về năng lực lồng ghép bình đẳng giới của nhân viên dự án
- Sự xuất hiện của các vấn đề giới mới trong dự án hoặc do kết quả của dự án.

Ví dụ về các chỉ số nhạy cảm giới là

<u>Định lượng</u>

- Sự tham gia của tất cả các thành phần trong các cuộc họp xác định và xây dựng dự án (sự tham dự và mức độ tham gia/đóng góp theo giới tính, độ tuổi và hoàn cảnh kinh tế-xã hội).
- Mức độ đóng góp của phụ nữ và nam giới vào các hoạt động dự án về các mặt lao động, công cụ, tiền bạc, v.v.
- Lợi ích (như là tăng số lượng việc làm) phụ nữ và nam giới được hưởng, theo hoàn cảnh kinh tế - xã hội và độ tuổi.

<u>Định tính</u>

- Mức độ tham gia theo nhận định của các thành phần tham gia trong các giai đoạn khác nhau của chu trình dự án (theo giới tính, độ tuổi, và hoàn cảnh kinh tế - xã hội).
- Cấp độ tham gia của một số lượng thích hợp của phụ nữ trong những nội dung ra quyết định quan trọng (tính thích hợp phải được thống nhất chung bởi tất cả các bên liên quan) - được đo lường thông qua những phản hồi của các bên liên quan và bằng phân tích định tính tác động của các quyết định khác nhau.

Mặc dù không có số lượng mục tiêu và chỉ số nào có thể nắm bắt được sự đa dạng và phong phú của cuộc sống phụ nữ, chúng giúp chúng ta giám sát việc hoàn thành các cam kết về tiến bộ của phụ nữ, cũng như huy động sự hỗ trợ cho những nỗ lực mạnh mẽ hơn về vấn đề này, v.v. Đánh giá tiến bộ liên quan đến phụ nữ so với những mục tiêu theo kế hoạch giúp thể hiện mức độ tiến bộ đã đạt được - và những gì còn cần phải giải quyết.'

Noeleen Heyzer, Giám đốc điều hành Quỹ phát triển dành cho Phụ nữ của Liên hiệp quốc (UNIFEM) 2001

Các chỉ số bình đẳng giới hữu ích như thế nào[21]?

Để có thể thấy rõ những gì chưa hiện rõ. Các chỉ số cho phép chúng ta xác nhận liệu có tồn tại bình đẳng hay bất bình đẳng giữa nam giới và nữ giới, ở đâu và cách thức như thế nào những sự khác biệt về giới diễn ra, và chúng thay đổi theo thời gian như thế nào.

Để so sánh các kết quả. Việc áp dụng các chỉ số bình đẳng giới cho phép chúng ta đánh giá thực trạng bình đẳng giới của một cộng đồng trong mối tương quan với các cộng đồng khác, với tỉnh, khu vực hay quốc gia.

Để phát hiện xem có khuynh hướng đạt được tiến bộ không: Việc áp dụng những chỉ số này vào các thời điểm khác nhau cho phép chúng ta xem xét liệu tình trạng bình đẳng giới có được cải thiện không hay trở nên xấu đi. Nói một cách khác, chúng cho phép chúng ta thấy được xu hướng thay đổi trong một tình huống.

Để đo được tác động của các chính sách, chương trình hoặc dự án: Các chỉ số giúp chúng ta xác định liệu các chính sách, chương trình hoặc dự án được triển khai có đóng góp vào bình đẳng giới trong cộng đồng, trong vùng, quốc gia và toàn cầu.

Vậy, làm thế nào chúng ta có thể đo được các tác động về giới của dự án?

Vai trò giới không mang tính cố định mà thay đổi theo thời gian. Các dự án phát triển có thể tạo ra những thay đổi trong quan hệ giới (một cách ngẫu nhiên hay hữu ý) trong một cộng động cụ thể. Khung Logic cần kết hợp khía cạnh này và thúc đẩy sự thay đổi có chứa đựng một hợp phần bình đẳng giới với các mục tiêu cụ thể. Hệ thống Giám sát và Đánh giá theo đó có thể bao gồm các chỉ số giới và những chỉ số này có thể được theo dõi và đánh giá trong suốt quá trình dự án. Tất nhiên là những mục tiêu này và những chỉ số này sẽ được quyết định bởi các bên liên quan của dự án, đặc biệt là trong việc tham vấn với phụ nữ và nam giới của cộng đồng đó.

[21] Nguồn: Aguilar & Castaneda, 2001

Một số ví dụ về các chỉ số nhạy cảm giới cho nghề cá và thủy sản:

- Tăng số lượng phụ nữ quản lý thành công các dự án sản xuất (cụ thể là các ngư trại, ao nuôi, khu vực trú ẩn sinh thái)
- Số lượng phụ nữ tự nhận họ là nữ ngư dân
- Cấp độ cộng đồng công nhân liên quan đến việc phụ nữ và nam giới có năng lực như nhau trong việc thực hiện cùng một loại công việc.
- Phụ nữ và nam giới được trả lương như nhau cho cùng một loại công việt và cùng thời gian làm việc (cụ thể là trong các nhà máy chế biến cá)
- Phụ nữ và nam giới đều quen thuộc với các kỹ thuật tính toán và tiếp thị phù hợp.
- Phụ nữ và nam giới tham gia tích cực vào việc bảo tồn các tài nguyên thủy sản ven biển.
- Số lượng các hội phụ nữ được chính thức thành lập.
- Phụ nữ được đào tạo để đảm được các trách nhiệm vào các vị trí quyền lực hoặc các vị trí ra quyết sách.
- Phụ nữ tích cực tham gia vào các quyết định về việc sử dụng tác tài nguyên thiên nhiên.
- Phụ nữ và nam giới tham gia trong các tổ chức hỗn hợp (cụ thể là các hợp tác xã, các hội nghề cá)
- Các thành viên cộng đồng nhận thức rằng phụ nữ có khả năng ra quyết định.
- Nam giới chăm sóc cho con cái.
- Nam giới cùng làm công việc gia đình.
- Con trai, con gái của các hộ ngư dân cùng được đi học như nhau.
- Thức ăn trong gia đình được phân bổ đổng đều cho cả nam và nữ.
- Cải thiện việc tiếp cận đối với và việc kiểm soát đối với những tài nguyên then chốt của phụ nữ (cụ thể là chất đốt, nghề thủ công, tôm cua)
- Số lượng và chủng loại các công việc trong ngành du lịch chính thống của phụ nữ, không chỉ là lau dọn nhà và chuẩn bị thức ăn.
- Phần trăm của phụ nữ có được các chứng chỉ liên quan đến ngư nghiệp.
- Số lượng/phần trăm phụ nữ sở hữu ao nuôi.

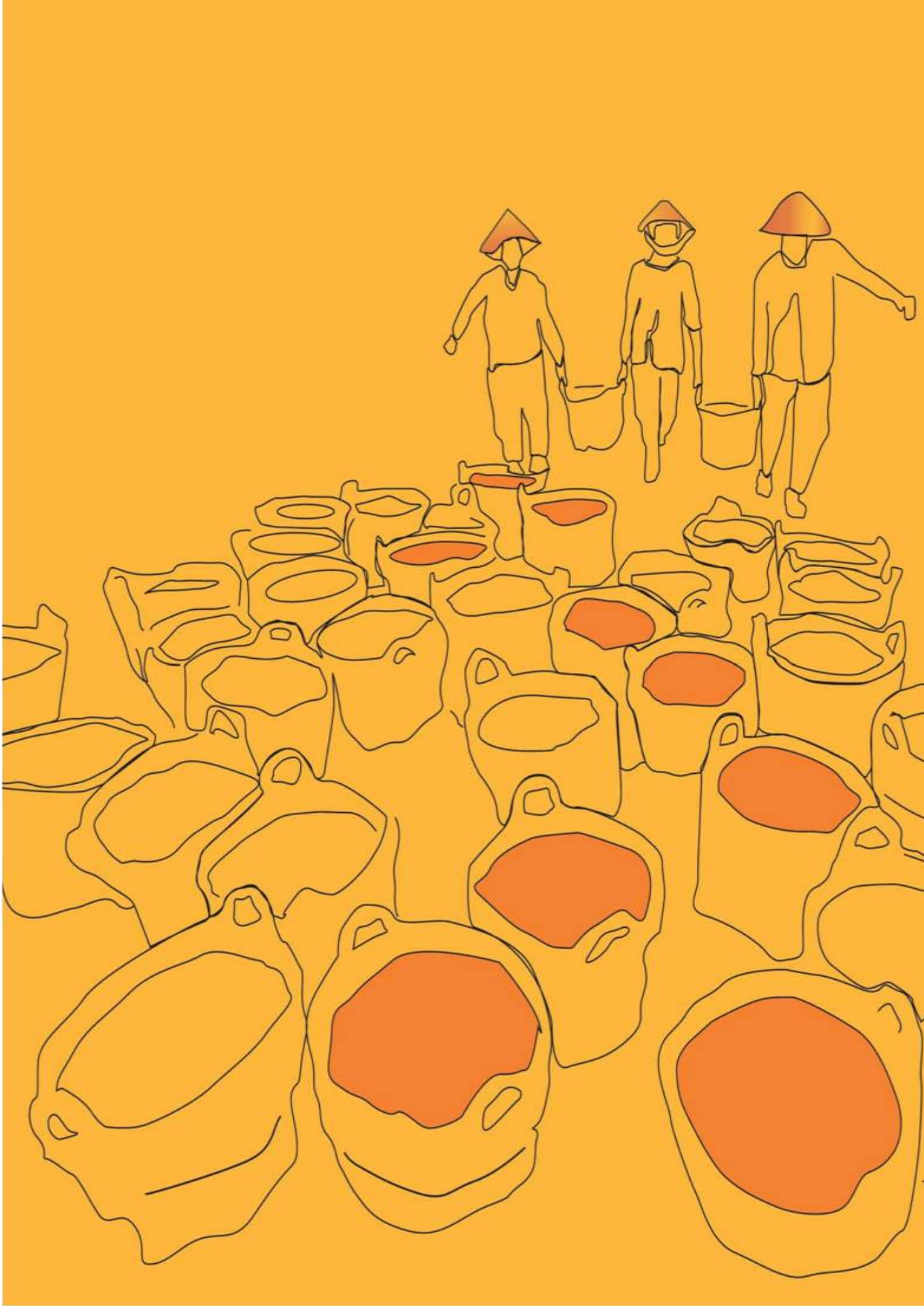

Chương 4

Lồng ghép giới vào quản lý chu trình dự án

4.1 Quản lý chu trình dự án (PCM)

4.1.1 Dự án là gì

Dự án là một chuỗi các hoạt động nhằm đạt được một cách rõ ràng các mục tiêu trong một giai đoạn xác định với một ngân sách xác định.

Một dự án cần có

- Các bên liên quan được xác định rõ, bao gồm nhóm mục tiêu chính và những người hưởng lợi sau cùng;
- Cơ chế điều phối, quản lý và phân bổ tài chính được xác định rõ ràng;
- Một hệ thống theo dõi, đánh giá (để hỗ trợ việc quản lý và thực hiện), và;
- Sự phân tích các khía cạnh kinh tế và tài chính, việc này sẽ cho thấy lợi ích từ dự án sẽ cao hơn chi phí của nó.

4.1.2 Quản lý chu trình dự án (PCM)

Quản lý chu trình dự án là một thuật ngữ được dùng để mô tả các hoạt động quản lý và các quy trình ra quyết định được sử dụng trong suốt thời gian thực hiện của một dự án (bao gồm những nhiệm vụ, vai trò và trách nhiệm chính, những tài liệu then chốt và các lựa chọn đưa ra quyết định)

PMC hỗ trợ cho việc đảm bảo rằng:

- Các dự án hỗ trợ cho các mục tiêu chính sách tổng quát của cơ quan tài trợ và của các đối tác phát triển.
- Các dự án phù hợp với một chiến lược đã được nhất trí và phù hợp với những khó khăn trong thực tế của các nhóm mục tiêu/người hưởng lợi
- Dự án mang tính khả thi có nghĩa là các mục tiêu có thể thực sự đạt được trong điều kiện cụ thể của môi trường hoạt động và năng lực của các cơ quan thực hiện, và
- Các lợi ích do dự án mang lại phải mang tính bền vững.

Để hỗ trợ cho việc đạt được những mục đích này, PCM:

Trong thực tiễn, thời hạn và tầm quan trọng của mỗi giai đoạn của chu trình sẽ thay đổi đối với các dự án khác nhau phụ thuộc vào quy mô và phạm vi những mô hình thực hiện cụ thể. Tuy vậy, phải đảm bảo rằng có đủ về thời gian và nguồn lực thích hợp cho việc xác định và hình thành dự án, điều này đặc biệt quan trọng để hỗ trợ việc thiết kế và thực hiện có hiệu quả các dự án có liên quan và có tính khả thi.

- Yêu cầu sự tham gia tích cực của các bên liên quan then chốt và tập trung vào việc tăng cường tinh thần làm chủ của địa phương
- Sử dụng Phương pháp Tiếp cận Khung Logic (cũng như việc sử dụng những công cụ khác) để hỗ trợ một số đánh giá/phân tích chính yếu (bao gồm những vấn đề của các thành phần liên hệ, các mục tiêu và các chiến lược)
- Lồng ghép các tiêu chí đánh giá chất lượng chính vào mỗi giai đoạn của chu trình dự án; và
- Cần xây dựng các tài liệu chính có chất lượng cao trong từng giai đoạn (với các khái niệm, định nghĩa được chấp nhận rộng rãi) để hỗ trợ cho việc ra quyết định với đầy đủ thông tin.

Các giai đoạn trong quản lý chu trình dự án

Có bốn giai đoạn cơ bản trong quản lý chu trình dự án

- **Xác định**
- **Hình thành**
- **Thực hiện và theo dõi**
- **Đánh giá**

Các giai đoạn này mang tính tuần tự, sự kết thúc của giai đoạn này dẫn đến sự bắt đầu của giai đoạn tiếp theo.

Hình 1: Chu trình dự án

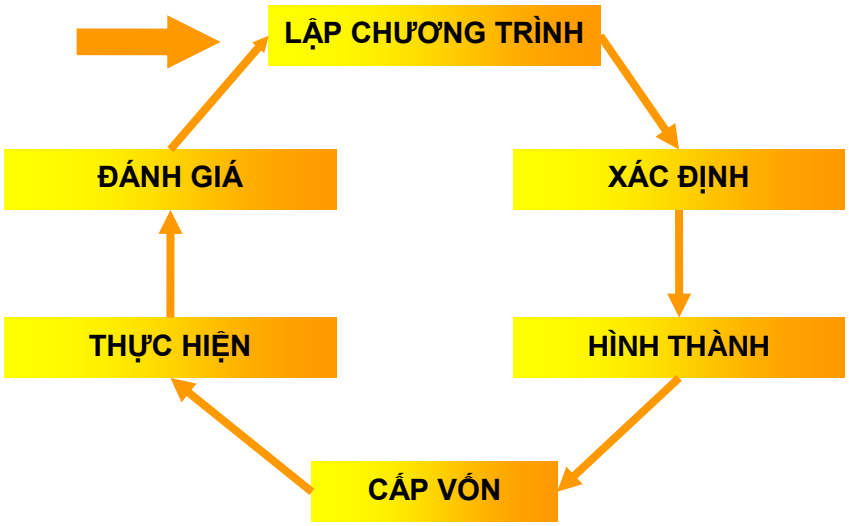

Chu trình này nhấn mạnh vào ba nguyên tắc chính:

1. Các tiêu chí và các quy trình ra quyết định được xác định tại mỗi giai đoạn (bao gồm những yêu cầu thông tin chính yếu và những tiêu chí đánh giá chất lượng);
2. Các giai đoạn trong chu trình mang tính lũy tiến, mỗi giai đoạn cần được hoàn tất thì giai đoạn tiếp theo mới có thể thành công; và,
3. Việc xác định dự án và việc lập chương trình mới được dựa trên các kết quả theo dõi và đánh giá như là một phần của tiến trình được định sẵn đối với các thông tin phản hồi và việc học hỏi về mặt thể chế.

4.1.3 Cách tiếp cận Khung Logic (LFA)

LFA là một tiến trình phân tích và một công cụ có khả năng trình bày rõ ràng, cô đọng những thành phần thiết yếu của một dự án thông qua Chu trình Dự án. Nó được sử dụng để phát triển thiết kế tổng thể của một dự án để cải thiện chất lượng việc thực hiện dự án, theo dõi và để tăng cường việc đánh giá dự án theo thời kỳ. Về mặt bản chất, khung logic là một mô hình "nhân quả" của các hoạt động can thiệp từ dự án nhằm tạo ra những tác động mong muốn cho các bên hưởng lợi.

Một thành tố quan trọng của LFA là cách tiếp cận có sự tham gia ở các giai đoạn lập kế hoạch dự án, thực hiện dự án, theo dõi và đánh giá liên quan đến tất cả các thành phần liên hệ bị ảnh hưởng bởi các hoạt động dự án và/hoặc các nhà hoạch định chính sách.

4.1.4 Tiếp cận khung logic và PCM tổng hợp

Thông thường, các cơ quan phát triển quốc tế sử dụng hai khung tương quan cho việc quản lý dự án, Quản lý Chu trình Dự án (PCM) và Cách tiếp cận Khung Logic (LFA), do hai khung này bổ sung cho nhau.

Các giai đoạn của việc quản lý dự án bắt nguồn từ việc hợp nhất này là:

Hình 2: Hợp nhất PCM và LFA

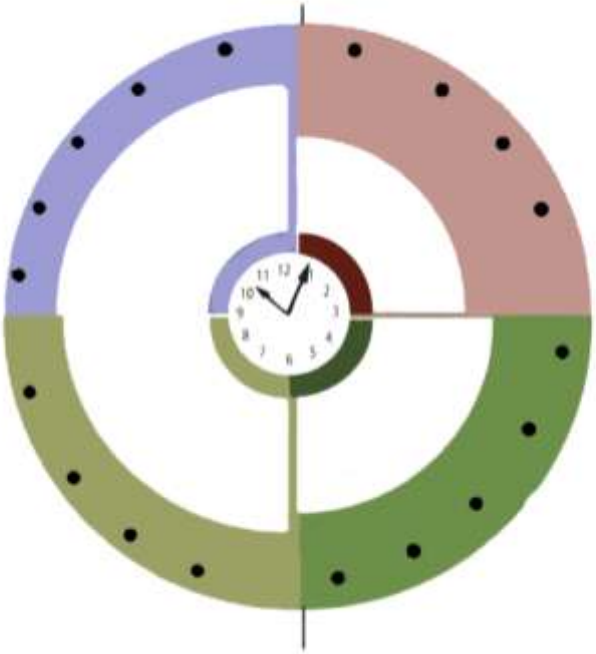

4.1.5 Các giai đoạn trong quản lý dự án xuất phát tử khung logic và PCM tổng hợp

A) GIAI ĐOẠN XÁC ĐỊNH

Giai đoạn xác định bao gồm

1. **Phân tích sự tham gia**
2. **Phân tích vấn đề**
3. **Phân tích mục tiêu**
4. **Phân tích các thay thế**

1. Việc tham gia/phân tích các bên liên quan: Ở bước đầu tiên, xác định tất cả các bên liên quan đến dự án (các nhóm lợi ích, các thể chế, cá nhân, v.v) bị ảnh hưởng bởi bối cảnh vấn đề/dự án.

Bất kỳ cá nhân, nhóm người, các tổ chức hoặc công ty mà có thể có quan hệ với dự án được xem là các bên liên quan. Nhằm tối đa hóa những lợi ích về mặt thể chế và xã hội của dự án và tối thiểu hóa những tác động tiêu cực của nó, việc phân tích các bên liên quan xác định tất cả những đối tượng có khả năng bị ảnh hưởng (tích cực hoặc tiêu cực) và bằng cách nào.

Để thu thập thông tin, các kỹ thuật phỏng vấn, thảo luận thường được sử dụng.

Điều quan trọng là việc phân tích các thành phần liên hệ phải được thực hiện ngay trong giai đoạn ban đầu trong các giai đoạn xác định và đánh giá của một dự án.

Hình 3: Ví dụ của việc phân tích các bên liên quan

Các bên liên quan và các đặc tính cơ bản	Các mối quan tâm và cách thức bị ảnh hưởng bởi (các) vấn đề	Năng lực và động cơ để tạo ra thay đổi	Các hành động có thể để giải quyết các mối quan tâm của các thành phần liên hệ
Các gia đình ngư dân: 20.000 gia đình, thu nhập thấp, các doanh nghiệp quy mô nhỏ, được tổ chức thành các hợp tác xã không chính thức, phụ nữ tích cực tham gia vào tiếp thị và chế biến cá	Duy trì và cải thiện các phương tiện kế sinh nhai. Ô nhiễm ảnh hưởng đến khối lượng và chất lượng đánh bắt. Sức khỏe gia đình đang phải chịu đựng, đặc biệt là trẻ em và bà mẹ.	Quan tâm nhiều đến các biện pháp kiểm soát ô nhiễm. Những tác động hạn chế về mặt chính trị với cấu trúc tổ chức yếu.	Năng lực hỗ trợ để tổ chức và vận động Thực hiện các biện pháp kiểm soát ô nhiễm Xác định/phát triển các nguồn thu nhập thay thế cho phụ nữ và nam giới.

Nguồn Văn phòng Hợp tác Hỗ trợ Châu Âu

2. Phân tích vấn đề: xác định những tác động tiêu cực của một tình huống hiện tại và thiết lập mối quan hệ "nhân quả" giữa các vấn đề tồn tại. Hoạt động này có ba bước:

1. Định nghĩa chính xác đối với khung và chủ thể phân tích
2. Xác định những vấn đề chính phải các nhóm đối tượng và các bên hưởng lợi đang phải đối mặt. (Những (một) vấn đề là gì)? Những vấn đề đó là của ai?
3. Hiển thị những vấn đề dưới dạng một sơ đồ, được gọi là "cây vấn đề" hoặc "trình tự các vấn đề " để xác lập mối liên hệ "nhân-quả", "trình tự vấn đề" để xác lập mối liên hệ "nhân-quả"

Việc phân tích được trình bày qua các biểu đồ cho thấy các tác động của vấn đề ở phía trên và các nguyên nhân ở phía dưới. Việc phân tích là nhằm xác định những chỗ thắt nút mà các bên liên quan xem như là ưu tiên và tìm kiếm cách giải quyết.

Một khi cây dự án đã hoàn tất, sẽ chọn được một vấn đề trọng tâm, là vấn đề chính để dự án hoặc hoạt động can thiệp tập trung giải quyết.

Hình 4: Ví dụ của Một cây vấn đề

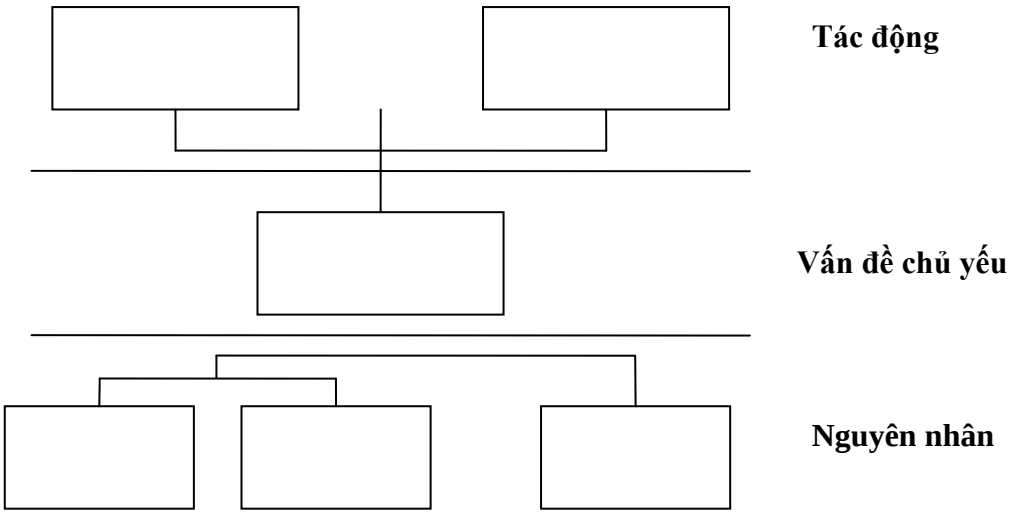

3. Phân tích mục tiêu: Trong khi phân tích vấn đề thể hiện các khía cạnh tiêu cực của một tình trạng, phân tích mục tiêu thể hiện các thay đổi mong muốn đạt được trong tương lai. Điều này bao gồm việc chuyển hóa vấn đề thành các mục tiêu và xây dựng một cây mục tiêu.

Do đó, cây mục tiêu có thể được xem như là hình ảnh phản chiếu ngược của cây vấn đề. Ví dụ:

VẤN ĐỀ	MỤC TIÊU
Chưa xác lập được quyền khai thác	Quyền khai thác được thiết lập
Có nhiều bến cá nằm rải rác	Số điềm bến cá được giảm xuống

4. Phân tích các giải pháp thay thế: Mục đích của việc phân tích các giải pháp thay thế là xác định những chọn lựa thay thế có thể, đánh giá tính khả thi của những giải pháp thay thế và thống nhất chiến lược dự án.

Việc phân tích các giải pháp thay thế liên quan đến việc quyết định những mục tiêu nào sẽ được bao gồm TRONG dự án, và những mục tiêu nào sẽ vẫn là NGOÀI và những mục đích và các mục tiêu tổng quát của dự án: Bước này yêu cầu:

- Các tiêu chí rõ ràng cho việc lựa chọn các chiến lược
- Việc xác định các chiến lược khả thi khác nhau để đạt được các mục tiêu.

Trong trình tự các mục tiêu, các cụm mục tiêu khác nhau của cùng một loại được gọi là các chiến lược. Một hay nhiều mục tiêu sẽ được chọn làm chiến lược cho việc thực hiện trong tương lai. Chiến lược có tính khả thi và liên quan nhất được chọn trên cơ sở một số tiêu chí được xác định cho từng dự án.

Những tiêu chí sau đây có thể được áp dụng:
Các ưu tiên và tính hấp dẫn đối với các nhóm đối tượng, bao gồm khía cạnh thời gian của các lợi ích

- Tính sẵn có: các nguồn ngân sách bên ngoài, đối tác/các quỹ của các tổ chức đối tác, các kiến thức chuyên sâu cần có/sẵn có
- Năng lực và tiềm năng hiện tại (của các nhóm mục tiêu)
- Phù hợp cho việc đóng góp vào các mục tiêu chính sách tổng thể
- Mối quan hệ và tính bổ sung đối với những sáng kiến phát triển khác
- Khả năng được xã hội chấp nhận
- Đóng góp vào việc giảm bớt bất bình đẳng (cụ thể là giới)
- Tính cấp thiết

Hình 5: Các mục tiêu dùng cho một chủ đề tương tự có thể được gộp lại theo nhóm

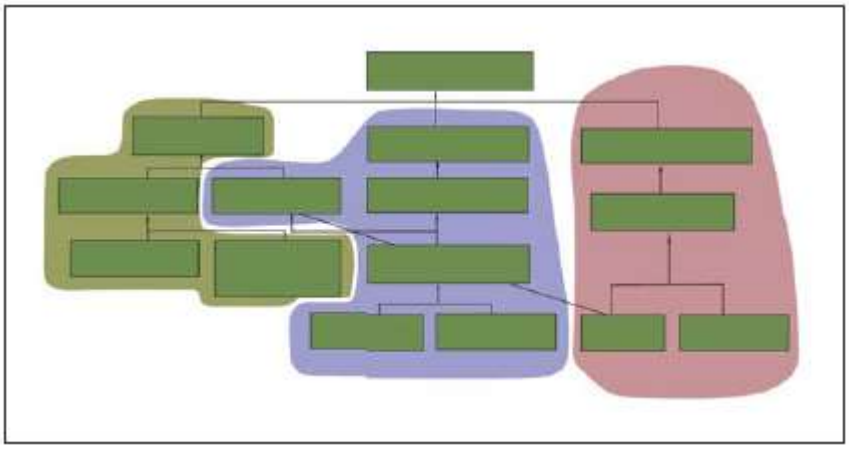

B) GIAI ĐOẠN THIẾT KẾ

Giai đoạn thiết kế bao gồm Chuẩn bị cho Ma trận Khung Logic: Các kết quả từ việc phân tích chiến lược, mục tiêu, vấn đề, các bên liên quan được sử dụng làm cơ sở cho việc chuẩn bị Ma trận khung logic. Ma trận cần cung cấp một bản mô tả thiết kế dự án, cho thấy mối tương quan của bốn cấp độ trình tự - mục tiêu tổng quát, mục tiêu, kết quả mong đợi, và các hoạt động logic. Đối với mỗi cấp độ, các chỉ số, các nguồn xác định và những nhân tố bên ngoài sẽ được xác định

Ma trận Khung logic thể hiện 16 hộp hiển thị những khía cạnh quan trọng nhất của dự án, tóm tắt

- Tại sao một dự án được thực hiện (logic của can thiệp)
- Dự án trông đợi đạt được mục tiêu gì (các chỉ số và logic của can thiệp)
- Dự án đạt được các mục tiêu bằng cách nào (hoạt động, công cụ)
- Những nhân tố bên ngoài nào có vai trò quan trọng đối với sự thành công của dự án (các giả định)
- Cần tìm những thông tin cần thiết ở đâu để đánh gia sự thành công của dự án (các nguồn thẩm định)
- Cần có những phương tiện gì (phương tiện)
- Dự án cần những chi phí gì (chi phí)
- Những điều kiện tiên quyết nào cần được thực hiện trước khi dự án có thể bắt đầu (điều kiện tiên quyết)

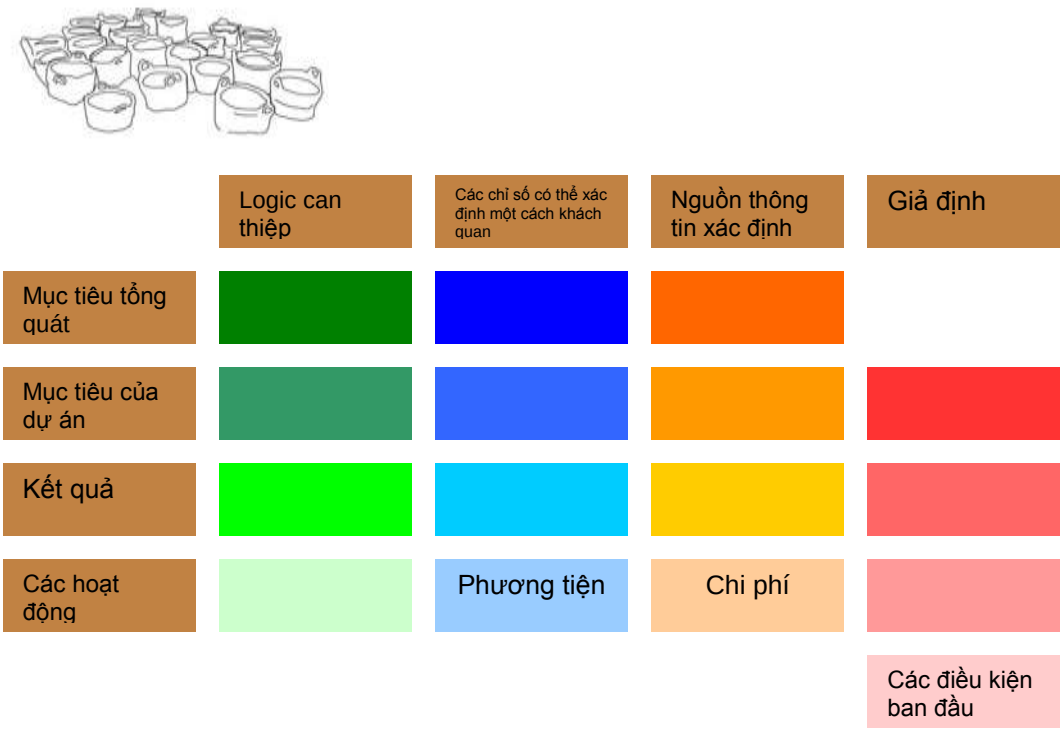

Nguồn: Ngân hàng Thế giới

Dòng đầu tiên: LOGIC của CAN THIỆP

Cột đầu tiên của ma trận khung logic tóm tắt logic "phương tiện-kết quả" của đề xuất dự án (còn gọi là 'logic can thiệp').

Các giải pháp thay thế được chọn thể hiện logic quan hệ nhân quả của cột đầu tiên của Khung logic

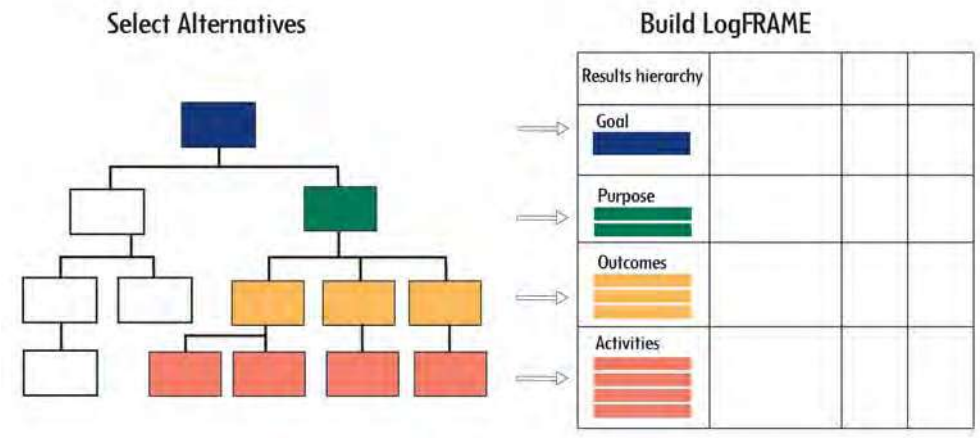

Nguồn: Ngân hàng Thế giới

Mục tiêu tổng thể

Cần giải thích tại sao chương trình có vai trò quan trọng trong xã hội về mặt những lợi ích dài hạn đối với các bên hưởng lợi.

Mục tiêu của dự án

Cần giải quyết được vấn đề cốt lõi và xác định rõ các lợi ích được nhận.

Các kết quả

Mô tả các dịch vụ và/hoặc các sản phẩm mà dự án mong muốn mang lại cho các bên hưởng lợi dự kiến hay các nhóm mục tiêu dự kiến.

Các hoạt động

Cách thức cung cấp các sản phẩm và các dịch vụ của dự án.

Cột thứ tư: CÁC GIẢ ĐỊNH

Các giả định là những nhân tố bên ngoài có khả năng ảnh hưởng (hoặc thậm chí quyết định) sự thành công của một dự án, nhưng nằm ngoài sự kiểm soát trực tiếp của các quản lý dự án. Các giả định trả lời câu hỏi: "Những yếu tố bên ngoài nào có thể ảnh hưởng đến việc thực hiện dự án và tính bền vững dài hạn của các lợi ích, nhưng nằm ngoài sự kiểm soát của quản lý dự án"

Những giả định là một phần của logic thẳng đứng trong khung logic. Các công việc như sau:

Hình 6: Mối quan hệ giữa các giả định và trình tự các mục tiêu

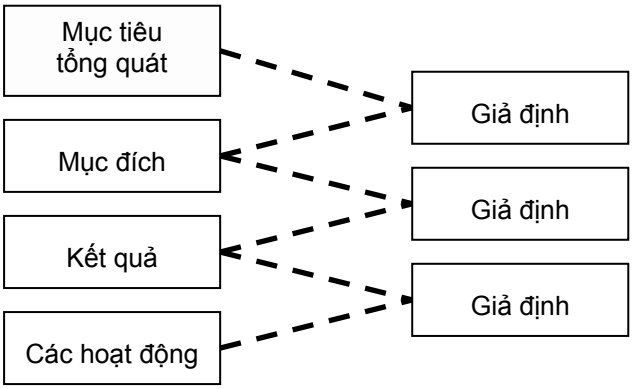

Nguồn: Văn phòng Hợp tác Hỗ trợ Châu Âu

NẾU các đầu vào/nguồn thích hợp được cung cấp, **THÌ, các hoạt động** có thể được triển khai.

NẾU các hoạt động được triển khai**, VÀ các giả định** đặ ra là đúng, **THÌ, các kết quả** có thể được tạo ra.

NẾU các kết quả được tạo ra, **VÀ các giả định** đặ ra là đúng, **THÌ mục đích** sẽ đạt được, và

NẾU mục tiêu của dự án đã đạt được, **VÀ các giả định** đặ ra là đúng ,THÌ mục tiêu tổng thể sẽ đạt được.

Các cột thứ hai và thứ ba: CÁC CHỈ SỐ/NGUỒN CỦA THẨM ĐỊNH

Một khi đã phác thảo xong mô tả dự án và các giả định của dự án (cột 1 và 4 của ma trận), thì nhiệm vụ tiếp theo là xác định các chỉ số có thể được sử dụng để đo và báo cáo về việc đạt được các mục tiêu (cột 2) và các nguồn thông tin (cột 3).

Các chỉ số

Các chỉ số Thẩm định khách quan (OVIs) mô tả các mục tiêu của dự án trong các vấn đề có thể đo lường được trong quá trình hoạt động (số lượng, chất lượng, thời gian hoặc QQT) Việc cụ thể hóa OVIs giúp cho việc kiểm tra tính khả thi của các mục tiêu và giúp cho việc tạo ra cơ sở cho hệ thống đánh giá và theo dõi. Các chỉ số được tạo ra nhằm trả lời câu hỏi: "Làm cách nào để chúng ta biết có hay không những gì đã được lập kế hoạch là đang được triển khai hoặc đã được triển khai?" Bằng cách nào chúng ta xác nhận được sự thành công?"

OVIs cần nên là có thể đo lường được trong một cách thức nhất quán và với những chi phí có thể chấp nhận được.

Nguồn thông tin để thẩm định

Nguồn của việc xác nhận cần được xem xét và cụ thể hóa cùng lúc với việc thiết lập các chỉ số. Điều này sẽ giúp cho việc kiểm chứng liệu các Chỉ số có thể đo được trong thực tiễn với một lượng thời gian thích hợp, với một số chi phí và nỗ lực thích hợp.

Nguồn thông tin thẩm định cần nêu rõ:

- Hình thức trình bày thông tin (ở dạng báo cáo tiến độ, các báo cáo hoạt động của dự án, các con số thống kê chính thức)
- Ai sẽ cung cấp thông tin

C) GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN VÀ THEO DÕI

Một khi dự án đã được lên kế hoạch và nguồn hỗ trợ tài chính được đảm bảo, có thể bắt đầu thực hiện dự án. Các nguồn đã theo thỏa thuận được sử dụng để đạt được Mục đích Dự án và để đóng góp vào các mục tiêu rộng hơn, mục tiêu tổng thể. Việc này thường liên quan đến các hợp đồng nghiên cứu, hỗ trợ kỹ thuật, các đầu việc hoặc các nguồn cung cấp hàng hóa. tiến độ được đánh giá (thông qua việc giám sát) để đảm bảo việc có thể điều chỉnh trong trường hợp có thay đổi.

Hiếm khi một dự án nào đó thực hiện hoàn toàn giống như kế hoạch đã được lập ra. Trong thực tế, cũng không có gì là khi một dự án được thực hiện theo hướng mà hoàn toàn khác hẳn với những gì đã được lên kế hoạch. Vì lý do này, cần phải đánh giá tiến triển để có thể thực hiện được những điều chỉnh cho các thay đổi. Việc này được thực hiện bởi công tác theo dõi.

Có năm bước trong thiết kế và cụ thể hóa một hệ thống theo dõi:

- Phân tích các mục tiêu dự án Việc giám sát tốt rõ ràng phụ thuộc vào các mục tiêu. Cách tiếp cận theo khung logic hỗ trợ cho việc đảm bảo rằng các mục tiêu được viết ra rõ ràng và rằng các hành động được thiết kế để đạt được các đầu ra và các mục tiêu.
- Rà soát các bước thực hiện: để xác định các nhu cầu thông tin ở các cấp khác khau trong hệ thống quản lý dự án. Việc rà soát các bước thực hiện liên quan đến việc rà soát những hoạt động sẽ được thực hiện và ai sẽ thực hiện. Triển khai việc này cần tham khảo lịch trình hoạt động.
- Các chỉ số rà soát các chỉ số không kém tính cụ thể hóa thường xuyên được xem là một điểm yếu chính trong việc thiết kế các hệ thống đánh giá và theo dõi.
- Thiết kế các mẫu báo cáo
- Chuẩn bị kế hoạch thực hiện cho hệ thống theo dõi, trong đó nêu rõ nhân lực cần thiết và các kỹ năng, loại hình đào tạo cần có, và xác định rõ các trách nhiệm báo cáo và thu thập thông tin.

Công tác báo cáo được sử dụng cho mục đích giám sát

Thông tin thu thập được phải được trao đổi theo một hình thức đúng, với đúng người, và đúng thời điểm. Chỉ như vậy thì các quyết định trong công tác quản lý mới có thể đúng lúc và thích hợp để giải quyết được các vấn đề. Hai loại cơ chế quan trọng là: các báo cáo tiến triển dự án và rà soát tiến triển.

D) Giai đoạn đánh giá

Đánh giá được định nghĩa là một quá trình xem xét một cách định kỳ (giữa kỳ và khi kết thúc dự án); tính phù hợp, tính hiệu quả, hiệu suất, tác động, tính bền vững về mặt kinh tế và tài chính của một dự án so với các mục tiêu đã đề ra.

Mục đích của đánh giá là đưa ra đánh giá với mục tiêu càng mang tính hệ thống, càng mang tính khách quan càng tốt, đánh giá đối với một dự án đang triển khai hoặc một dự án, chương trình hoặc chính sách, thiết kế, việc thực hiện và kết quả. Mục đích là nhằm xác định tính phù hợp và việc đạt được các mục tiêu, tính hiệu quả, hiệu suất trong phát triển, tác động và tính bền vững.

Bằng cách nào?

Bằng cách cung cấp thông tin đáng tin cậy và hữu ích, cho phép việc tập hợp các bài học có được vào trong tiến trình ra quyết định của cả bên tiếp nhận và nhà tài trợ.

Tất cả các đánh giá phải xem xét năm yếu tố chính: tính phù hợp, tính hiệu suất, tính hiệu quả, tác động và tính bền vững.

Các tiêu chí đánh giá của Ủy ban Châu Âu	
Tính phù hợp	Tính phù hợp của các mục tiêu dự án đối với các vấn đề mà dự án dự định sẽ tập trung giải quyết, và đối với môi trường chính sách và môi trường vật chất của dự án. Cần phải bao gồm việc đánh giá chất lượng của việc chuẩn bị dự án và thiết kế dự án, cụ thể là tính logic và tính hoàn chỉnh của tiến trình lập kế hoạch dự án, và tính logic tự thân và tính mạch lạc của thiết kế dự án.
Tính hiệu quả	Thực tế là các kết quả đã đạt được với chi phí hợp lý, cụ thể là mức độ thành công của việc các phương tiện/đầu vào được chuyển vào trong các hoạt động, về mặt chất lượng, số lượng, thời gian và chất lượng của các kết quả đạt được Điều này thông thường đòi hỏi so sánh các cách tiếp cận thay thế để đạt được cùng các kết quả, để kiểm chứng xem tiến trình hiệu quả nhất đã được áp dụng chưa.
Tính hiệu suất	Một đánh giá mức đố đạt được mục đích dự án, và cách thức các giả định ảnh hưởng đến các thành tựu dự án. Điều này phải bao gồm cả việc đánh giá cụ thể của các lợi ích tổng hợp cho các nhóm đối tượng, bao gồm nam giới và nữ giới, và xác định những nhóm yếu thế như trẻ em, người lớn tuổi và người tàn tật.
Tác động	Tác động của dự án lên môi trường lớn hơn của nó và đóng góp của nó vào những mục tiêu lớn hơn của ngành hoặc mục tiêu chính sách (như đã được tóm tắt trong phần Mục tiêu Tổng quát của Dự án)
Tính bền vững	Một đánh giá về khả năng các lợi ích mang lại từ dự án để tiếp tục hoạt động sau khi nguồn tài chính từ bên ngoài đã chấm dứt, và đặc biệt so sánh với các yếu tố như mức độ sở hữu dự án của người hưởng lợi,mức độ hỗ trợ chính sách, các yếu tố tài chính, kinh tế, các khía cạnh văn hóa, xã hội, bình đẳng giới, công nghệ thích hợp, các khía cạnh môi trường, năng lực quản lý và thể chế.

4.2 Đánh giá bình đẳng giới ở tất cả các giai đoạn của dự án

Mặc dù nhiều tổ chức cam kết về mặt chính trị và kỹ thuật đối với xu thế lồng ghép Giới, việc thực hiện cách tiếp cận dựa vào giới vào trong việc quản lý chu trình dự án trong thực tế còn ít, với cách tiếp cận này vẫn mang hình thức trong giai đoạn xác định và ở các điểm nhất định trong các giai đoạn hình thành và theo dõi, và thậm chí đóng vai trò nhỏ hơn trong giai đoạn đánh giá.

Để tránh xu hướng này, chúng ta cần phải liên kết từng giai đoạn của chu trình dự án với các công cụ phù hợp phân tích dựa vào giới.

4.2.1 Xác định và thiết kế dự án

Đây là giai đoạn quan trọng nhất khi vấn đề giới được đưa vào dự án. Giai đoạn này yêu cầu chúng ta phải tập hợp tất cả các thông tin khác nhau từ việc áp dụng các công cụ phân tích dựa vào giới nhằm lập kế hoạch trước dựa trên các thông tin xác thực và những viễn cảnh định trước hoặc các ý tưởng liên quan đến cuộc sống của các bên hưởng lợi nam giới và nữ giới.

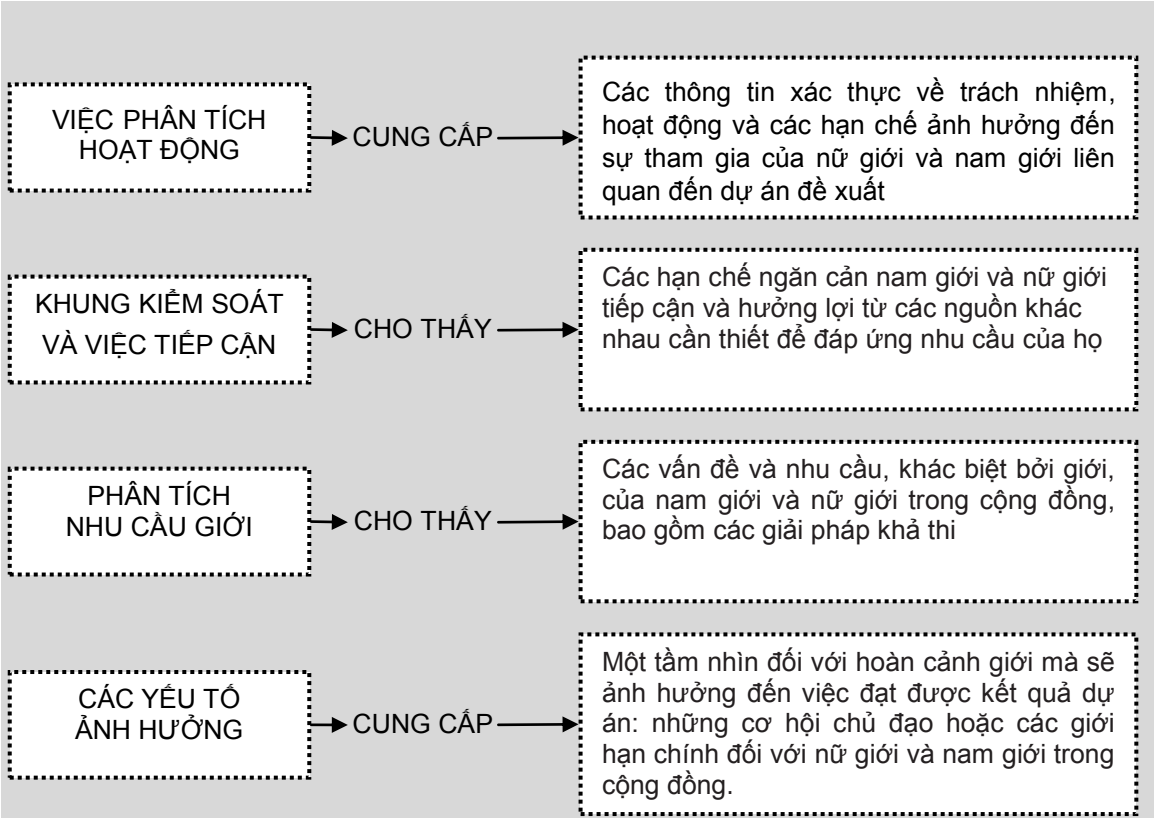

Điều gì xảy ra nếu dự án không được xác định theo quan điểm về giới?

Trong thực tế, nhiều dự án đã từng thất bại khi lồng ghép bất kỳ việc phân tích về giới nào trong các giai đoạn xác định và hình thành với nhiều lý do khác nhau, bao gồm:

Thường có ít đại diện của phụ nữ trong các nhóm đối tượng của dự án, hoặc là có những rào cản ngăn cản sự tham gia của họ (những rào cản về luật pháp, văn hóa), và cũng không có sự đồng thuận về cách thức giải quyết vấn đề.

Giả định rằng phụ nữ sẽ tự động tham gia trong dự án hoặc là hưởng lợi từ dự án (dẫn đến một giả định sai lệch về "tính trung tính về giới").

Cách tiếp cận dựa vào giới được xem như là một vấn đề phụ thuộc và, mặc dù là nằm trong thông báo về dự định dự án, nó vẫn không được đưa chuyển thành các biện pháp hệu quả và thực tế.

....và điều này có nghĩa là gì?

Điều này không có nghĩa là việc phân tích dựa vào giới không thể được đưa vào trong chu trình dự án, do có những chiến lược để lồng ghép giới vào từng giai đoạn hợp phần của dự án.

...ví dụ như là?

Ví dụ như, các hoạt động cụ thể sau đây có thể được thực hiện để lồng ghép giới vào giai đoạn thực hiện.

- Áp dụng các phương pháp có sự tham gia để lồng ghép các quan điểm và của phụ nữ và động năng Giới.
- Phát triển năng lực và nâng cao nhận thức về giới cho nhân sự tham gia vào việc thực hiện dự án.
- Tạo ra các hoạt động và trách nhiệm đối với nam giới và nữ giới và tổ chức họ theo hướng nữ giới có cùng cơ hội tham gia như nam giới, v.v
- Bao gồm các công cụ dựa vào giới trong số những công cụ được sử dụng để theo dõi các dự án.

4.2.1.1 Sự tham gia/phân tích các bên liên quan

Nhằm đảm bảo rằng vấn đề giới được lồng ghép vào trong việc phân tích sự tham gia, chúng ta phải phản ánh có hệ thống những khác biệt hiện có giữa nữ giới và nam giới, cũng như tiềm năng của họ và phạm vi ảnh hưởng của họ.

Không thể có sự tham gia của phụ nữ một cách rõ ràng khi phân tích sự tham gia có thể có nghĩa rõ ràng là đã bỏ qua những nhu cầu thực tiễn và mang tính chiến lược của họ. và bỏ họ ra ngoài như là một nhóm có liên quan đến dự án

Một vài đề xuất liên quan đến vấn đề này bao gồm

- Tập hợp theo giới các bên có liên quantheo mức độ liên quan;
- Xác định liệu phụ nữ có tạo nên một nhóm tham gia ngay trong bản thân nhóm, với những quan tâm chung và nhu cầu chung, hay là liệu sẽ tốt hơn để xác định các tiểu nhóm khác nhau của phụ nữ một cách biệt lập. Tương tự, và khi làm việc với các tổ chức của phụ nữ, cần đảm bảo chắc chắn phải chỉ ra được những nhóm cụ thể mà các tổ chức này đại diện;
- Phản ánh việc không tồn tại các kênh đang hoạt động để có sự tham gia nhằm trình bày rõ những quan tâm về Giới hoặc những mối quan tâm của chính phụ nữ.
- Đảm bảo tính cân bằng trong đại diện các mối quan tâm của nữ giới và nam giới khi đưa ra quyết định về sự tham gia các hội thảo và các nhóm thảo luận được lập để phân tích sự tham gia.
- Đánh giá khả năng tiếp thu và nhận thức của từng cá nhân tham gia liên quan đến những vấn đề về giới. Thông tin này có thể giúp cho việc xác định được những người tham gia mà với họ các hoạt động tương tác có thể hữu ích nhằm tăng cường tính bình đẳng giới trong suốt quá trình dự án, cũng như những người tham gia có khả năng có xung đột mà với họ những công việc nhiều hơn sẽ yêu cầu tiếp tục nâng cao nhận thức về những vấn đề có liên quan.

✓ **Những điều cần nhớ …**

Những kỹ thuật có thể sử dụng ở thực địa

Càng hiểu rõ thực tế cuộc sống mà chúng ta cần nghiên cứu, chúng ta càng có khả năng thiết kế phương pháp làm việc phù hợp. Để làm được điều này, chúng ta luôn cần phải xem xét những "rào cản" đang tạo ra các ngăn cách trong cộng đồng. Ví dụ, trong một xã hộ chỉ có một số người lớn tuổi có quyền nói trước đám đông, chúng ta không nên để họ ngồi chung trong một cuộc thảo luận nhóm với thanh niên hoặc phụ nữ. Tiếng nói của những người này sẽ bị lấn át. Chúng ta nên chuẩn bị để có những thảo luận cá nhân hoặc thảo luận với những nhóm "có thể nói". Những kỹ thuật phổ biến nhất là:

- **Phỏng vấn cá nhân**
- **Phỏng vấn mở hoặc bán cấu trúc**
- **Quan sát thực tế**
- **Chuyện trò**
- **Thảo luận nhóm**

Phương pháp quan sát nên được áp dụng bất cứ lúc nào chúng ta làm việc ở thực địa. Chúng ta sẽ hiểu được nhiều điều trong một ngày khi tham gia cùng với phụ nữ và nam giới trong các hoạt động hằng ngày của họ hơn là phỏng vấn họ trong các thảo luận nhóm. Điều này cũng đúng trong các cuộc nói chuyện mà người tham gia cảm thấy thoải mái và cởi mở. Mục đích chính của các phương pháp này là thu thập được thông tin có chất lượng.

Nguồn: Enrique Alonso & M Jesus Pena

4.2.1.2 Phân tích vấn đề

Nếu việc phân tích sự tham gia không thể phản ảnh được những mối quan tâm về giới và các nhu cầu, đại diện cho những vấn đề này trong cây vấn đề sẽ là một nhiệm vụ khó khăn. Kết quả cuối cùng có thể nhiều khả năng là những vấn đề liên quan đến phụ nữ vẫn không nhìn thấy được. Để tránh được loại tình huống này, cần tiến hành những bước đề xuất nhu sau:

- Giải thích toàn bộ phạm vi có thể của vấn đề liên quan đến những cách thức khác nhau trong đó nam giới và nữ giới bị ảnh hưởng bởi những vấn đề này.
- Khi xác định một vấn đề, theo quan điểm của cả nam giới và nữ giới giống nhau, những câu hỏi cơ bản sau đây cần được nêu lên:
    - Ai sẽ bị ảnh hưởng trực tiếp bởi vấn đề vừa được phát hiện?
    - Phụ nữ nhìn nhận những vấn đề đó như thế nào?
    - Tại sao nó là một vấn đề đối với phụ nữ?

Tăng cường việc đại diện của phụ nữ và các nhóm của phụ nữ tại các hội thảo với mục đích là vẽ được cây vấn đề, hoặc với cả những hội thảo giai đoạn không có sự tham dự của phụ nữ.

Những điểm chính sau đây liên quan đến bình đẳng giới và các câu hỏi[22] cần được bao gồm trong mỗi bước của ba bước trong quá trình phân tích vấn đề (xem 4.1.1) nếu cần thích hợp.

[22] Sử dụng bộ công cụ EC dùng cho Bình đẳng Giới trong Hợp tác Phát triển EC.

- Có đúng là các vấn đề được xác định bởi cả nam giới và nữ giới (hay là chỉ do nam giới, hay chỉ do nữ giới).
- Ai đại diện cho ai liên quan đến những vấn đề mang tiếng nói của tập thể? Có được cả phụ nữ và nam giới những người mà họ đại diện chấp nhận không?
- Những vấn đề khác nhau được xác định bởi nam giới và nữ giới là gì? Chúng khác nhau như thế nào?
- Phụ nữ có thể tự do phát biểu không, hay là họ phải được phỏng vấn riêng?
- Những vấn đề nào có nguyên nhân từ việc phân chia lao động dựa trên giới tính hay từ việc tiếp cận không bình đẳng đối với các tài nguyên?
- Những vấn đề gì được chia sẻ bởi cả nam giới và nữ giới?
- Những vấn đề gì được chia sẻ bởi tất cả những nhóm khác nhau liên quan đến các bước phân tích vấn đề?
- Những vấn đề khác nhau được xác định bởi các nhóm kinh tế xã hội khác nhau là gì?
- Những vấn đề nào là kết quả của sự nghèo hay là sự phân biệt đối xử?
- Cách thức các vấn đề liên quan đên nhau?
- Những nguyên nhân của các vấn đề là gì? Có vấn đề nào liên quan đến các vấn đề về giới không?
- Bạn có thể liên hệ các nguyên nhân của vấn đề với các chính sách, những nhân tố trung gian (như là các cơ quan chính phủ hoặc những nhà cung cấp dịch vụ khác), hoặc các nhân tố chính trị, xã hội, văn hóa, và kinh tế.
- Những tác động của các vấn đề là gì? Có vấn đề nào liên quan đến các vấn đề về giới không? Nếu các vấn đề có liên quan đến các vấn đề về giới, những nhu cầu giới chiến lược và thực tiễn đã được xác định chưa?
- Những giải pháp được đề xuất là gì? Trong số đó, giải pháp nào sẽ được thực hiện bởi cộng đồng địa phương? Nếu vậy, được thực hiện bởi ai?
- Những giải pháp đề xuất này có yêu cầu có sự thay đổi trong các chính sách không?
- Những giải pháp nào yêu cầu phải có hỗ trợ từ bên ngoài?
- Có phải đây là những vấn đề có liên quan đến giới mà đã xác định được các giải pháp?
- Có sự trùng lắp, chồng chéo nào về nguyên nhân, tác động hoặc giải pháp cho các vấn đề ưu tiên của các nhóm khác nhau (bao gồm nam giới và nữ giới) không? Trong số những nhóm khác nhau?
- Có xảy ra sự bất đồng hay đồng thuận (giữa nam và nữ) trong việc thiết lập trình tự nguyên nhân và tác động của các vấn đề? Hay là việc xếp loại các vấn đề theo thứ tự quan trọng?
- Làm thế nào để bạn có thể đưa kết quả của việc phân tích giới vào trong các giai đoạn tiếp theo của việc hình thành dự án (phân tích các mục tiêu và chiến lược, v.v)?

Hiếm khi một có vấn đề chỉ phát sinh chỉ do một lí do kinh tế, xã hội. Bản chất của một vấn đề có thể xem xét ở ba cấp độ. Một vấn đề có thể được tạo ra bởi các trở ngại ở cấp vĩ mô gây nên, ví dụ như do hệ thống pháp luật, môi trường chính sách. Các hạn chế có thể xuất hiện ở cấp trung gian, ví dụ như thông qua các quy định giới hạn mốt số người nhất định được tiếp cận các dịch vụ.

Thay vào đó, các hạn chế có thể tồn tại ở cấp cộng đồng và gia đình, các chuẩn mực văn hóa có thể ngăn cản một số thành viên cụ thể của một hộ gia đình tham gia trong việc ra quyết định. Vì vậy mà một vấn đề không thể được xử lý tách biệt khỏi bối cảnh toàn cần của nó. Nó cần phải được kiểm định tại tất cả các cấp độ (vĩ mô, trung gian và trên hiện trường) và cần được chỉ ra bằng cách nào những cấp độ này độc lập với nhau xét về góc độ tham gia của các thành phần liên hệ.

4.2.1.3 Phân tích các mục tiêu

Nếu các vấn đề cụ thể đối với phụ nữ không được đưa vào cây vấn đề, chúng ta sẽ rất khó nhấn mạnh việc tìm ra những mục tiêu tích cực liên quan đến vấn đề bình đẳng giới. Điều đó nói lên rằng, việc thảo luận về các mục tiêu cung cấp một cơ hội lý tưởng cho việc định hình lại một số mục tiêu để cho các mục tiêu này có thể mang lại những lợi ích và đáp ứng được các nhu cầu giống nhau cho cả nam giới và nữ giới.

Một số đề xuất để đạt được điều này:

- Đảm bảo rằng các nhóm hưởng lợi của các mục tiêu được cụ thể hóa đầy đủ trong từng thẻNhờ thế, bạn có thể khẳng định, với mức độ tương đối chính xác, rằng các mục tiêu tập trung vào cả nữ giới và nam giới.
- Viết lại một số thẻ mục tiêu để nêu một cách tách biệt các cải thiện và các lợi ích cho nam giới và nữ giới khi hai nhóm nhu cầu khác nhau về mặt bản chất hoặc khi việc đạt được các nhu cầu đó lại đáp ứng những chiến lược khác nhau.
- Đảm bảo rằng các thẻ mục tiêu được chuẩn bị phù hợp với các khả năng khác nhau và các tình huống khác nhau của nam giới và nữ giới.

4.2.1.4 Phân tích các giải pháp thay thế

Cần phân tích các giải pháp thay thế để nhấn mạnh các tiêu chí bình đẳng giới, vì vậy, việc chọn lựa các chiến lược mà sẽ có tác động lớn nhất đối với vấn đề giới.

4.2.1.5 Ma trận khung logic

Vì ma trận khung logic có khả năng thể hiện rõ ràng và súc tích và có quan hệ tương tác với nhau giữa các thành tố và yêu cầu của dự án, rất cần lồng ghép phân tích Giới vào từng hợp phần của ma trận.

Liên quan đến vấn đề này, chúng tôi xin có những đề xuất sau đây:

- Các mục tiêu chung phải giải quyết cho các nhu cầu dựa vào giới và các đóng góp của chúng đối với việc trao quyền cho phụ nữ phải được đề cập một cách chính xác rõ ràng.
- Các mục tiêu cụ thể phải được xác định đầy đủ liên quan đến cả nữ giới và nam giới.
- Các phát hiện mới và các hoạt động mới cần phải được xác định để đảm bảo sự tham gia tích cực của phụ nữ vào dự án và các nhu cầu thực tiễn của họ được đáp ứng đầy đủ.
- Các chỉ số phân tách theo giới tính để nêu rõ cách thức đạt được các kết quả và dự án đã đạt được các mục tiêu của cả phụ nữ và nam giới. Cũng có thể xây dựng các chỉ số Giới có khả năng đo lường mức độ các mục tiêu dự án đã hỗ trợ việc thúc đẳng bình đẳng giới.
- Các yếu tố bên ngoài liên quan đến Giới cần phải được xác định vì dây một phần quan trọng của các yếu tổ giả định có ảnh hưởng đến dự án. Một vài yếu tố có thể cản trở hoàn toàn khả năng đạt được các mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể. Chúng thậm chí còn ảnh hưởng tiêu cực đối với bình đẳng giới. Tương tự, một vài yếu tố bên ngoài có thể dẫn đến những hậu quả khác nhau đối với nam giới và nữ giới.
- Các nguồn lực dự án phải tạo điều kiện như nhau cho cả phụ nữ và nam giới tiếp cận. Cần đảm bảo việc phân tích càng chính xác càng tốt để xác định phần nào của các nguồn lực dự án sẽ mang lại lợi ích cho phụ nữ và phần nào sẽ mang lại lợi ích cho nam giới.
- Các nguồn lực dự kiến dành cho việc đẩy mạnh các khía cạnh giới phải được lập ngân sách một cách thích hợp.
- Các đầu vào dự án do phụ nữ cung cấp phải được nêu rõ., Đôi khi, các đóng góp của phụ nữ đối với việc thực hiện một dự án không được xem là có giá trị.
- Cần xác định các yếu tố có thể ảnh hưởng đến các khía cạnh Giới, ví dụ: giới tính của cán bộ quản lý dự án, những năng lực của họ liên quan đến công tác Giới và kỹ năng làm việc với phụ nữ tham gia trong dự án.

Tất cả các công cụ phân tích Giới phải được sử dụng để hoàn tất ma trận khung logic. Ma trận sau đây nêu các câu hỏi hướng dẫn để tìm hiểu ma trận khung logic có phản ánh những khía cạnh Giới không.

	LOGIC ĐẰNG SAU VIỆC CAN THIỆP	CÁC CHỈ SỐ CÓ THỂ KIỂM TRA KHÁCH QUAN (OVI)	Nguồn xác nhận thông tin	CÁC GIẢ ĐỊNH
MỤC TIÊU TỔNG QUÁT (OO)	Có phải các mục tiêu tổng quát nhắc đến nam giới và nữ giới một cách rõ ràng? Có phải các mục tiêu tổng quáts bao gồm lợi ích cho cả nữ giới và nam giới? Có phải các mục tiêu tổng quát OOs phản ảnh các nhu cầu dựa vào giới một cách chiến lược?	Có phải các chỉ số có khả năng đo đường tác động liên quan đến giới của các mục tiêu tổng quát OOs liên quan đến nam giới và nữ giới? Có các chỉ số có thể kiểm tra khách quan OVI nào đã từng được đưa vào để đo các tác động của các mục tiêu tổng quát OOs không?	Có phải dữ liệu để xác nhận Mục tiêu tổng quát là mang tính dàn trải về giới tính và được phân tích về giới không? Các công cụ phân tích về giới gì sẽ được sử dụng?	Những yếu tố bên ngoài gì được yêu cầu để đảm bảo rằng tác động tích cực liên quan đến giới của Mục tiêu tổng quát OO là mang tính bền vững? Tác động của Mục tiêu tổng quát có bền vững không?
MỤC TIÊU CỤ THỂ (SO)	Có phải Mục tiêu cụ thể SO xác định đầy đủ (bằng cách xác định cá nhu cầu chiến lược và thực tiễn, các vấn đề xu hướng của giới, v.v) liên quan đến cả nam giới và nữ giới?	Có phải các chỉ số có khả năng đo đường tác động liên quan đến giới của các mục tiêu tổng quát OOs liên quan đến nam giới và nữ giới? Có các chỉ số có thể kiểm tra khách quan OVI nào đã từng được đưa vào để đo các tác động của Mục tiêu cụ thể SO không?	Có phải dữ liệu để xác nhận Mục tiêu cụ thể là có phân tách theo giới không? Các công cụ phân tích về giới nào sẽ được sử dụng?	Cần có những yếu tố bên ngoài nào để đảm bảo tác động tích cực liên quan đến giới của Mục tiêu tổng quát có tính bền vững? Tác động của Mục tiêu cụ thể SOcó bền vững không?
CÁC KẾT QUẢ	Có phải vai trò và nhiệm vụ liên quan đến giới đã được xem xét với mục đích phân bổ các lợi ích? Có phải các kết quả mang lại lợi ích như nhau cho nam giới và nữ giới?	Có phải các chỉ số có khả năng đo lường việc đạt được các kết quả liên quan đến cả nam giới và nữ giới? Có bất kỳ OVI nào được chỉ số có thể kiểm tra khách quan OVI nào đã từng được đưa vào để đo các tác động của các kết quả không?	Có dữ liệu để xác nhận kết quả dự án là mang tính dàn trải về giới tính và được phân tích về giới không? Các công cụ phân tích về giới nào sẽ được sử dụng?	Cần có những nhân tố bên ngoài nào để đạt được các kết quả dự án và để đảm bảo rằng những kết quả này mang lại lợi ích cho phụ nữ?
CÁC HOẠT ĐỘNG	Có phải động năng của giới được xem xét trong quá trình lập kế hoạch cho các hoạt động không? Có phải phụ nữ tham gia với tư cách là các thành viên chính thức rõ ràng và là những người ra quyết định? Có phải các hoạt động phản ảnh những sự khác biệt về giới trong các vai trò và nhiệm vụ (tiếp cận đối với, kiểm soát đối với các nguồn lực vật chất và phi vật chất)	Các nguồn lực và các đầu vào Có phải những đóng góp của nữ giới và nam giới vào dự án là thấy rõ? Có phải phụ nữ tiếp cận được và kiểm soát được các tài nguyên dự án?	Ngân sách Có phải các chiến lược thúc đẩy sự tham gia của phụ nữ và việc tiếp cận bình đẳng của phụ nữ đối với các lợi ích dự án đã được lập ngân sách một cách thích hợp? Có rõ ràng về phần trăm tổng ngân sách sẽ trực tiếp mang lại lợi ích cho phụ nữ. và nam giới? Bạn có lập ngân sách cho việc tuyển nhân viên có chuyên môn về các vấn đề về giới không, hoặc là cho việc lập các giai đoạn hoạt động để nâng cao nhận thức và cung cấp đào tạo trong các vấn đề liên quan đến giới?	Cần có các yếu tố bên ngoài nàođể đạt được các hoạt động và để đảm bảo việc tiếp tục tham gia của phụ nữ trong dự án?

NHỮNG CÂU HỎI CHÍNH KHI ĐÁNH GIÁ VIỆC LỒNG GHÉP GIỚI TRONG CÁC GIAI ĐOẠN XÁC ĐỊNH DỰ ÁN VÀ HÌNH THÀNH DỰ ÁN

- Có phải các mục tiêu dự án đề cập rõ ràng đến nam giới và nữ giới (có bao gồm các nhu cầu chiến lược và thực tiễn)?
- Có phải các vấn đề bình đẳng giới liên quan đến dự án đã được xác định?
- Có phải các tài liệu dự án mô tả việc áp dụng các chiến lược tham gia và tham vấn?
- Có phải các số liệu được sử dụng cho việc xác định dự án là mang tính dàn trải về giới tính không?
- Bạn có xem xét việc phân chia giới tính phổ biến trong lực lượng lao động tại cộng đồng theo đúng với việc áp dụng Phân tích Hoạt động?
- Có phải việc phân tích vấn đề cung cấp thông tin về các vấn đề cụ thể đối với nam giới và nữ giới, hoặc phổ biến đối với nam giới và nữ giới?
- Những tác động có khả năng có của dự án đối với khối lượng công việc? Có cần thiết để tiến hành các biện pháp khắc phục?
- Bạn có bao giờ xem xét việc ai có thể tiếp cận, có thể kiểm soát đối với các tài nguyên cộng đồng, bao gồm cả các tài nguyên dự án?
- Các bên hưởng lợi của dự án (nam giới và nữ giới) có được xác định không?
- Bạn đã từng xem xét nhiều yếu tố khách nhau ảnh hưởng đến việc tham gia của nữ giới và nam giới?
- Những yếu tố gì có thể ngăn trở sự tham gia đầy đủ của phụ nữ trong dự án? Bằng cách nào có thể khắc phục được chúng?
- Cơ quan đối tác có thể có khả năng để thực hiện các dự án liên quan đến vấn đề Giới không?
- Bạn có từng vạch ra các cơ chế (bao gồm cả các chỉ số) để theo dõi tác động liên quan đến giới của dự án chưa?
- Các nguồn lực của dự án có phù hợp với việc cung ứng dịch vụ và tăng cường cơ hội cho phụ nữ và nam giới (ngân sách, các chiến lược tham gia, lộ trình, chuyên gia về các vấn đề giới, v.v)
- Liệu dự án sẽ trao quyền cho phụ nữ không?

Liên quan đến vấn đề Giới, thiết kế dự án có thể được phân thành bốn loại[23]:

- **Không phân biệt giới:** Dự án không thể xác định những khác biệt giữa phụ nữ và nam giới khi tham gia các hoạt động của họ, khi tiếp cận và kiểm soát các tài nguyên, các lợi ích và khi tham gia vào quá trình ra quyết định.
- **Trung tính về giới:** các sự khác biệt về giới được ghi nhận nhưng các giải pháp cụ thể về giới không được nêu ra
- **Có nhận thức về giới:** các giải pháp cụ thể về giới được đưa vào trong các hoạt động dự án nhưng chúng tập trung vào các vấn đề liên quan đến tính hiệu quả và chỉ giải quyết những nhu cầu thực tiễn về giới.
- **Có lập kế hoạch về giới:** các hoạt động dự án giải quyết các nhu cầu mang tính chiến lược và cả mang tính thực tiễn. Vì vậy, nhằm vào việc đạt được tính bình đẳng giới và việc trao quyền, cũng như tính hiệu quả.

4.2.2 Thực hiện và giám sát

Mục đích của việc áp dụng các công cụ phân tích giới trong giai đoạn thực hiện dự án là để tìm ra cách thức việc thực hiện các hoạt động ảnh hưởng đến các mối quan hệ về giới.

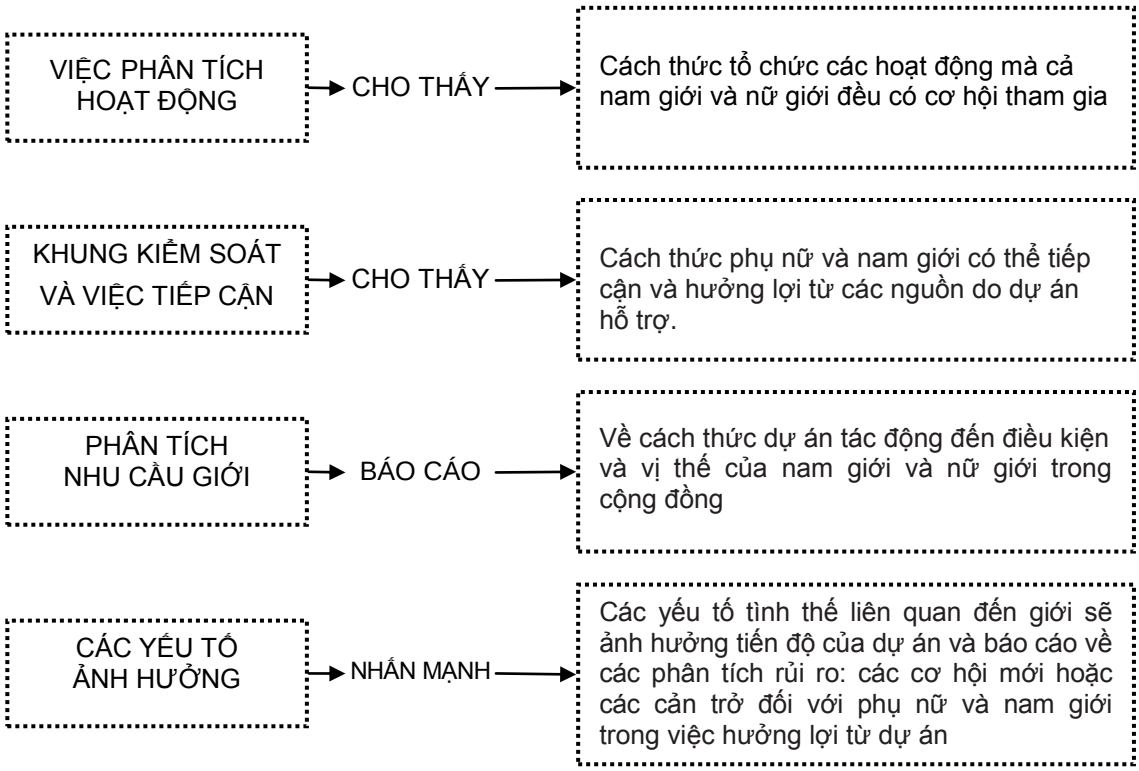

[23] Moser, 1993

NHỮNG CÂU HỎI CHÍNH KHI ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ LỒNG GHÉP GIỚI TRONG GIAI ĐOẠN ĐÁNH GIÁ DỰ ÁN

- Có phải dự án đã mang lại thêm nhiều cơ hội bình đẳng cho nam giới và phụ nữ?
- Phụ nữ có phải chịu thiệt thòi gì theo do các hoạt động của dự án (thể hiện ở các mặt phân công lao động, khả năng tiếp cận và kiểm soát nguồn lực)?
- Vị thế của phụ nữ có được cải thiện nhờ vào các hoạt động của dự án? Các nhu cầu mang tính chiến lược và thực tiễn được giải quyết có giúp phụ nữ đưa ra được nhiều quyết định hơn?
- Nam giới có chấp nhận sự thay đổi về vai trò không? Những thay đổi này liệu có bền vững không?
- Cơ quan đối tác có khả năng thực hiện các dự án liên quan đến Giới không? Giải thích cách tiến hành.
- Các nguồn lực liên quan đến Giới (năng lực, nhân lực, ngân sách) có phù hợp và đủ cho việc tăng cường vấn đề giới trong dự án?
- Cnhững trở ngại nào trong việc đưa phụ nữ tham gia vào dự án? Những trở ngại này có được xác định trong các giai đoạn thiết kế và thực hiện dự án?
- Các mục tiêu và chiến lược có được lập ra để đảm bảo rằng các vấn đề liên quan đến giới được lồng ghép một cách có hiệu quả vào dự án?
- Công tác đánh giá có bao gồm cả các đề xuất cách thức tăng cường sự tham gia của phụ nữ trong ngành thủy sản?
- Công tác đánh giá có bao gồm cả các đề xuất cách thức tăng cường sự tham gia của phụ nữ trong ngành thủy sản?

4.2.3 Đánh giá

Mục đích của việc áp dụng các công cụ phân tích giới trong giai đoạn đánh giá dự án là đo lường tác động của dự án đối với tính năng động về giới, và điều cần thiết là đóng góp của nó vào bình đẳng giới và việc trao quyền cho phụ nữ.

VIỆC PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG	→ CHO THẤY →	Dự án đã ảnh hưởng đến việc phân chia lao động thông thường theo giới tính trong cộng đồng như thế nào?
KHUNG KIỂM SOÁT VÀ VIỆC TIẾP CẬN	→ CHO THẤY →	Cách thức phụ nữ và nam giới tiếp cận các lợi ích và các tài nguyên dự án, bao gồm mức độ kiểm soát, theo đó, cách thức việc này ảnh hưởng đến các tài nguyên sẵn có trong cộng đồng.
PHÂN TÍCH NHU CẦU GIỚI	→ BÁO CÁO →	Cách thức dự án ảnh hưởng đến điều kiện và vị thế của phụ nữ và nam giới trong cộng đồng
CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG	→ NHẤN MẠNH →	Một bức tranh về cách thức hoàn cảnh ảnh hưởng tiến độ của dự án: mở ra hoặc kết thúc các cơ hội cho bình đẳng giới.

NHỮNG CÂU HỎI CHÍNH KHI ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ LỒNG GHÉP GIỚI TRONG GIAI ĐOẠN ĐÁNH GIÁ DỰ ÁN

- Có phải dự án đã mang lại thêm nhiều cơ hội bình đẳng cho nam giới và phụ nữ?
- Phụ nữ có phải chịu thiệt thòi gì theo do các hoạt động của dự án (thể hiện ở các mặt phân công lao động, khả năng tiếp cận và kiểm soát nguồn lực)?
- Vị thế của phụ nữ có được cải thiện nhờ vào các hoạt động của dự án? Các nhu cầu mang tính chiến lược và thực tiễn được giải quyết có giúp phụ nữ cđưa ra được nhiều quyết định hơn?
- Nam giới có chấp nhận sự thay đổi về vai trò không? Những thay đổi này liệu có bền vững không?
- Cơ quan đối tác có khả năng thực hiện các dự án liên quan đến Giới không? Giải thích cách tiến hành.
- Các nguồn lực liên quan đến Giới (năng lực, nhân lực, ngân sách) có phù hợp và đủ cho việc tăng cường vấn đề giới trong dự án?
- Cnhững trở ngại nào trong việc đưa phụ nữ tham gia vào dự án? Những trở ngại này có được xác định trong các giai đoạn thiết kế và thực hiện dự án?
- Các mục tiêu và chiến lược có được lập ra để đảm bảo rằng các vấn đề liên quan đến giới được lồng ghép một cách có hiệu quả vào dự án?
- Công tác đánh giá có bao gồm cả các đề xuất cách thức tăng cường sự tham gia của phụ nữ trong ngành thủy sản?
- Công tác đánh giá có bao gồm cả các đề xuất cách thức tăng cường sự tham gia của phụ nữ trong ngành thủy sản?

Phụ lục

Phụ lục 1:

Hướng dẫn từng bước để tiến hành các công việc trên hiện trường trong cộng đồng ngư dân

A) Trước khi đi thực địa

Các gợi ý:

- Đi khảo sát nhanh để tìm hiểu địa bàn và cộng đồng. Lập sơ đồ cộng đồng bằng cách tuân thủ theo phong tục tập quán địa phương.
- Đảm bảo có đại diện của phụ nữ một cách tương xứng khi quyết định những người cần được mời tham gia
- Đảm bảo rằng tất cả những người chủ chốt trong cộng đồng đều tham dự
- Những người được mời tham gia được phân tách theo giới tính
- Xác định liệu có nên tạo riêng một nhóm phụ nữ vì học có những quan tâm và nhu cầu chung, hay liệu có nên chia phụ nữ thành các nhóm nhỏ khác nhau. Tương tự,khi làm việc với các tổ chức của phụ nữ, cần xác định rõ các tổ chức này đại diện cho những nhóm cụ thể nào;

B) Trong khi đi thực địa

Bạn cần mở to mắt và lắng nghe. Một nhà nghiên cứu giỏi luôn luôn có khả năng phát hiển ra những điều mới khi đi thực địa. Các giả thiết họ đặt ra trước khi đi thực địa sẽ phải kiểm nghiệm và sẽ có các giả thiết mới xuất hiện trong quá trình nghiên cứu

GIỚI THIỆU

Khoảng chừng 15 phút

CÁC BƯỚC

1. Chào mừng mọi người và cảm ơn mọi người đã dành thời gian đến dự
2. Giới thiệu bạn và nhóm làm việc
3. Trình bày dự án
4. Trình bày hoạt động
5. Giải thích mục đích của chuyến thăm là thực hiện việc phân tích về giới
6. Giải thích phân tích giới là gì
7. Nêu bật tầm quan trọng của việc phân tích giới
8. Giải thích rằng nhằm thực hiện phân tích giới trong cộng đồng của họ, bạn cần thu thập thông tin thông qua việc sử dụng các công cụ được xác định.
9. Đề nghị mọi người tham gia tích cực
10. Bắt đầu

PHẦN BA Mô tả sơ lược hoạt động

Khoảng chừng 3 – 4 tiếng

CÁC BƯỚC

1. Giải thích các khái niệm hoạt động cộng đồng/tái sản xuất/sản xuất và cho ví dụ.
2. Phân chia những người tham dự thành các nhóm (nhóm nam giới và nhóm nữ giới).
3. Phân phát bảng tóm tắt Hoạt động Hằng ngày (24 giờ) cho mỗi nhóm.
4. Giải thích cách điền vào bảng và yêu cầu người tham gia nêu lên tất cả các hoạt động mà họ có thể nghĩ đến thậm chí là những hoạt động mà nghe ra không có gì quan trọng đối với họ.
5. Các hỗ trợ viên thu nhận các kết quả của nhóm và điền vào bảng 2 dựa trên bảng
6. 1 (các hoạt động 24 giờ).
7. Thảo luận toàn thể về các kết quả.

Kiểm tra xem các kết quả đạt được ở cả hai nhóm về các hoạt động thường ngày có trùng khớp với nhau không.

Xác định những hoạt động được thực hiện bởi nam giới và nữ giới mà không thuộc vào các hoạt động thường nhật (cụ thể là tham dự các cuộc họp thôn).

Bảng 1: Mẫu Tóm tắt Hoạt động thường ngày

GIỜ	CÁC HOẠT ĐỘNG		MÙA
	Phụ nữ	Nam giới	

Bảng 2: Mẫu mô tả tóm tắt hoạt động

Mô tả tóm tắt hoạt động				
Các nhiệm vụ trong gia đình	**Ai làm việc này?**		**Tần suất**	**MÙA**
	Phụ nữ	**Nam giới**		
Các hoạt động sản xuất hàng hóa và dịch vụ	**Ai làm việc này?**		**Tần suất**	**MÙA**
	Phụ nữ	**Nam giới**		
Các nhiệm vụ cộng đồng	**Ai làm việc này?**		**Tần suất**	**MÙA**
	Phụ nữ	**nam giới**		

Làm việc với Mô tả sơ lược hoạt động (nhóm nam giới và nữ giới) trong xã ngư dân, ở xã Lộc Trì, và ở Campuchia.

PHẦN HAI Tiếp cận và kiểm soát

Khoảng chừng 2 tiếng

CÁC BƯỚC

1. Giải thích các khái niệm của "nguồn lực " và "lợi ích"
2. Nói về các loại nguồn lợi khác nhau
3. Cho ví dụ
4. Yêu cầu người tham gia nêu lên một danh sách bao gồm tất cả các loại nguồn lực và các lợi ích mà họ có thể nghĩ ra trong cộng đồng của mình.
5. Khuyến khích những người tham gia xác định những khác biệt của "khả năng tiếp cận" và "kiểm soát"
6. Giải thích thêm về "khả năng tiếp cận" có nghĩa gì và "kiểm soát" có nghĩa là gì
7. Phân chia những người tham dự thành các nhóm (nhóm nam giới và nhóm nữ giới)
8. Phân phát bảng Tiếp cận và Mô tả sơ lược Kiểm soát cho mỗi nhóm
9. Giải thích cách điền vào bảng và sau đó yêu cầu mỗi nhóm.
10. Suy nghĩ về các nguồn lực mà phụ nữ có khả năng tiếp cận và những nguồn lực nam giới có khả năng tiếp cận.Những nguồn lực nào phụ nữ kiểm soát được và những nguồn lực nam giới kiểm soát được
11. Thảo luận toàn thể về các kết quả
    Xác định các khó khăn đối với phụ nữ trong việc tiếp cận các tài nguyên

Đánh giá mức độ chênh lệch trong khả năng ra quyết định giữa nam giới và nữ giới đối với các tài nguyên.

Bảng 3: Việc tiếp và việc kiểm soát mẫu mô tả sơ lược các tài nguyên

Việc tiếp cận và việc kiểm soát các nguồn lực					
Các nguồn lực	**Ai tiếp cận được?**		**Ai kiểm soát?**		
	Phụ nữ	**Nam giới**	**Phụ nữ**	**Nam giới**	**Khác**
Việc tiếp cận và việc kiểm soát các lợi ích					
Các lợi ích	**Ai làm việc?**		**Ai kiểm soát?**		
	Phụ nữ	**Nam giới**			

Làm việc với Mô tả sơ lược hoạt động (nhóm nam giới và nữ giới) trong xã ngư dân ở xã Lộc Trì, Việt Nam.

PHẦN BA Những nhu cầu và các vấn đề về giới

Khoảng: 2 tiếng

CÁC BƯỚC

1. Khuyến khích những người tham gia xác định các vấn đề trong cộng đồng của họ (nếu bạn nhận thấy họ do dự khi phát biểu, thì chia nhóm và phát một số thẻ cho họ viết ra các vấn đề)
2. Thảo luận mỗi vấn đề với các câu hỏi: Vấn đề ảnh hưởng đến nam giới như thế nào? Vấn đề ảnh hưởng đến nữ giới như thế nào?
3. Thảo luận nguyên nhân của bất kỳ vấn đề nào
4. Phân chia những người tham dự thành các nhóm (nhóm nam giới và nhóm nữ giới)
5. Yêu cầu mỗi nhóm xác định các nhu cầu giới liên quan đến các vấn đề được xác định (cho ví dụ nhưng không được cố dẫn dắt cuộc thảo luận)
6. Tập trung các nhóm lại và cùng thảo luận các kết quả
7. Sau cuối mỗi buổi, người hướng dẫn thảo luận cần phải ghi chép các kết quả vào Bảng 4.

Bảng 4: Mẫu nhu cầu giới

Nhu cầu giới			
TÍNH THỰC TIỄN		**TÍNH CHIẾN LƯỢC**	
phụ nữ	**nam giới**	**phụ nữ**	**nam giới**

Làm việc về những vấn đề giới và các nhu cầu với một nhóm phụ nữ
trong cộng đồng tại Thuận An-Việt Nam

Phụ lục 2:

Bảng thuật ngữ về giới và phát triển[24]

Hành động khẳng định (tích cực)

Các phương án tập trung vào một nhóm cụ thể và dự kiến xóa bỏ và ngăn chặn sự phân biệt đối xử hoặc bù lại những thiệt thòi xuất hiện từ tình trạng thái độ hiện hữu, hành vi hiện hữu và các cấu trúc hiện hữu (đôi khi được nhắc đến như là sự phân biệt dương tính) (Ủy ban Châu Âu, 1998)

Nền kinh tế chăm sóc

Phần các hoạt động con người, cả về vật chất và xã hội, quan tâm đến tiến trình chăm sóc cho lực lượng lao động hiện tại và tương lai, và toàn bộ dân số, bao gồm việc cung ứng nội địa đối với thực phẩm, áo quần và nơi ở. Tái sản xuất xã hội là việc cung ứng tất cả những nhu cầu như vậy thông qua nền kinh tế, dù là một phần của các hợp phần được chi trả hay không.(Alexander, P. Baden, S., 2002)

Ra quyết định

Một khía cạnh then chốt trong việc thay đổi các mối quan hệ về giới ở các cấp xã hội, thôn, nhóm, hộ gia đình, cá nhân (ILO 2002:)

Phân chia công việc (theo giới)

Việc phân chia các công việc được trả tiền và không trả tiền giữa phụ nữ và nam giới trong lĩnh vực tư nhân và lĩnh vực công. (Ủy ban Châu Âu, 1998)

Trao quyền

Tiến trình để đạt được việc tiếp cận và phát triển năng lực của một người với mục đích tham gia tích cực vào việc tạo nên cuộc sống của chính bản thân và tham gia tích cực của cộng đồng về mặt chính trị, kinh tế, và xã hội. (Ủy ban Châu Âu, 1998)

Các cơ hội bình đẳng cho nữ giới và nam giới

Việc thiếu vắng các rào cản đối với việc tham gia vào các hoạt động kinh tế, chính trị và xã hội xét dưới góc độ giới tính. (Ủy ban Châu Âu, 1998)

Các trách nhiệm của gia đình

Chịu trách nhiệm chăm sóc và hỗ trợ cho các trẻ em phụ thuộc và những thành viên khác của gia đình láng giềng cần sự giúp đỡ. Các chính sách quốc gia cần tập trung vào việc tạo ra tính bình đẳng hiệu quả trong các cơ hội và trong việc đối xử cho nam và nữ nhân công không bị ràng buộc bởi các trách nhiệm gia đình (...). Họ cần phải được tự do khỏi những hạn chế từ trách nhiệm gia đình khi chuẩn bị cho và khi tham gia vào, bắt đầu hoặc phát triển trong các hoạt động kinh tế. (ILO 2002:)

Nữ hóa nghèo đói

Việc tăng tỉ lệ và sự phổ biến tình trạng nghèo ở phụ nữ so với nam giới (Ủy ban Châu Âu, 1998)

---

[24] Trích từ Ủy ban Châu Âu. Toolkit on mainstreaming gender equality in EC development cooperation

Giới

Một khái niệm đề cập đến những sự khác biệt về mặt xã hội giữa nữ giới và nam giới đã được nghiên cứu, và có thể thay đổi theo thời gian và có sự biến động lớn cả bên trong và giữa các nền văn hóa. (Ủy ban Châu Âu, 1998)

Phân tích giới

Việc nghiên cứu những khác biệt trong các điều kiện, nhu cầu, mức độ tham gia, khả năng tiếp cận đối với các tài nguyên và phát triển, kiểm soát các tài sản, năng lực ra quyết định, v.v giữa nữ giới và nam giới trong vai trò giới tính được giao phó của mình. (Ủy ban Châu Âu, 1998)

Giới và Phát triển (GAD)

Cách tiếp cận tập trung vào những mối quan hệ không bình đẳng giữa nam giới và nữ giới do "các sân chơi không bình đẳng". Khái niệm giới như là một công cụ phân tích xuất hiện, vì vậy, từ nhận thức ngày càng tăng về tính bất bình đẳng do các cấu trúc thể chế. Nó tập trung không chỉ vào phụ nữ như là một nhóm đồng nhất, biệt lập, mà còn là vai trò và nhu cầu của cả nam giới và nữ giới. Với thực tế là phụ nữ thường ở vị thế bất lợi hơn so với nam giới, việc thúc đẩy bình đẳng giới gợi ra sự quan tâm rõ ràng về nhu cầu của phụ nữ, các mối quan tâm và những góc độ. Mục tiêu theo đó là thúc đẩy vị thế của phụ nữ trong xã hội, với bình đẳng giới là mục tiêu sau cùng. (ILO 2002:).

Kiểm toán giới

Việc phân tích và đánh giá các chính sách, chương trình và các thể chế liên quan đến cách thức áp dụng các tiêu chí liên quan đến giới. (Ủy ban Châu Âu, 1998).

Thất bại về giới

Bỏ qua/thất bại trong việc xác định các góc độ của giới (đối lập với nhạy cảm về giới hoặc trung tính về giới) (Ủy ban Châu Âu, 1998).

Lập ngân sách giới

Việc áp dụng lồng ghép giới trong tiến trình lập ngân sách. Điều đó có nghĩa là việc đánh giá dựa vào giới đối với ngân sách, lồng ghép một góc độ giới ở tất cả các cấp độ khác nhau của tiến trình lập ngân sách và tái cấu trúc thu nhập và chi phí nhằm thúc đẩy bình đẳng giới. Việc lập ngân sách giới liên quan đến việc kiểm tra các kết quả phân bổ giới của việc phân bổ ngân sách.
Điều này có nghĩa là cách thức những phân bổ này ảnh hưởng các cơ hội kinh tế và xã hội của phụ nữ và nam giới. Tái phân bổ trong nguồn thu và chi tiêu và tái cấu trúc tiến trình lập ngân sách có thể là cần thiết nhằm tăng cường bình đẳng giới. (ILO 2004:).

Bình đẳng giới

Khái niệm này có nghĩa là tất cả con người đều tự do phát triển năng lực cá nhân của mình và tự do chọn lựa mà không hề có các hạn chế đưa ra từ vai trò giới nghiêm ngặt, và rằng các hành vi khác nhau, các nguyện vọng và nhu cầu của phụ nữ và nam giới được xem xét, trân trọng và hỗ trợ một cách bình đẳng. (Ủy ban Châu Âu, 1998).

Công bằng giới

Tính công bằng trong khả năng tiếp cận của nam giới và nữ giới đối với các tài nguyên kinh tế, xã hội. Ví dụ: tiếp cận đối với giáo dục, phụ thuộc vào liệu đó là một bé trai hay bé gái. Một điều kiện trong đó phụ nữ. và nam giới tham gia bình đẳng và có cùng khả năng tiếp cận như nhau đối với các tài nguyên kinh tế, xã hội (Ủy ban Châu Âu, 1998).

Khoảng cách giới

Khoảng cách trong bất kỳ lĩnh vực nào giữa phụ nữ và nam giới về mức độ tham gia, khả năng tiếp cận, quyền lợi, sự trả công hoặc lợi ích. (Ủy ban Châu Âu, 1998).

Đánh giá tác động giới

Khảo sát các đề án chính sách để xem liệu chúng có ảnh hưởng phụ nữ và nam giới một cách khác nhau, với mục đích sử dụng những đề án này để đảm bảo rằng các ảnh hưởng từ việc phân biệt đối xử được trung tính và bình đẳng giới được thúc đẩy. (Ủy ban Châu Âu, 2001).

Lồng ghép giới

Liên quan đến việc lập kế hoạch, (tái) tổ chức, cải thiện và đánh giá các tiến trình chính sách mà một khía cạnh bình đẳng giới được lồng ghép vào tất cả các chính sách, các chiến lược và các hoạt động can thiệp, ở tất cả các cấp và tất cả các giai đoạn bởi các bên thực hiện thông thường tham gia trong trường hợp đó. (Quốc hội châu Âu và của Hội đồng Thúc đẩy Bình đẳng giới trong phát triển).
(Hợp tác 2004:).

Nhu cầu giới

Vai trò của nam giới và nữ giới trong xã hội hiện tại và trong các tổ chức thường thì khác nhau. Vì vậy, nhu cầu của họ theo đó cũng thay đổi. Hai loại nhu cầu thường được xác định là: Các nhu cầu thực tiễn từ các điều kiện thực tế mà nữ giới và nam giới trải nghiệm do vai trò đảm nhận của họ trong xã hội. Thường thì phụ nữ đóng vai trò làm mẹ, người sản xuất của gia đình, người cung ứng các nhu cầu cơ bản và thường lo lắng về những thiếu hụt trong cuộc sống và điều kiện làm việc, như thực phẩm, nước uống, nơi ở, sức khỏe và công việc. Đối với phụ nữ và nam giới trong nhóm kinh tế xã hội thấp hơn, những nhu cầu này thường được nối kết với các chiến lược mang tính sống còn. Việc chỉ giải quyết những điều này một cách biệt lập chỉ làm kéo dài các yếu tố làm cho phụ nữ phải ở trong tình trạng bất lợi trong xã hội. Nó không thúc đẩy bình đẳng giới. Các nhu cầu chiến lược là các nhu cầu cần để khắc phục vị thế phụ thuộc của phụ nữ đối với nam giới trong xã hội, và liên quan đến việc trao quyền cho phụ nữ. Chúng thay đổi tùy theo bối cảnh chính trị, kinh tế và xã hội trong đó chúng được hình thành. Thông thường chúng liên quan đến các vấn đề bình đẳng như làm cho phụ nữ có khả năng tiếp cận bình đẳng đối với các cơ hội công việc và đào tạo, và được bình đẳng trong việc trả tiền cho công việc mình làm có cùng giá trị, các quyền đối với đất đai và những tài sản vốn liếng khác, ngăn chặn quấy rối tình dục tại nơi làm việc và bạo lực gia đình, và tự do lựa chọn việc sinh nở. Việc giải quyết chúng mang lại một sự chuyển biến chậm của các phong tục truyền thống và các quy ước truyền thống của xã hội. (ILO 2002:)

Trung tính về giới

Không có ảnh hưởng tích cực hoặc tiêu cực đối với các quan hệ về giới hoặc bình đẳng giữa phụ nữ và nam giới. (Ủy ban Châu Âu, 1998)

Lập kế hoạch giới

Một cách tiếp cận tích cực đối với việc lập kế hoạch xem giới như là một tiêu chí hay là một biến số và tìm kiếm để lồng ghép vấn đề giới vào các chính sách hoặc hành động. (Ủy ban Châu Âu, 1998)
2001.

Các mối liên hệ giới

Mối liên hệ và việc phân bổ quyền lực bất bình đẳng giữa nữ giới và nam giới nêu lên đặc điểm của bất kỳ hệ thống giới cụ thể nào. (Ủy ban Châu Âu, 1998)

Vai trò giới

Một nhóm các quy định cho các hành động và hành vi được phân bổ cho nữ giới và nam giới theo trình tự đó, và được khắc sâu và duy trì thì được gọi là "Hợp đồng giới" (Ủy ban Châu Âu, 1998).

Tính nhạy cảm giới

Việc giải quyết các vấn đề có sự xem xét các khía cạnh giới (Ủy ban Châu Âu, 1998).

Phát triển con người

Phát triển con người liên quan đến việc mở rộng các chọn lựa của họ để dẫn đắt cuộc sống mà họ trân quý. Tăng trưởng kinh tế, gia tăng thương mại quốc tế và đầu tư, tiến bộ về công nghệ-tất cả đều rất quan trọng. Nhưng tất cả đều chỉ là phương tiện, không phải là đích đến. Liệu chúng có góp phần vào việc phát triển có người trong thế kỷ 21 sẽ phụ thuộc vào việc liệu chúng có tăng thêm các chọn lựa, liệu chúng có giúp cho việc tạo ra một môi trường cho con người để phát triển toàn bộ tiềm năng của họ và tạo ra cuộc sống sáng tạo và năng suất. (UNDP 2002:).

Nhân quyền cho phụ nữ

Quyền của phụ nữ, thiếu nữ và các em bé gái là một phần không thể chuyển nhượng, mang tính toàn vẹn và không thể chia tách trong các quyền phổ quát của con người. (Ủy ban Châu Âu, 1998).

Công việc/nền kinh tế không chính thức

Những hoạt động kinh tế không được trả tiền được thực hiện để đạt được lợi ích trực tiếp của hộ gia đình hoặc của những hộ gia đình của những người bạn hoặc người thân trên cơ sở giúp đỡ lẫn nhau, bao gồm các công việc nội trợ hằng ngày và một khối lượng lớn các hoạt động tự cung ứng và/hoặc hoạt động chuyên môn, liệu là một công việc duy nhất hay thứ yếu, được thực hiện một cách có ích và không phải là thỉnh thoảng, với các giới hạn của, các bổn phận hoặc từ bên ngoài, theo luật pháp, theo quy định hoặc được cam kết, những không bao gồm các hoạt động không chính thức thuộc về hoạt động tội phạm. (Ủy ban Châu Âu, 1998).

Mức độ tham gia

Mức độ tham gia của một nhóm xác định - ví dụ như phụ nữ, nam giới, cha mẹ đơn thân, v.v là phần trăm của toàn bộ sự tham gia, thông thường trong công việc (Ủy ban Châu Âu 1998).

Nghèo

Về góc độ nhân quyền, nghèo bao gồm trong việc không thực hiện được quyền của con người đối với một phạm vi các nhu cầu cơ bản - để thực hiện và là những điều mà ông ta/bà ta có lý do để trân quý. Thất bại về năng lực vì vậy là thuộc tính hạn chế của nghèo (...) Chỉ những thất bại năng lực như vậy sẽ được kể đến như là nghèo mà xem ra là vấn đề cơ bản trong một thứ tự nào đó của ưu tiên. Do các xã hội khác nhau có thể có các thứ tự ưu tiên khác nhau, số lượng những năng lực cơ bản có thể khác nhau từ một xã hội đối với xã hội khác (OHCHR, 2002).

Các quyền sinh sản

Quyền của bất kỳ cá nhân hoặc đôi nam nữ được tự do và có trách nhiệm đối với quyết định về số lượng, nơi chốn và thời gian sinh con và có thông tin và các phương tiện (Ủy ban Châu Âu, 1998)

Giới tính

Các đặc điểm sinh học phân biệt con người là nam hay nữ (Ủy ban Châu Âu, 1998).

Các số liệu có phân tách theo giới tính

Việc tập hợp và phân tách các thông tin dữ liệu và số liệu theo giới tính giúp cho việc tiến hành phân tích so sánh, đôi khi được đề cập đến như là các số liệu giới tính phân tách (Ủy ban Châu Âu, 1998).

Phân biệt giới tính-trực tiếp

Khi một người được đối xử ít thuận lợi hơn do giới tính của mình (Ủy ban Châu Âu, 1998).

Phân biệt đối xử vì giới tính-gián tiếp

Khi một luật, một quy định, một chính sách hay một hoạt động, xem qua thì trung tính, mà có một ảnh hưởng tiêu cực thiếu cân đối lên các thành viên của một giới tính, trừ khi sự khác biệt đối xử có thể được bào chữa bởi các yếu tố khách quan (Hướng dẫn Hội đồng 76/207 of 09/02/76, OJ L 39).) (Ủy ban Châu Âu, 1998)

Định kiến

Một ý tưởng cố định mà con người nghĩ về một người hoặc vật hình dung ra sẽ như thế nào, đặc biệt là một ý tưởng sai lầm (Cambridge University Press, 2003).

Phát triển bền vững

Phát triển bền vững kêu gọi việc cải thiện chất lượng cuộc sống của tất cả mọi người trên thế giới mà không cần tăng mức độ sử dụng tài nguyên thiên nhiên cao hơn năng lực chịu tải của trái đất. Trong khi phát triển bền vững có thể cần các hành động khác nhau trong mỗi vùng trên thế giới, các nỗ lực để xây dựng một cách thức thật sự bền vững cho cuộc sống cần có việc hội nhập các hoạt động trong ba lĩnh vực chủ chốt: tăng trưởng kinh tế và bình đẳng, bảo tồn các tài nguyên thiên nhiên và phát triển xã hội. (UN, 2002).

Phụ nữ trong phát triển (WID)

Vào những năm đầu thập kỷ 70, các nhà nghiên cứu bắt đầu tập trung vào việc phân công lao động dựa vào giới tính, và tác động của cấc chiến lược phát triển và hiện đại hóa đối với phụ nữ. Khái niệm WID được bắt đầu sử dụng trong giai đoạn này. Triết lý của cách tiếp cận này là phụ nữ bị bỏ rơi trong xã hội và khoảng cách giữa nam giới và nữ giới có thể được giải quyết bật bằng cách tiến hành các biện pháp bù đặp thiệt thòi bằng các cấu trúc hiện có. Cách tiếp cận WID bắt đầu công nhận phụ nữ như là những nhân vật chính trong đời sống chính trị, xã hội, văn hóa và công việc.Gần đây, cách tiếp cận WID bị phê phán vì nó có xu hướng giải quyết các các vấn đề của phụ nữ trong các các chương trình và các dự án riêng lẻ. Các tiếp cận WID không có tác động trực tiếp lên quá trình phát triển (ILO, 2000b)

Vai trò ba trong một của phụ nữ

Vai trò ba trong một của phụ nữ đề cập đến các vai trò quản lý cộng đồng, sản xuất và sinh sản. Cách thức những hình thức này được trân trọng ảnh hưởng đến cách thức phụ nữ và nam giới đưa ra các ưu tiên trong việc lập chương trình hoặc lập kế hoạch dự án. Việc cân nhắc hay không cân nhắc vai trò này có thể tạo điều kiện hoặc cản trở phụ nữ hưởng lợi từ từ các thành tựu của quá trình phát triển (Moser, C. O., 1993)

Tài liệu tham khảo

Danh mục

ADB (Asian Development Bank), 2007. *Women do Matter. Enhancing the Role of Women in Inland Fisheries in Cambodia*.

(Agencia Española de Cooperación Internacional para el Desarrollo (AECID). 2004. *Guía Práctica para la Integración de la Igualdad entre mujeres y hombres en los proyectos de la cooperación española.*

Agencia Española de Cooperación Internacional para el Desarrollo (AECID). 2004. Manual de Capacitación en Equidad de Género.

Agencia Española de Cooperación Internacional para el Desarrollo (AECID). 2007. *Estrategia de Género en Desarrollo de la Cooperación Española.*

Alcalde, A.R. 2006. *Género y Desarrollo. El Camino hacia la Equidad. Los libros de la Catarata*.

Aguliar, L. *Gender Indicators.* Reviewed by :Mary Hill Rojas and Connie Campbell. IUCN briefing note.

Aguliar, L & Castaneda, I. 2001. *About Fishermen, Fisherwomen, Ocean and Tides: A Gender Perspective in Marine –Coastal Zones.* San Jose, CR: IUCN: Absoluto 267.

AusAID. 1997. *Gender and Development: Australia's Aid Commitment*. AusAID Public Affairs.

Banco Interamericano de Desarrollo. 2002. *Enfoque de género en programas y proyectos de desarrollo.*

Binkley, M. 1995. *Lost Moorings: Offshore Fishing Families Coping with Fishery Crisis. In M. L. McConnell and Dawn Rusell (eds.). After the Collapse: The Process of change, special issue of the Dalhousie Law Journal,* 18 (1): 82-95

Commonwealth Secretariat. 1999. *Using Gender-Sensitive Indicators: A Reference Manual for Governments and Other Stakeholders*.

European Commission. 1998. *One Hundred Words for Equality: A glossary of terms on equality between women and men*.

European Commission. 2004. EuropeAid Cooperation Office. *Project Cycle Management*

Guidelines.

European Commission. 2004. EuropeAid Cooperation Office. *EC Toolkit for Mainstreaming Gender Equality in EC Development Cooperation.*

FAO. 1990. *Women, Agriculture and Rural Development: Gender issues in Rural Food Security in Developing Countries*. Rome, Italy.

FAO. 1995a. *Issues in Rural Poverty, Employment and Food Security*. D/V514E/2.95/2000.

FAO.1995b. 1995. *Development Policy and Strategy for the Benefit of Rural Women*.

D/V2715E/1/9.95/1000.

FAO, 2001. *Gender sensitive indicators: A key tool for gender mainstreaming,* by Bonnie Kettel (also available at htth://www.fao.org/sd/2001/PEO602a_en.htm)

Henshall Momsen, J.2004. *Gender and Development.*

IFPRI 1995. *Feeding the World to 2020: What Role Will Women Play? News and Views*, Washington D. C., IFPRI.

Mekong River Commission. 2006. *Technical Advisory Body for Fisheries Management. Gender and Fisheries in the Lower Mekong Basin.*

Moser, C. 2003. *Gender Planning and Development: Theory, Practice and Training.*

Neis, B. 1996. *Cut Adrift, Samudra Report* 16: 35-39

Novartis Foundation for Sustainable Development. 2005. *Project Management Handbook*.

Quisumbling, A. R. et. al. 1995. *Women: The Key to Food Security. Food Policy Report*.

Washington D. C. IFPRI.

SEAGA (Socio-Economic and Gender Analysis Programme). 2001. *Project Cycle Management Technical Guide*.

Tully, D. 1990. *Labour and the Adoption and Impact of Farm Technology. In Labour, Employment and Agricultural Development in West Asia and North Africa*. Dennis Tully (ed) pp. 3-23. The Netherlands; Kluwer Academic Publishers for ICARDA.

United Nations. 1997. *Report of the Economic and Social Council.* 1997.

UNDP. 2007. *Gender Mainstreaming in Practice: A Toolkit*

UNDP/UNIFEM. 2009. *A User's Guide to Measuring Gender-Sensitive Basic Service Delivery.*

UNICEF/UNIFEM. 1995. *Kit on the Convention on the Elimination of All Forms of Discrimination Against Women.*

Williams, Stella and B. Awoyomi. 1998. *Fish as a Prime Mover of the Economic Life of Women in a Fishing Community.*

Proceedings of the IXth International Conference of the International Institute of Fisheries

Economics and Trade (IIFET),Tromso, Norway, pp.286-292.

Whitehead, A. (2003). *Failing women, sustaining poverty*. Gender in Poverty Reduction

Strategy.Papers Report for the UK Gender and Development Network

World Bank. 2005. *The Logframe Handbook. A Logical Framework Approach to Project Cycle Management.*

World Bank. 2007. *The Gender Dimension. World Development Report 2008*. Agriculture for Development.

Các trang web có thông tin về vấn đề giới

RFLP Regional Fisheries Livelihoods Programme – gender pages

http://www.rflp.org/gender

Guide to Gender Sensitive Indicators, CIDA:

http://www.acdi-cida.gc.ca/inet/images.nsf/vLUImages/Policy/$file/WID-GUID-E.pdf

Asian Fisheries Society – Gender in fisheries and aquaculture

http://genderaquafish.org

Toolkit on Mainstreaming Gender Equality in EC Development Cooperation
http://ec.europa.eu/europeaid/sp/gender-toolkit/en/content/toolkit.htm

Equality Tool UN and Status of Women

http://www.un.org/Conferences/Women

FAO Food and Agriculture Organization – gender pages

http://www.fao.org/gender/en

ILO International Labour Organization – Gender Equality Tool

http://www.ilo.org/dyn/gender

UN Women (previous UNIFEM)

http://www.unwomen.org

UNESCO, Women and Gender Equality

http://www.unesco.org/women

UNDP Gender in Development

http://undp.org/gender

UNRISD - United Nations Research Institute for Social Development: Gender Justice, Development and Rights

http://www.unrisd.org

Development: Gender Justice, Development and Rights, World Bank GenderNet

http://worldbank.org/gender/

UN and Status of Women

http://www.un.org/Conderences/Women/